

15 THÁNG 12 NĂM 1967

BACH KHOA T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười một

NGUYỄN KHÁNH HÒA *tu tưởng của Teilhard de Chardin với người Mác-xít* * ĐOÀN NHẬT TẤN *từ Khổng-tử tới Rousseau* * VŨ ĐÌNH LỮU *mười năm không gian học* * VIỆT PHƯƠNG *100 năm chủ nghĩa Mác-xít* * TRẦN VĂN KHÊ *lá thư Ba-tư* * ĐÔNG HỒ *nghĩ về tên một quyền tự điển Tiếng Việt* * ĐOÀN THÊM *những ngày chưa quên : Ông là ai ?* * NGUYỄN HIỂN LÊ *thư ngỏ gửi một thanh niên : cuộc khiêu vũ giả-trang (dịch ANDRÉ MAUROIS)* * TỪ TRÌ *thế giới trong những tuần qua* * VÕ HỒNG *gió cuốn* * ĐỖ TIẾN ĐỨC *má hồng* * YUYÊN *giọt nước* * NGUYỄN MINH HOÀNG *tôi đã chiến đấu cách nào (dịch SLAWOMIR MROZEK)*
SINH HOẠT *buổi bình minh của thanh niên trí thức*

263





L'antitussique pour
tous les âges...

Sirop Pectoral Gobeys

- sans opiacés
- sans action dépressive
- sans effets secondaires

De 1 cuiller à café chez le nourrisson à une cuillerée
à soupe chez l'adulte.

GOUT AGRÉABLE

3-24



B Á C H

KHOA THỜI-ĐẠI

Số 263 ngày 15-12-1967

NGUYỄN KHÁNH HÒA <i>tư tưởng của Teilhard de Chardin với người Mác-xít</i>	3
ĐOÀN NHẬT TẤN <i>từ Khổng-tử tới Rousseau</i>	9
ĐÔNG HỒ <i>nghĩ về tên một quyền tự điển Tiếng Việt (góp ý kiến với Ủy-ban Điển-chế Văn-tự)</i>	13
ĐOÀN THÊM <i>những ngày chưa quên : Ông là ai ?</i>	19
TRẦN VĂN KHÊ <i>lá thư Ba-tư</i>	28
NGUYỄN HIẾN IÊ <i>thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống : Cuộc khiêu-vũ giả trang (dịch ANDRÉ MAUROIS)</i>	31
VŨ ĐÌNH LƯU <i>mười năm không gian học</i>	35
VIỆT PHƯƠNG <i>100 năm chủ - nghĩa Mác-xít</i>	40
VÕ HỒNG <i>gió cuốn (truyện dài)</i>	54
Y UYÊN <i>giọt nước (truyện ngắn)</i>	64
TỪ TRÌ <i>thế giới trong những tuần qua</i>	61
ĐỖ TIẾN ĐỨC <i>má hồng (truyện dài)</i>	65
BÁCH KHOA THỜI ĐẠI <i>đọc sách giúp bạn : Cát lầy (Thanh Tâm Tuyền); Nghĩ trong một xã hội tan rã (Thế Uyên); Vào nơi gió cát (Nguyễn Thị Hoàng).</i>	72
NGUYỄN MINH HOÀNG <i>tôi đã chiến đấu cách nào ? (truyện dịch, nguyên tác của SLAWOMIR MROZEK).</i>	76
SINH HOẠT	
THẾ NHÂN <i>buổi bình minh của thanh niên trí thức</i>	83

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa-soạn :

160 Phan Đình Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133 Võ Tánh Saigon

GIÁ 25\$ Công sở : Giá gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

HỢP THU

Bách khoa đã nhận được những bài sau đây :

Yến xuân hồng (Thùy-Dương-Tử) Mẹ con (Nguyễn Hoài). Tuổi mùa Xuân Giao thừa (Bùi Nghi Trang). Gởi cháu trai ; Mùa Xuân trong thơ lục bát ; Ăn năn (Phan Nhự Thức) Nghi về tương lai (Tấn Nguyễn). Mùa Xuân của nàng ; Mùa Đông em và tôi ; Bông tay ; Phiên khúc buồn mùa Xuân (Trần-Vũ Cung-Thy). Xuân cảm động ; Tình quân dân ; Khai Xuân (Giang-Đình). Cúm mây xám (Võ Cao Trúc). Vào Xuân ; Bao giờ (Hoàng-Nhật-Quang) Tin cho nàng (Đoàn Công Á) Cái chết cha ; Bay trời ; Lời vọng Phận con ; Quanh bờ hạnh phúc ; Trên đồng cỏ nội ; Cũng đành (Hà-Đình-Thao) Nói với người yêu 13 tuổi ; Bài để lại cho học trò (Hoàng Lộc) Nhắc bạn (Hải-Sa) Viễn vọng hòa-bình (Vũ Hoài Tâm) Nỗi niềm chia hai ; Mưa chiều trên dốc ; Mùa Thu qua cầu (Tư Hoài Tấn) Mùa Xuân từ đó (Trần Dạ Lữ) Nàng ; Đơn côi (Tâm Thi) Những mùa Xuân đại (T.H) Thần tượng con người. Sắc đẹp thiếu thu ; Giao hội ; Hùng khí non sông (Nguyễn Đức Cung). Tình thơ (Trần Từ Nhơn). Mừng Bách-khoa 11 năm. Xuân tang thương (Thiện Thư) Xóm dưới huy hoàng (Văn Lệ Thiên). Mùa Xuân trên cồn đất (Hoàng Lạc Chương). Bài tình ca mùa Xuân ; Tháp cổ ; Một vì sao lạ. Bài thơ viết dưới gầm cầu. Trên đời nhìn xuống (Trần Hoài Thi) Thơ gởi cha mẹ từ miền sôi động (Nguyễn Đình) Ánh lửa non hồng ; Về đêm (Thiếp Lan Đình) Mùa đông ; Bài kinh nửa đêm ; Trí nhớ của người Việt Nam (Hồ Minh Dũng). Trong các tiếng ; Buổi sáng ; Niềm tin ; Hành khúc tương lai (Kinh Dương Vương) Trả thù nhà (Mai Đức Phương) Phiên khúc gọi về ; Mùa xuân trên thung

lũng nhỏ (Vương-Thị) Bài này cho em (Vũ Hoài Tâm). Tiếng hát mùa Xuân (Lê Bá Lăng) Năm khỉ nói chuyện khỉ (Võ Văn Diệp) Một đời lang thang (Dương Thủy Long) Đi về hướng mặt trời (Nguyễn Lê Tuấn) Nỗi nhớ mùa Xuân ; Kiếm tìm ; Cái xuống, Một chiều trên quê hương (Thủy Triều) Hẻm mặt trời (Mạc Ly Châu). Bất lực ; Nói với thằng bạn đã chết (Trần Biều Ngũ).

Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách Khoa mà vẫn chưa đăng trừ THƠ và trường hợp có thư riêng) thì các ban coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

SÁCH MỚI

Tan chị Bích-khoa trên trong cảm ơn cơ sở báo chí và xuất bản Đông-Phương đã gửi tặng những sách sau đây :

— **Hương Thu** tập truyện của Đỗ Phương-Khanh, dày 106 trang, gồm 7 truyện ngắn. Giá 60 đ

— **Hai chị em** tập truyện của Nguyễn thị Vinh, dày 150 trang, gồm 7 truyện ngắn. Giá 68 đ

— **Sân trong thành phố** truyện trình thám của Nguyễn-Tùng và Miu miu tướng quân của Lê-tất-Điều, thuộc "Loại sách Năng Hồng" dành cho thiếu nhi. mỗi cuốn dày 32 trang. Giá 10đ

— **Thơ tuyển** tập thơ của 15 tác giả : Bình nguyên Lộc, Đoàn quốc Sỹ, Dương Kiên, Hoàng hương Trang, Hoàng xuân Việt, Lãng Nhân, Mai Thảo, Minh Đức Hoài Trinh, Nguyễn thị Hoàng, Nguyễn thị Vinh, Nhật Tiến, Phở Đức, Toan Ánh, Vi Huyền Đắc, Võ Phiến, có chân dung 15 tác giả của một số họa sỹ minh họa. Số thơ của mỗi tác giả có từ 1, 2 bài đến 7, 8 bài. Sách dày trên 120 trang, khổ 21x27 Giá 200 đ

Tư tưởng Teilhard de Chardin với người Mác-xít

● NGUYỄN - KHÁNH - HÒA

Một hiện tượng :

Từ khi Teilhard de Chardin mất (10-4-1955) tên tuổi ông càng ngày càng lừng lẫy. Đến nay đã có đến hàng trăm cuốn sách viết về ông, không kể những bài báo, những lớp học, những cuộc thuyết-trình, hội-thảo lấy tư-tưởng ông làm đề tài. Mà không phải chỉ có những người đồng-đạo của vị linh-mục bác học này mới quan tâm tới cuộc đời và sự nghiệp của ông; đến cả những người ngoài Ki-tô-giáo, người vô-thần, người cộng-sản cũng vậy.

Tư-tưởng của Teilhard đã lan tận sang bên kia bức màn sắt. Báo chí cộng sản viết nhiều bài bình luận về ông. Năm 1965, Nga-sô cho dịch và in cuốn *Le Phénomène humain* (Hiện-tượng con người) để làm tài-liệu nghiên-cứu. Bản dịch này có mang lời Nhập-đề của Roger Garaudy, nhà tư-tưởng Mác-xít tăm tiếng Pháp. Ở Balan, ba tác phẩm khác của Teilhard cũng đã được xuất bản, đồng thời một « Hội Teilhard de Chardin » ra đời. Năm nay (1967) ở Đại-học Varsovie, giáo sư T. Mrowczynski điều khiển những lớp thảo-luận về Teilhard suốt một lục-cá-nguyệt.

Tại sao người cộng sản chăm chú theo dõi và nghiên-cứu tư tưởng vị linh-mục công giáo này như thế ?

Garaudy trong bài Nhập-đề nói trên cho rằng tư tưởng Teilhard là một cố gắng để dung-nạp vào Ki-tô-giáo những sức mạnh hùng hậu nhất trong thời-đại chúng ta, là khoa học và những nỗ lực kiến tạo tương lai con người ».

« Một đứa con của trần-gian »

Teilhard thường gọi mình là « một đứa con của trần-gian ». Ông có ý nói: ông là tín-đồ trọn- vẹn, đồng thì cũng là một con người trọn vẹn, say sưa với nhiệm vụ gánh vác thế gian, xây dựng một trần gian tốt đẹp. Đạo và Đời không thể chống nghịch nhau, người tín-đồ chẳng cần phải chọn lựa. Khi A. Camus, trong cuốn *Dịch-hạch* đối lập thánh-nhân với ông thầy thuốc, vì cho rằng thánh nhân yêu mến thế gian với những đau khổ của thế gian, nhưng không tìm hiểu và ra tay cứu chữa, còn thầy thuốc là người chỉ lo thoa dịu đau khổ nhân thế, thì không phải là tác giả hoàn toàn vô lý. Biết bao tín đồ chẳng những là thủ phạm, mà còn lo sợ nếu không phải là chán ghét những giá trị trần thế như khoa học, nghệ thuật, văn chương, chính-trị, kinh tế, lao động. Họ không biết rằng: « Thiên-Chúa ở đầu ngòi bút tôi viết, đầu lưỡi cuộc tôi đào, đầu ngọn bút tôi vẽ, đầu mũi kim tôi khâu... » (Teilhard de Chardin: *Le Milieu divin*, 54). Teilhard quả quyết: « Một tôn giáo bị coi là thấp hơn lý-tưởng-làm-người của ta, thì dù có thần diệu đến đâu cũng chỉ là một tôn giáo bỏ đi » (như trên, 97) Ông luôn luôn lạc quan tin tưởng mãnh liệt vào bước tiến của nhân loại. « Môn học chân chính là môn học lấy Tương lai làm đối tượng » (Thư đề 30-9-1923). Và: « Chỉ có một khoa-học độc nhất là khoa-học khám phá sự phát triển của vũ trụ » (Thư đề tháng 10-1923)

Khởi phải nói, thái-độ lạc quan yêu đời này rất được người mác-xít hoan nghênh, tuy nguyên-do lạc quan của đôi bên không hoàn toàn giống nhau.

Duy-vật hay Duy-tâm ?

Như Teilhard viết (*Thư* đề 8-9-1935), chính Quá-khứ tỏ cho ông thấy việc xây dựng tương lai phải như thế nào. Teilhard trước tiên là một nhà cổ-sinh-vật học. Vũ-trụ-quan của ông dựa trên những quan sát về địa-chất và cốt-tích sinh vật, cũng như những kết luận chắc chắn của những ngành khoa học khác như thiên-văn, lý-hóa. Một điều ông không hề hồ nghi là vũ trụ biến hóa trong không gian và thời gian như một cơ thể khổng lồ theo một chiều hướng nhất định.

Thử nhìn vào trái đất ta ở. Nó gồm có ba « giai tầng » : vật chất, sự sống (sinh vật) và ý thức (con người). Ba giai tầng này liên lạc mật thiết với nhau. Nói cách khác, chính con người cũng là một phần của hiện tượng vật-giới, nhà khoa học không được đề riêng ra một bên bất cứ vì lẽ gì, vì e rơi vào thuyết duy tâm hay vì sợ hạ giá Tinh-thần xuống. Teilhard cho rằng nếu làm như thế người ta sẽ không hiểu hết hiện tượng vật-giới. Và ông đã chọn hiện tượng con người làm khởi điểm để phân tách sự kiện biến-hóa. Bởi vì trên thực tế, phải công nhận con người là kết quả tốt đẹp nhất của lẽ Biến hóa, hay nói theo nhà bác học Julien Huxley, là bông hoa nở đầu ngọn-cây-trái-đất. Nhưng hiện tượng con người mà nhà khoa học quan sát, không phải chỉ gồm những yếu tố lý-hóa mà thôi, mà cũng còn gồm những -sự-kiện ý-thức nữa. Teilhard sáng suốt nhìn nhận rằng quan điểm của ông chỉ là một trong những quan điểm khác, nhưng chân lý một giả thuyết khoa học là ở chỗ giả thuyết đó sẽ dung nạp

được những sự kiện quan sát một cách điều hòa hay không.

Vậy lấy Con người làm khởi-điểm nghiên cứu, ta thấy gì ?

Trước hết ta thấy vật chất càng ngày càng kết cấu phức tạp hơn, từ phân-tử đến tế-bào, từ tế-bào đến những sinh vật gồm nhiều tế-bào, và từ những sinh vật này đến những cơ thể phức tạp hơn. Cho đến con người thì độ phức tạp đạt đến mức tối cao. Đàng khác, độ phức tạp càng tăng, thì khả năng tâm-linh (psychique) cũng tăng theo. Đó là một sự kiện không chối cãi được. So sánh thần-kinh-hệ các sinh vật với nhau và với con người cũng đủ thấy. Có thể nói : vật chất cũng có một bề ngoài và một bề trong. Bên cạnh năng lực quy-tập các yếu tố trên cùng một bình diện lại với nhau, vật chất còn có năng lực « hướng nội » (concentration), nghĩa là cô đọng lại trên mình. Rồi một lúc nào đó sự sống xuất hiện như một sự-kiện hoàn-toàn mới mẻ trong đà biến hóa của vật chất. Bề trong của vật chất đã đạt đến độ tâm linh dưới nhiều hình thái khác nhau. Nhưng chỉ đến Con người, năng lực « hướng nội » mới trọn vẹn : chỉ Con người mới có khả năng phản tỉnh và tư tưởng. Một động vật có thể cảm và biết, nhưng nó không biết mình biết và cảm. Vậy có thể nói, mạch nước chảy ngầm dưới giòng sông Biến-hóa là Ý-thức ; kết cấu của vũ trụ ngay từ đầu đã là « những mầm tự do sơ đẳng » ; càng đi lên trong bậc thang Biến hóa, càng bắt gặp nhiều tính cách bột phát hơn (spontanéité) cho đến Con người thì xuất hiện Ý-thức và Tự do.

Đến đây, chúng ta tạm dừng để nghe người mác-xít phát biểu.

Theo Duy-vật Bện-chứag, không có sự vật gì bất di bất dịch và vĩnh cửu, ngoại trừ Vật-chất và những luật-lệ qui

định sự tiến-hóa của nó(1). Thế giới là vật chất di động. Trong đà biến hóa đó, có những thay đổi về lượng và những thay đổi về phẩm, nói cách khác, có những bước nhảy vọt, chẳng hạn từ nước là đến nước đá. Nói chung, vật chất luôn luôn biến hóa đến những hình thái hoàn hảo hơn. Duy-vật biện-chứng chủ trương một thuyết Biến-hóa lạc quan. Nhưng tất cả, dù là tâm - linh, ý-thức, đều là vật chất.

Nhìn chung, ta thấy Teilhard de Char-din đi khá sát lý thuyết mác-xít. Trong cuốn *Perspectives de l'homme : Existentialisme, Pensée catholique, Marxisme*, Roger Garaudy trích dẫn lời phê phán sau đây của Cl. Cuénot : «Đối với linh mục Teilhard, — và về điểm này ông gần gũi thuyết mác-xít, — biện-chứng-pháp trùng hẳn với chuyển động của thực-thể (réel). Khoa học chỉ làm nổi bật những đường khớp của thực thể mà thôi.» Nhưng Garaudy không chấp nhận lối cắt nghĩa lấy cứu-cánh làm khởi-điểm, và kể Teilhard là một nhà duy-tâm.

Như chúng ta đã thấy, một trong những tư tưởng căn bản của nhà bác học này là Con người quy tụ trong mình tất cả năng lực của vũ trụ. Nói cách khác, ông chủ trương thuyết duy-nhân : vũ-trụ hiện hữu là để sửa soạn con người xuất hiện. Đó là một tư tưởng người mác-xít không thể chấp nhận. Nicolae Tertulian, đại diện cộng sản Hung-Gia-Lợi tại cuộc hội-thảo về Teilhard ở Đức tháng năm vừa qua, nói rằng : « Theo thuyết Mácxít, một trong những định luật của kiến thức khoa học trong địa hạt thiên nhiên cũng như trên bình diện xã hội, là «đóng

khung con người lại », xếp bỏ mọi thứ chủ quan ».

Chúng tôi nghi lời phê bình cốt yếu của Tertulian và của Garaudy tựu trung chỉ là một : Người mác-xít chọn vật-chất làm khởi điểm, còn Teilhard dành ưu tiên cho sự sống nơi con người kể như một hiện-tượng hoàn toàn đặc biệt của vũ trụ biến hóa.

Làm sao đặt hiện-tượng này vào toàn bộ hiện-tượng vũ-trụ ? Không thể lấy cái dưới cắt nghĩa cái trên, hạ tinh-thần xuống ngang hàng với vật-chất. Nhưng Teilhard cũng không lấy tinh-thần cắt nghĩa vật-chất. Ông không phải là một nhà duy vật hay duy tâm. Theo ông, vật-chất là khu đất cho tinh-thần nảy nở. Không thể đồng hóa, nhưng đồng thời cũng không thể đối lập khu Đất với bông Hoa. Giữa Hoa và Đất có một mối liên-hệ kiểu biện-chứng-pháp. Giả thuyết : chất liệu của vũ trụ gồm có một bề ngoài và một bề trong, đã tỏ ra có khả năng làm sáng tỏ tất cả mọi hiện tượng của vũ trụ trong quá khứ. Còn trong tương lai thì sao ?

Thế-giới đại-đồng ?

Đến nay, chúng ta đã theo dõi đà Biến hóa qua lịch sử của nó. Nhưng không lý gì, nó phải dừng lại nơi Con người.

Vậy nhân-loại tiến về đâu ?

Trước hết có thể tin rằng từ nay trên mặt đất không còn Ý-thức nào xuất hiện bên cạnh Ý-thức phản-tinh của con người nữa. Vật chất đã kiệt sức khi biến hóa từ giai tầng này qua giai tầng khác, chẳng hạn từ vật giới qua sinh giới. Nếu nhận định này, Teilhard có ý chứng minh hai điều : một là đà Biến hóa không thể đi dật lùi được, hai là Con người là tinh hoa qui tụ tất cả năng lực của Trái đất. Đàng khác, nếu

(1) Đúng về phương diện khoa học, không thể quả quyết Vật-chất là vĩnh cửu.

cho đến nay, đã Biến-hóa nói chung luôn luôn vươn tới Ý-thức và lẽ Hợp-nhất (song song với những tổ chức cơ cấu càng ngày càng phức tạp), thì cứ sự thường, nhân loại cũng phải tiến theo chiều đó. Có điều là từ nay nhân loại có thể dự phần tích cực vào đã Biến hóa.

Là nhân-vị có tự do, con người dễ rơi vào họa ích-kỷ, khép kín. Nhưng đáng khá, nếu chúng ta chỉ có khuynh hướng coi mình là trung tâm tuyệt đối, thì tại sao ta không bao giờ tạo nguyện, không bao giờ tìm được thắng bằng? Không, chúng ta không phải là những đơn-tử sống kề nhau. Ta cảm thấy còn thiếu một cái gì; ta luôn luôn vượt qua khỏi mình, đi tới ngoại cảnh và tha nhân bằng Tình-yêu, bằng Lao-động, bằng óc khám phá tìm tòi. Trên thực tế, nhân loại càng ngày càng xích lại gần nhau, nhờ những phương tiện truyền thông, nhờ thương mại, kỹ nghệ, những trao đổi văn hóa và những tổ chức quốc-tế đủ loại. Một thứ Ý-thức cộng-đồng đang thành hình. Hết mọi lãnh vực đời sống nhân loại càng ngày càng được xã-hội-hóa. Và đó phải là lẽ sống còn của loài người.

Những tư tưởng trên đây xem ra không xa với Lịch-sử Biện-chứng của cộng sản bao nhiêu. Nicolae Tertulian viết: «Trong sự nghiệp của Teilhard, nhiều chỗ ông diễn tả một cách tài tình và say sưa quá trình xã-hội-hóa và hợp-nhất-hóa của đời sống xã hội thể-kỷ trước. Những điều ông viết về sự thất bại của những ai ra sức giải quyết các vấn-đề con người hiện tại theo quan điểm cá nhân ích kỷ; những lời ông đả kích phái Hiện-sinh và triết-tuyệt «đơn-ử», khiến ta nghĩ tới nhà bác-xít G. Lukacz khi ông phê

bình Karl Jaspers, một lãnh-tụ quan trọng Thuyết Hiện-sinh.»

Nhưng đừng vội đồng hóa xã-hội lý tưởng của Teilhard với xã hội vô-giai-cấp của cộng sản. Nếu ông quyết liệt-chống lại chủ nghĩa cá nhân, thì đồng thời ông cũng lớn tiếng tố cáo mọi hình thức độc tài lấy đoàn thể đè bẹp cá nhân. Năm 1937, ông viết: «Tất cả những hệ thống tổ chức nhân loại đang cạnh tranh nhau dưới con mắt chúng ta, đều chủ trương ngấm ngấm rằng trạng thái cuối cùng mà loài người sẽ đi tới, là một cái xác không linh hồn riêng biệt cho mỗi cá nhân, là một cơ thể không khuôn mặt, một nhân-loại mù mờ, vô-ngã.» (L'Énergie humaine, 187.)

Muốn không phản bội Biến-hóa, nhân loại phải hợp nhất, nhưng đồng thời mỗi nhân-vị phải được sống đậm đà hơn cái bảo linh của mình. Cũng như trong tình yêu, càng kết hợp mật thiết, sự khác biệt giữa người này và người kia càng nổi rõ. Teilhard cho rằng để liên kết những con người tự do, chỉ có Tình-yêu (một năng lực ghê gớm của vũ trụ) là hữu hiệu. Trong nhân loại lý tưởng, con người sẽ hòa hợp thông cảm với nhau; các năng lực tinh thần sẽ được giải tỏa và tự do phát triển...

Đừng nghi chúng ta đã vượt ra khỏi phạm vi khoa học thuần túy. Khi nói nhân loại sẽ tiến dần đến một hợp-thể-có-ý-thức, một thứ siêu-nhân tập-đoàn, Teilhard chỉ áp dụng những định luật của Biến-hóa, quan sát được trong các giai đoạn trước. Nhưng đến đây, khoa học không đi xa hơn được nữa. Cha bây giờ, Teilhard mới vận dụng đến tôn giáo của ông và cho rằng tốt-đỉnh nhân loại sẽ vươn tới, là một Ý-thức siêu việt, một Nhân-vị tuyệt đối có sức kết tập mà không phá hủy những ý-thức hữu hạn là

con người. Đó chính là đức Ki-tô theo như thánh Paul nói: Trong ngài, mọi sự được tạo nên; nhờ Ngài mọi sự được tồn tại, và tất cả sẽ qui tụ lại nơi Ngài.

Sự khác biệt giữa duy vật vô thần và tư tưởng Teilhard không đâu hiển nhiên bằng chỗ này. Nhưng ngay trên bình diện khoa học thuần túy, cũng còn lắm điểm chia cách. Ở đây chúng tôi chỉ có thể nêu lên vài tí dụ.

Teilhard áp dụng vào địa hạt xã hội những định luật của khoa sinh-vật-học. Bởi thế ông cho quá-trình xã-hội-hóa là chuyển động tự nhiên và điều hòa của một cơ thể, trong lúc mác-xít tìm nguyên nhân nơi cơ cấu phức tạp và mâu thuẫn của đời sống kinh-tế. Một khi đã định nghĩa con người là một Ý-thức phản tỉnh, tất nhiên ông sẽ lấy tình yêu làm động cơ thống nhất loài người. Ông coi nhẹ hiện tượng tha-hóa và khía cạnh tiêu cực trong thiên nhiên và xã hội (Garaudy). Sự ác hình như chỉ là một sản phẩm phụ thuộc của Biến-hóa. Trái lại đối với người mác-xít, nó là một hiện tượng quan trọng dính liền với một cơ cấu xã-hội nhất định nào đó. Vì thế họ dành ưu tiên cho công cuộc cách-mạng xã-hội (Tertulian).

Trong một bức thư gửi cho Garaudy, Claude Cuénot công nhận tư tưởng Teilhard là một thứ lý-thuyết phiếm-sinh-vật (panbiologisme) coi nhẹ những

đặc tính của thực-tại xã hội, nhưng theo ông, sở dĩ Teilhard chọn quan điểm sinh-vật-học, là vì môn này liên kết được toàn bộ hiện tượng. nổi liền thể giới vô tri (inanimé) với hữu tri, và hữu tri với tâm linh (psychique). Cuénot không chấp nhận ý kiến cho rằng Teilhard dùng cứu-cánh của Biến-hóa để xây dựng tư tưởng của mình.

oOo

Tại sao công sản chăm chú nghiên cứu Teilhard de Chardin! Trước tiên hẳn là vì cảm thấy cần phải bao vệ lý thuyết mình. Thái độ của những người như Pluzanski (Balan) là thái độ tự vệ, nếu không phải là lo sợ va đả kích tiêu cực. (Ở Balan 80 phần trăm dân số là ki-tô-giáo). Cũng không lạ: có người cho tư tưởng Teilhard là hệ-thống duy nhất hiện nay có thể đương đầu được với chủ nghĩa Mác-lê.

Nhưng một số mác-xít gia khác xem ra có cảm tình thật với Teilhard vì thấy ông xác nhận nhiều quan điểm của chính mình. Họ hy vọng nhờ đó mà sự cộng tác với Ki-tô-giáo sẽ dễ dàng hơn. Chiến lược? Hay thành tâm? Không thể trả lời tổng quát được. Nhưng giá chỉ được một số ít nhà cộng sản có can đảm từ bỏ một phần nào óc độc đoán, giáo điều, như Garaudy và Tertulian, thiết tưởng cuộc đối thoại cũng đã đáng cho ta hoan nghênh lắm rồi.

NGUYỄN-KHÁNH-HÒA

Đã phát hành :

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

của ĐOÀN THÈM tác giả HAI MƯƠI NĂM QUA.

Các biến chuyển lớn từ Thế-chiến thứ nhì. với đủ mặt ác vai tuồng trên chính-trường Việt-Nam

Xin hỏi : NAM CHI TÙNG THU.
số 3 Nguyễn siêu Saigon
hoặc các hiệu sách lớn tại Đô-thành

B. N. P.

BANQUE NATIONALE DE PARIS

Siège social : 16, Boulevard des Italiens — PARIS

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — SAIGON

Tél. 21.902 (3 lignes) — 24.995

B.P. : E - 5

BUREAU DE QUARTIER

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Tél. 22.797

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central
HONG KONG

Téléphones : 24 — 6081 (8 lignes)
P.O. Box N° 763

Bureau Permanent Causeway Bay

60-62, Yee Wo Street — HONGKONG

Tél. 772.171 à 772.173

Bureaux De Kowloon :

Agence TSIM SHA TSUI

Milton Mansion, 96 Nathan Road

KOWLOON Tél. 667.254

Bureau Permanent

Sham Shui Po :

290 et 292, Castle Peak Road, KOWLOON

Tél. 863.875

Bureau périodique

«Des Voeux Road» :

Realty Building, 71 des Voeux Road

Central, Hongkong

BUREAU DE REPRÉSENTATION

DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

PHNOM PENH

Tél : 24.37

B.P. N° 122

★

Từ Khổng-tử đến Rousseau

Trong Giáo-dục, người ta thường sánh đôi quan-niệm *Nhân chi sơ tánh bản thiện* của các nhà giáo-dục cổ Trung Hoa với tư-tưởng của J.J. Rousseau, một văn-hào Pháp, cho rằng *con người sinh ra vốn đã tốt*.

Họ là người ở hai nước cách xa nhau hàng muôn nghìn dặm, sống trước sau nhau hơn hai mươi thế-kỷ, quả thực đã gặp nhau trong tư-tưởng chẳng?

Điều chắc chắn là lời nói của hai đảng đều giống hệt như nhau.

Bên Âu-tây, Rousseau, và các nhà giáo-dục mới sau này, thì cho rằng con người sinh ra vốn tốt, xã-hội đã làm cho họ xấu đi; trẻ con vốn đã có lương-tâm sáng suốt trước khi biết lý-luận: « Tôi muốn làm gì là cứ tự-vấn lương-tâm, cái gì tôi cảm thấy tốt là nó tốt, cảm thấy xấu là nó xấu... lương-tâm không lầm lẫn bao giờ... ai theo lương-tâm là vâng lời tạo-hóa » (Emile, Livre IV). Các Nho-gia thì chủ trương « tính người là mệnh Trời, đạo là theo đúng tính ấy » (Thiên-mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo). Con người sinh ra là đã có cái tốt lành, vì đó mà họ giống nhau, chỉ vì không biết dạy dỗ mà cái tốt ấy mới bị thiên-lệch (tính tương cận, tập tương viễn... cầu bất giáo tính nãi thiên) (Tam-tự-kinh)

Tuy nhiên từ những lời lẽ giống nhau ấy lại dẫn đến hai thái-độ hoàn-toàn khác nhau, trong cách giáo-dục con người.

Rousseau viết quyển Emile để biện minh rằng người ta có thể tin cậy ở lương-tâm trẻ Emile ngay từ tuổi nhỏ; như vậy giáo dục là chuyện hoàn toàn *tiêu-cực* ngay từ buổi ban đầu và không phải là việc dạy đạo-đức hay chân lý mà chỉ là phòng-ngự cho tâm trí khỏi hư-hỏng lầm lạc (La première éducation doit donc être purement négative. Elle consiste, non point à enseigner la vertu ni la vérité, mais à garantir le coeur du vice et l'esprit de l'erreur-Emile, Livre II). Quan điểm giáo-dục của các Nho-gia thì trái ngược: Giáo-dục phải là chuyện *tích-cực*, vì con người vì như viên ngọc quý đó, nhưng nếu không mài dũa thì chẳng ra cái gì (ngọc bất trác bất thành khí) cho nên làm người là phải học mới biết phải trái (nhân bất học bất tri lý). Người quân-tử có học mới biết đạo (học dĩ tri kỳ đạo). Mạnh-tử là người có nhiều tư-tưởng giống với Rousseau, nhưng cũng không phủ-nhận vai trò của giáo-hội theo những khuôn phép của thánh-hiền và chính Mạnh-tử còn đề ra nhiều phương pháp giáo-dục (giáo diệc đa thuật hỹ). Trong khi Rousseau chủ-trương gạt bỏ ảnh hưởng của cái xã-hội chung-quanh thì Mạnh-tử, sống ở một thời nhiều nhiễu-nhương như đời Chiến-quốc, mà lại đề cao vai trò của hoàn cảnh, vì chốn ở của con người như sự ăn uống có thể biến-đổi cái thân thể (cư di khí, dưỡng di thể, đại tai cư hồ). Tuy khuyên người;

đời không nên đánh mất cái tâm hồn-nhiên của «đứa con đỏ» (Bất thất kỳ xích-tử chi tâm) nhưng Mạnh-tử lại nói rằng người mà không dạy chẳng khác nào cầm thú (nhân nhi vô giáo, tắc cận ư cầm thú).

Bởi đâu lời tuy nói giống nhau mà việc làm lại khác nhau như vậy? Thừa rằng: Lời nói tuy giống nhau mà nghĩa lý hoàn-toàn xa-cách, xa-cách như những không gian và thời gian tách biệt giữa Âu Á cổ kim.

Trước hết là quan-niệm thiên-nhiên của Rousseau không phải là cái thiên-lý của Khổng-tử; mỗi đảng đã lập thuyết từ một ý-thức-hệ khác nhau. Là một tín-đồ của *Thiên-Chúa-giáo* (Profession de foi du Vicaire savoyard-Emile, Livre IV), Rousseau coi con người như một sáng-tạo linh-diệu của Thượng-đế toàn năng. Thượng-đế sinh ra người theo hình ảnh của Ngài nên đã khắc sẵn vào tâm-khảm của chúng ta những nguyên lý đạo-đức toàn-thiện, không thể xóa mờ, không thể làm lẫn được (Emile, Livre IV) Tâm hồn của trẻ con là tâm-hồn của Adam trước khi nhiễm nguyên-tội, bởi vì không có sa đọa nguyên-thủy trong lòng người (Il n'y a point de perversité originelle dans le coeur humain-Emille, Livre II) và tội lỗi là chỉ do xã-hội đưa đến mà thôi.

Bởi đức-tin tuyệt đối vào Thượng-đế ấy mà chủ nghĩa Rousseau ra chiều *cứu-cánh-luận* (finalisme), loại bỏ mọi hình thức giáo dục tích cực và cả vai trò tự tu của con người đối với chính mình. Con người chỉ có việc tin-tưởng tuyệt-đối vào lương-tâm thiên phú: «Tôi muốn làm gì là chỉ việc tự vấn lương tâm... Chỉ khi nào người ta mà cả với lương-tâm thì ta mới cần đến những chỉ li của lý-luận» (Ce n'est quand on marche avec la conscience qu'on a recours aux subtilités du raisonnement).

Nhưng vì có Thượng-đế sáng suốt nên Rousseau và trò Emile, vốn là hình-ảnh của Ngài, nên cũng sáng suốt. Do đó những chuyện tưởng-tượng trong quyển Emile đều dẫn đến kết quả tốt đẹp để cuối cùng trò Emile trở nên một con người lý tưởng theo Rousseau. Những nhà giáo-dục mới của đời sau đem áp-dụng vào thực-tại chủ-trương giáo-dục của Rousseau mà không được sáng-suốt như Rousseau, lại gặp những người học trò không có lương tâm sáng suốt như Emile, nên các lớp học giáo-dục tự-do ở Hambourg đều thất bại đề rồi W. Foerster qui tội cho « cái sai lầm căn-bản của chủ-nghĩa Rousseau » (l'erreur fondamentale du Rousseauisme).

Ở Á đông ta tuy các Nho-gia cũng tin ở cái tính vốn tốt từ đứa con đỏ nhưng đường lối-giáo-dục thật là dè dặt. Nếu Rousseau cho rằng trò Emile từ lúc bé đã có thể cảm biết thị-phi rồi và không cần ai dạy đạo-đức chân-lý nữa thì Khổng-tử lại bảo rằng mình phải học đến già và đến bốn mươi tuổi mới hết nghi ngờ, năm mươi tuổi mới biết Thiên-mệnh. Dù Trời phú sẵn Minh-đức, các Nho gia cũng không quan-niệm Minh đức ấy như một thành phần riêng rẽ, mà chỉ là một trạng-thái của con người, đó là *tinh*, giống như sự trong suốt của nước, có thể xuất hiện ra khi nước «tịch nhiên bất động». Còn *thiên-mệnh* thì cũng như ánh sáng chỉ có thể chiếu xuyên qua nước khi nước đã tự mình trong suốt rồi. Do đó mà đạo đức chỉ có do sự tự động hòa hợp giữa Trời và người trong một tương-quan «Thiên nhân tương dữ»: «Trời sinh ra muôn vật, nhân cái tài-lực của từng vật mà đôn đốc thêm vào, cho nên vật nào có thể vun đắp vào được thì vun đắp vào cho tốt lên, vật nào nghiêng lệch thì lam cho đổ nát đi»

(Thiên chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên, cố tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi. Muốn cho tính được vững bền, người ta phải tập từ thừa nhỏ (Thiếu thành nhược thiên tính, tập quán như tự nhiên). Do đó mà phải có một cố gắng giáo-dục tích-cực của con người mới "suất" được tính. Đạo đức của con người được tô-bồi vun đắp từ trong ra ngoài và cũng từ ngoài vào trong.

Lại cũng theo đạo Nho, tính chính là cái tâm hay lương tri, tự nó trực-giác mà biết được mọi việc. Trí là do lòng thị-phi, một trong tứ đoan của tâm con người mà ra và tâm là một trạng thái không thể chia cắt. Vì thế trí không tách biệt với tâm như trong quan-niệm của người Tây-phương với lối nhìn phân tách duy-lý của Âu-châu thế-kỷ thứ 18. Chính lối nhìn phân-tách này đã khiến Rousseau đổ tất cả tội lỗi cho lý-trí (la raison) trong khi các triết-gia Á-đông đặt Trí trong Tâm thì sự tốt hay xấu của Trí không thành vấn-đề nữa vì chỉ có Tâm là đáng kể. Người Âu Tây có lối lập luận kỳ lạ là có thể phi-báng, ngờ-vực lý-trí mà không thấy nó liên-hệ gì đến tâm con người! Pascal đã tưởng mình sáng tạo được điều chí-lý khi cho rằng: « Tâm có những lý mà lý-trí không thể biết được » (le coeur a des raisons que la raison ne connaît point. Sở dĩ thấy như vậy chỉ vì Pascal đã tách-biệt trí khỏi tâm và nghiêm-trọng hơn nữa là đã đối-lập tâm với trí. Người ta có thể tin yêu một điều mà không lý-giải được thì đó là một tình-trạng chung của tâm, dành khả năng đó cho toàn-thể mà tổ-cáo sự bất lực của một bộ-phận là chuyện thừa; nhưng có như thế là vì Tây-phương cho tâm (le coeur) là một phần của cái tâm-linh con người, trái lại, Á-đông thì coi tâm là tất cả tâm-linh và « cảm biết ba kích-thước của không gian »

cảm biết Đạo là do tất cả tâm linh chứ không chỉ do một phần nào đó, đối lập với trí, trong tâm-linh như người Tây phương quan niệm (1)

Rousseau vốn thích lập-dị (J'aime mieux être homme à paradoxes qu'homme à préjugés-Rousseau) nhưng không thoát khỏi tinh-thần Descartes ấy đang chi-phối nặng-nề thời-đại ông. Rousseau cũng chia cắt lý-trí khỏi tâm-linh để rồi phi-báng lý-trí bất-lực (Trop souvent la raison nous trompe, nous n'avons que trop acquis le droit de la récuser) (2). Rousseau cũng tách-biệt xã-hội với con người đề đê cao con người mà phi-báng xã hội tưởng như xã-hội không phải là gồm bởi con người.

Nhưng may thay, lại chính nhờ lối nhìn chia cắt này mà nhà văn hào đã thấy được những giai-đoạn phân biệt trong đời sống con người đề đê mà phát huy được một nhân-cách trẻ con khác-biệt hẳn với nhân cách người lớn. Đó là tất cả tư-tưởng độc đáo của J.J.Rousseau: « Tạo-hóa muốn rằng trẻ con phải là trẻ con trước khi làm người lớn... Trẻ con có những lối nhìn, lối nghĩ, cảm riêng-biệt của nó mà không gì diên rồ bằng muốn thay thế bởi những lối của người lớn chúng ta » (Émile-Livre II)

Các Nho-gia thì trái lại coi cái tâm trực-giác của con người là tự nhiên, duy nhất, bất khả phân. Tuân-tử có thấy con người ác thì cũng cả cái tâm bị cho là ác. Trong đám hậu nho mới có Hàn-phi-tử và một số khác phân tích chi-li đi xa tinh thần « thiên địa vạn-vật nhất-thể » nhưng rồi họ cũng « ôi-vã » như giạt mình mà xác nhận lại: « Tâm ấy, lý ấy, thực không thể là hai được » (Tứ tâm thử lý thực bất

(1) Le coeur sent qu'il y a trois dimensions dans l'espace... C'est le coeur qui sent Dieu et non la raison - Pascal (Pensées.)

(2) Émile-Livre IV.

dung hữu nhị) (Lục-Tượng-Son).

Nhưng cũng vì không có óc phân-tích như người Tây-phương mà các nhà giáo dục Á-đông đã không thấy được sự phát triển của con người theo từng giai-đoạn. Dù Không-Tử có phải khâm phục hậu-sinh khả úy, dù Mạnh-Tử có đề cao cái xích-tử chi-tâm, Vương-dương-Minh có đề cho trẻ chơi đùa thoải mái thì cũng không có ai ý-thức được rành mạch sự giáo-dục phải phát-triển theo từng giai-đoạn như Rousseau; và tuy khoa tâm-học Á-đông rất tinh-tế mà không ai đề-cập đến một tâm-học nhi-đồng. Mỗi bên đều có sở-trường và sở-đoán.

Nói đến tư-tưởng người ta thường không quên con người, bởi vì cuộc đời của mỗi người không khỏi có ít nhiều ảnh hưởng đến tư-tưởng.

Không-tử, Mạnh-tử đều mồ côi cha từ thuở lên ba mà Rousseau thì từ khi mới sanh đã mất mẹ! Sự không chép rõ về thiếu thời của Không-tử, chỉ có nói Mạnh-mẫu là người rất mực tận tình giáo-hóa con và Rousseau thì từ tuổi ấu thơ đã phải lao đao khốn khổ, cuộc đời ít gặp may hơn cả. Nói chung thì họ đều không phải là những người có tuổi thơ êm ấm. Có phải vì thế mà Rousseau đã thấy rằng "Con người sinh ra đã vốn tốt" không cần nhờ đến xã-hội chăng? Thượng-đế toàn năng phải chăng chỉ là điểm tựa để vin vào đó mà hất đi cả cái xã hội đã tẻ bạc với mình. Và có phải vì thân lập thân mà Đức Không, Thầy Mạnh đã đề cao vai trò của con người trong cuộc sống?

Nếu Rousseau là một tâm-hồn nghệ-sĩ coi trọng tình hơn lý và đề cao vai trò của tình cảm (sentiments) lên hàng lương-tâm (conscience), thì các Nho-gia suy-tư mực-thước hơn, đã chấp-nhận thể quân-bình giữa con người và thiên-mệnh:

« Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự-cường bất tức » (Dịch) bản-chất của mỗi người đã khiến họ phản ứng lại xã-hội đương thời một cách khác nhau. Nhưng chung qui cũng là để cải tạo xã-hội. Rousseau Phản-ứng mãnh-liệt, chống đối đến tận-cùng một chế-độ xã-hội và giáo-dục hình thức, khách sáo, đầy thành kiến, độc-đoán, khắt khe, để giải thoát cho quyền sống con người. Không Mạnh sống ở những thời buổi loạn ly như Xuân-thu Chiến-quốc thì cũng rấp tâm bình thiên-hạ. Rousseau viết văn đề hân-học đả-phá xã-hội bất-công (Quyền Emile là một tiểu-thuyết, một áng văn chống đối chế-độ hơn là một thuyết-trình về giáo-dục). Không-Mạnh, với tâm hồn trầm mặc của Á-đông lại muốn xoay chuyển xã hội từ mỗi con người, từ tu-thân trước khi bình thiên-hạ, Không-tử có tôn Chu, Mạnh-tử có đề-cao Không-tử, họ có cùng nói đến Đạo Trời thì cũng là đề dựa vào Tiên-nhân, vào Thiên-mệnh mà răn dạy bọn vua chúa ngang-ngạnh đương-thời coi quyền sống con người như cỏ-rác trong dân-gian.

Đường-lối tuy khác nhau tùy tâm-tính, thời-đại, hoàn cảnh của mỗi người, nhưng họ đã thành-công như nhau trong sứ-mạng của họ. Tư-tưởng Rousseau được coi như đã góp phần cõ-xúy cho cuộc Cách-mạng 1789 ở Pháp. Tư tưởng Không Mạnh không dấy lên ở Á-Đông một đời thay sôi-động nào nhưng đã theo giáo dục mà thấm sâu vào nhân-tâm để làm nếp sống yên-hòa cho hàng trăm triệu người từ hơn hai mươi thế kỷ.

Khi Giáo-dục đã tôn trọng con người thì dù ở đâu hay lúc nào, nó cũng dấy được nhân-loại tiến lên.

ĐOÀN-NHẬT-TẤN

nghĩ về tên một quyển tự điển Tiếng Việt

Mạn - đàm của ĐÔNG - HỒ

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 262)

Chúng ta còn nên trí ý một điều này nữa là cách thói quen miệng gọi tên các sách tự điển.

Về sách tự điển Tàu, ngoài mấy bộ có tên gọi hai âm như: *Từ-nguyên*, *Từ-hải*, *Từ-uyên* vân vân... Chúng ta thường gọi là bộ *Khang-hi*, là bộ *Bội-văn* vân vân...

Về sách tự điển Pháp, thì nhất định chúng ta gọi là *Tự điển Hàn lâm viện*, *Tự điển Littré*, *Tự điển Larousse*, *Tự điển XXe Siècle* vân vân...

Về sách tự điển Việt cũng vậy. Chúng ta quen gọi là *Tự điển Paulus* của *Tự điển Génibrel*, *Tự điển Pétrus Ký*, *Tự điển Gustave Hue*, *Tự điển Cordier*, *Tự điển Đào Duy Anh*, *Tự điển Thiều-Chửu*, *Tự điển Khai Trí*, *Tự điển Đào Văn Tập*, *Tự điển Thanh nghị*, *Tự điển Đào Đăng Vỹ* vân vân...

Điều đó, rất tầm thường, rất phổ thông, mà xét thấy rất quan hệ, rất đặc biệt, về danh xưng một cuốn tự điển.

Người dùng tự điển chú trọng đến tác giả, đến triều đại, đến cơ quan tổ

chức văn hóa nào đã biên soạn nên bộ sách tự điển đó. Một là để cho dễ phân biệt, cho khỏi lẫn lộn với nhau. Và một nữa cũng là để đánh giá người biên soạn nữa.

Như *Khang - hi* là niên hiệu của vua Thanh Thánh Tổ (1662 — 1722). như *Bội-văn* là tên thư trai (1704) của vua Khang-hi. Như *Khai-trí* là tên Hội thanh lập ban Văn- học (1921) soạn thảo bộ tự điển bằng Tiếng Việt v.v..

Rất biết rõ điều lợi hại đó, cho nên những nhà biên soạn, ấn hành sách tự điển ở nước Pháp, họ chẳng những chiều theo tinh thần, chiều theo thị hiếu của dân chúng mà còn cố ý làm cho tên tác giả thành danh xưng chung. Như *Littré*, như *Larousse* chẳng hạn.

Nhất là nhà *Larousse*. Họ cố phổ biến cho tiếng *Larousse* trở thành định nghĩa là *Tự điển*. Họ lấy làm tự hào rằng: Mọi người không nói: « tra tự điển » nữa, mà mọi người đều nói là: « tra *Larousse* ». Vì thế mà họ đặt tên tự điển của họ là: *Petit Larousse*

Larousse universel, Larousse encyclopédique, Larousse du XXe siècle vân vân...

Họ không cần thêm những tiếng *dictionnaire*, không cần thêm những tiếng « *Langue française* » gì hết.

oOo

KẾT LUẬN :

Tôi muốn rằng : Nay chúng ta có một cơ quan Văn hóa đứng ra biên soạn toàn tu, bộ tự điển để làm tiêu chuẩn, để làm căn bản cho Tiếng Việt chúng ta. Bộ tự điển này, chúng ta nên chú trọng đặt tên nó cho đúng vị trí, đúng giá trị, đúng phần vụ, đúng danh xưng của nó. Sự đặt tên sách, tôi thấy rất cần. Chúng ta không nên cầu thả. Muốn dựng khai sanh cho một đứa con, nên dự bị chọn lựa sẵn từ thời kỳ phôi thai, một cái tên gọi cho xứng ý. Kéo một khi sanh nở rồi, trong lúc mọi người bối rối, trong lúc mọi việc bẽ bộn, viên chức giữ hộ tịch hỏi tên đứa nhỏ, đề ghi vào sổ bộ. Đứng sanh thành ra nó lính quính, nhớ mang máng trong hàng xóm, con cái nhà ai đó có sẵn một cái tên quen quen, liền mượn ngay cái tên đó mà khai làm tên cho đứa con mình sanh sả, cũng không cần phải nghĩ cái tên đó nó có đúng với đứa con mình, nó có xứng với công phu của mình gây dựng sanh thành hay không.

Là Mít cũng được, là Xoài cũng được, là Hèo cũng được, là Tèo cũng được, là Ất cũng được, là Giáp cũng được !

Ấy, nếu Ủy ban Điền chế Văn tự năm 1967 này mà đặt tên sách tự điển của mình là « *Tự điển Việt Nam* » thì không khác gì, tình trạng người mới sanh con, lại là đứa con đầu lòng nữa, mà mượn tên đứa con hàng xóm, đã sẵn có, mà đặt tên cho con của mình vậy.

Cho nên, tôi đề nghị, chẳng những đề nghị trước Ủy ban Điền chế Văn tự, mà còn đề nghị trước các giới Văn hóa nữa, là tên bộ tự điển này, nên đặt tên là :

ĐIỀN-CHẾ TỰ-ĐIỂN

Không cần phải thêm vào đó Việt-nam, hay Việt ngữ, Việt-âm hay Quốc âm lâm chi. Bởi vì, như ở trên, tôi đã giải thích, để thêm chữ *Việt nam* thì không thông, để thêm chữ *Việt ngữ*, *Việt âm*, là thừa, là nô lệ ngoại quốc.

Tôi rất bằng lòng danh xưng *Điền chế Tự điển* này lắm. Vì nhiều lẽ :

1. — Tôi thấy tiếng *điền chế* xứng đáng để gọi tên cuốn tự điển này, vì chúng ta, tất cả quốc dân, rất cần có một cuốn tự điển điền chế, chẳng những điền chế về ngôn ngữ tổng quát, mà còn điền chế cả cách viết, cách nói, cách tả tự. Ví dụ : đáng đề hay đáng bỏ chữ hoa, chỗ nào ; đáng đề gạch nối hay đáng bỏ gạch nối, chỗ nào, vân vân... nhiều lắm. Chính điều đó, là điểm dụng ý, và mục tiêu của Ủy ban. Ủy ban đã dám đứng ra gánh lấy công tác đó, thì cũng phải dám lãnh lấy trách nhiệm đó. Chẳng những can đảm mà lãnh, còn được tự hào mà lãnh nữa. Thì sao mà không dám dùng tiếng *Điền-chế* đó mà đặt tên cho tác phẩm của mình, cho xứng đáng với công phu, cho xứng đáng với sự nghiệp của mình gây dựng.

Đó là nói về tiếng *điền chế* theo định nghĩa chung.

2. — Tôi lại rất bằng lòng danh xưng này. Vì như trên kia, tôi đã trình bày. Người dùng tự điển có thói quen gọi tên sách tự điển bằng tên tác giả, bằng tên triều đại, bằng tên tổ chức văn hóa nào đã biên soạn san định. Ủy ban san

định biên soạn cuốn tự điển này tên là Ủy ban *Điền chế Văn tự*. Như vậy thì danh xưng *Điền-chế* đã trở thành đặc danh từ, trở thành tên riêng, như tên của hội *Khai-trí*, của triều *Khang hi*, của thư trai *Bội văn*, của nhà *Littré*, của nhà *Larousse* vân vân...

Từ đây, mọi người sẽ gọi cuốn tự điển này là cuốn tự điển *Điền chế*. Cũng như đã gọi cuốn tự điển *Khang-hi*, cuốn tự điển *Khai-trí* cuốn tự điển *Littré*, cuốn tự điển *Larousse* vân vân...

Nếu có người châu đáo hơn, xét về thanh âm, cho rằng trong bốn tiếng danh xưng, đã có hai tiếng «*điền*» trùng điệp. Đã *điền chế*, rồi lại tự *điền*.

Riêng tôi, khi mới nghĩ thoát, cũng có hơi không bằng lòng. Nhưng tôi nghĩ lại: Đã có sao đâu: *Điền chế* là *điền chế* mà tự *điền* là tự *điền*. Hai từ ngữ khác nghĩa nhau. Miễn là cho nhớ điều này, nên nhớ rất kỹ là, khi làm đến tự mẫu Đ. đến từ-ngữ *điền chế*, thì Ủy-ban nên định-nghĩa và giải-thích cho thiệt tinh tường. Đừng như Đào-Duy-Anh, để lên sách là *Giản yếu Hán Việt từ điển* mà trong phần tự mẫu GI, không có từ ngữ *giản yếu*.

Hãy trở lại *Điền chế tự điển* của chúng ta. Ban đầu, không lấy làm bằng lòng, nhưng rồi sau, tôi lại rất bằng lòng. Hai tiếng *điền... điền* lặp đi lặp lại như một điệp khúc, phát sinh một thanh âm hay hay, một nhạc điệu vui tai:

*Nước non là nước non mình
Tiếng ta là tiếng nòi tình nước non
Lòng son hẹn với lòng son
Điền chế cho tròn tự điển tiếng ta.*

Ai hãy bắt chước tôi, hát lên câu *Điền chế. Điền chế tự điển... Điền chế tự điển... Điền chế cho tròn tự điển tiếng*

ta. Hát đi hát lại, đúng 100 lần. Rồi sẽ thấy hai tiếng trùng điệp *điền* và *điền* đó va chạm nhau, reo vang lên, linh động rung rinh như hai nốt dương cầm nấn trên phím ngà.

oOo

Nhưng mà, chúng ta không nên lo xa quá. Tương lai, người dùng tự-điền, sẽ tự nhiên quên đi, sẽ tự tiện bỏ đi hai tiếng tự *điền*. Rồi chỉ gọi tron hai tiếng *Điền chế* mà thôi. Hai tiếng *Điền chế*, đương nhiên, rồi sẽ trở thành một danh xưng đầy đủ. Tôi chắc chắn như vậy.

oOo

Câu chuyện vui vui sẽ diễn ra đúng như thế này Câu chuyện thấy chép ở sách «*Tự điển từng thoai*»

— Thầy! Câu thơ của thầy:

*Ít nhiều đề sắc thu dung nhạt
Đây đó còn hương vẫn tiết lưa*

Vẫn tiết *thưa*. bay vẫn tiết *lưu* chi đó mà nhà in họ đã in lầm, thành vẫn tiết *lưa*.

— Nhà in không in lộn đâu con. Bài thơ đó, chính tay Thầy chữa ấu cảo. Đúng rõ là *lưa*.

— Vậy, *lưa* là nghĩa làm sao? Thầy dạy con đi Thầy.

— Sao con không tra tự *điền* mà lại hỏi Thầy. Con nên có thói quen. Bất kỳ gặp chữ nào không hiểu, chữ nào còn ngờ nghĩa, đều nên tra tự *điền*. Không nên bỏ qua. Phép học là phải vậy.

— Thầy là «*tự điển sống*» của con.

— Khéo. Nhưng mà Thầy đâu có sống mãi gần con. Thầy có lúc bận. Con còn đi xa. Con còn đi dạy học, chẳng hạn. Tôi tra tự *điền* đi, cho có thói quen.

— Đây rồi Thầy, *Paulus Của* có tiếng *lưa*, nhưng thích nghĩa không rõ, và không đúng hẳn như ý câu thơ của Thầy.

— Con thử tra *Khai trí* xem. Chắc có

— Bộ Khai trí không có trong tủ sách.

— Lạ nào ! Mất đi đâu. Mới hôm nào, còn đó mà. Con nhớ coi, có ai mượn không ?

— Thầy ! Con nhớ ra rồi. Hôm trước, Xuân đến mượn con, rồi Xuân lấy luôn.

— Bậy nào ! Sách không nên cho mượn. Hễ cho mượn, kể như là đã mất.

— Vì sao vậy Thầy. Tại họ tham lam phải không ?

— Không. Không phải tham lam đâu. Vì họ nghe nói « Trong sách có người đẹp, như ngọc » ; cho nên, họ muốn giữ người ngọc lại. Sách không nên cho mượn ; bởi vì, ai lại để cho người ngọc chuyên tay. Người chơi sách, giữ sách, quý sách, không phải ích kỷ đâu. Chỉ vì họ không đánh, và không nỡ để cho mất đi người ngọc.

— Thầy lại làm thơ rồi. Thầy nói chuyện hay như làm thơ.

— Khéo. Con gái Thầy lại khen hoàng tử tốt áo.

— Hãy còn nhiều sách tự-điền nữa. Bộ nào chắc chắn có tiếng « lư » của Thầy ?

— Con tìm sách nào khác cho mất thì giờ, cho thất công. Con cứ dỡ ngay bộ Điền chế đi, thế nào cũng có, và sẽ có nhiều thí dụ, nhiều văn liệu cho con học thêm.

Bộ Điền chế chắc có hả Thầy ?

— Chắc chắn là có !

oOo

Còn một câu chuyện khác nữa. Chuyện này thấy chép ở sách « Tự-vị từng đàm »

— Thầy ! Trong bài « Mất một cọng cỏ thi » của Thầy, ở đoạn giữa có câu :

... Châu rơi ngọc vỡ

Bài thơ bãng trình

Tóc rụng tơ bay

Tao đứt tao nối...

« Tao đứt, tao nối » nghĩa là mình làm đứt rồi mình nối lại. Sao mà Thầy không nói « tôi đứt, tôi nối » mà lại nói « tao đứt, tao nối ». Con nghe tiếng tao đó lạ lùng kỳ cục quá.

Như mấy ông trên đài Phát thanh nói chơi với thi sĩ Đinh-Hùng, khi thi sĩ còn sống. « tao đàn mây đàn ». Khi thi sĩ Đinh-Hùng mất rồi, họ ra một vế đối :

Mây không đàn nữa để tao đàn !

Vậy mà không ai đối lại được

— Phải nghiêm chỉnh ! Con dốt quá ! Con không xứng đáng là con của Thầy, Con muốn biết tiếng tao nghĩa là gì, trong câu thơ đó, sao mà con không tra tự điển. Thầy chắc chắc là Paulus Của phải có.

— Thầy ! Cuốn Paulus Của, hôm trước, Thảo đều tìm chữ với con, giống, làm hỏng mấy tờ. Sợ bị la. Dem đi đóng lại. Chiếc xe gắn máy chở về, bị ngã, đè lên quyền sách quý của thầy. Quyền sách nhàu nát hết, chỉ tờ sứt sỏ, giấy lụa rách tươm, chưa chữa. Và không biết có chữa được không, Ngại rồi không đến.

— Thầy đã cầu dặn rồi mà. Phải nghiêm chỉnh đứng đắn. Giữ sách như giữ món trân ngoạn, phải cẩn thận từng li. Bộ sách Pulus Của, chất giấy mỏng manh lắm, động đến là bãng hoại rã rời. Mỗi khi dùng phải gượng sẽ, phải nhẹ tay, phải năm năm nôm-nớp. Con nên nhớ, thương sách như thương thân, yêu sách như yêu tánh mạng. Sách là minh châu, sách đâu phải là sỏi đá. Vô ý, nặng tay một chút là hỏng rồi. Con thấy không. Con không nghe lời thầy mà gìn giữ. Con xem thường. Con cứ đùa lấy làm chơi. Sách Thầy để

cho con, hãy còn nhiều cuốn quý hơn cuốn *Paulus Của* nữa. Con nhìn đó. Nhiều lắm. Quý lắm. Con gìn giữ sao đây. Con gìn giữ có được không. Thầy lo âu lắm.

— Lỡ rồi. Biết làm sao? Con khóc biết mấy! Thưa thầy.

— Ưông quá. Tiếc quá. Biết khóc, chớ biết làm sao nữa. Mà thôi, đã có bộ tự điển mới. Con tra xem có tiếng *tao* nào nghĩa khác hơn nghĩa «mày tao mi tớ», nữa không?

— Có phải cuốn *Điền chế* mới đó không Thầy?

— Phải. Đúng rồi. Bộ *Điền chế* 1968-1972 đó.

— Thầy! Có rồi thầy. Bộ *Điền chế* định nghĩa giải thích rất tinh lương, rất đầy đủ. Có mấy văn liệu làm ví dụ hay quá. Như câu này:

Dệt thơ lấy tóc làm tơ

Tao đợi, tao chờ, tao nhớ, tao thương.

Muốn học Tiếng Việt, có lẽ sắm mỗi một bộ này cũng đủ lắm rồi. Sắm thêm nhiều cuốn, càng thêm phiền, càng thêm bối rối phân vân. Nhưng mà sao lòng con cứ ân hận, cứ ngùi ngùi, lòng cứ nhớ nhớ không quên cuốn tự điển cũ xưa đã lỡ tay lam rách.

oOo

Chưa hết. Lại còn một mẩu chuyện nhỏ vui hơn. Chuyện này, thấy chép ở sách «*Từ điển từng hài*».

oOo

Con bé Quỳnh Lâm, tay cầm đĩa chuối chưng mới mua, từ sân trước chạy vào:

— Ông Ngoại ơi! Chị bán chuối chưng nói với con rằng chỉ xào chuối này với «nước dứa bồng con». Tức cười quá, con nói lại:

— «Chị bồng con chớ nước dứa gì

mà bồng con». Chỉ la con. Nói rằng con nói bậy, chỉ chưa có chồng, con đâu mà bồng. Con lại nói: «En vào hỏi người lớn thì biết». *Bồng con* hay *bồng con*, ông ngoại? Nước dứa bồng con, hay bồng con, là nước dứa gì mà xào với chuối; ăn ngon quá. Có phải nước cốt dứa khô mà con thấy chị Hạnh nạo vắt ra đó hay không? Mà sao nó lại bồng con? Con gì mà bồng?

— Quỳnh Lâm giỏi lắm. Con nghe tiếng nào lạ, không hiểu thì nên hỏi lại cho ra nghĩa. Bây giờ, tất cả các trường đều dạy tiếng Việt. Cô giáo của Quỳnh Lâm khó lắm đó. Ông Ngoại có giải thích, con có nghe rồi cũng chóng quên. Con nên tập thói quen tra tự-điển, như anh Thư Lâm đó, tìm học lấy, thì nhớ dai hơn.

— Tự-điển nào, Ngoại?

— Tự-điển nào mà không có. Một tiếng thông dụng tầm thường như vậy thì sách tự-điển nào mà lại bỏ quên.

— Khó lắm chớ bộ! Con tra không có. Con nhờ anh Thư Lâm. Anh tìm khắp hết các sách tự-điển rồi. Không có cuốn nào có tiếng *bồng con* đó.

— Con đã tra cuốn *Điền chế* chưa?

— *Điền chế* mới đó hả ngoại? Cuốn mà Ngoại mới mua đó hả. Cuốn đó mới quá. Sức mấy mà có *bồng con*!

— Con dại quá. Sách mới, mới có, mới đầy đủ hơn, vì người sau bỏ tức cho người trước: còn thiếu sót.

— Tại sao lại thiếu sót. Các sách tự-điển trước cũng đều do nhiều ông học giỏi làm ra cả đó mà. Sao tiếng *bồng con*, chị bán chuối chưng biết, mà mấy ông không biết? Bộ chỉ học giỏi hơn mấy ông hay sao?

— Chị bán chuối, không cần học mà chỉ

biết nhiều tiếng hơn mấy ông đó con!

— Còn lâu! Mà đã có rồi. Bộ *Điền chế*, có rồi đây, Ngoại ơi! Mấy ông làm *Điền chế* thuộc tiếng không thua chị Hai bán chuối. Tài thiệt. Nhưng mà. Nè Ngoại! Bộ *Điền chế* này to lớn quá. Mỗi khi tra, con khuôn không nổi. Con lồi kéo, làm rách của Ngoại hết. Mặc sức mà Ngoại la. Ước gì mấy ông làm cho con một cuốn nhỏ mà cũng đầy đủ gọn gọn cho con bỏ túi, con đem theo đi học.

— Con nhỏ này tham lam quá. Nhưng mà ông Ngoại chắc thế nào, nay mai, cũng sẽ có *Điền chế bỏ túi*. *Điền chế tí hon*, *Điền chế cô út*, cho cháu gái út cưng của Ngoại. Đừng lo!

oOo

Độc giả và chúng tôi đã thấy chưa. Qua mấy mẩu đối thoại phổ thông thường đàm giữa cha con, ông cháu « nhà hay chữ » đó, họ cứ theo cách gọi phổ thông mà gọi các sách tự-điền

bằng tên tác giả, bằng tên cơ quan tổ chức văn hóa biên soạn toàn tu.

Từ chúng cứ kinh nghiệm đó suy luận ra, mà biết được.

Hai tiếng *Điền chế*, tương lai sẽ trở thành tiếng danh xưng của bộ tự điền của Ủy ban *Điền chế Văn tự* năm 1967 này đó.

Chúng ta cứ vững lòng tin như vậy, và cứ mạnh mẽ đặt tên, lấy ngay danh xưng của mình mà đặt tên cho công trình gây dựng chữ nghĩa của mình:

ĐIỀN CHẾ TỰ ĐIỀN

Trong bốn năm nữa, bốn chữ đó sẽ lộng lẫy vàng son trên gáy sách, làm rực rỡ sáng trưng mọi thư trai của mọi gia đình.

Đó là chưa muốn nói theo các ông Tàu, giàu mặc cảm tự tôn, cái gì cũng vĩ đại cả, mà mệnh danh cho tác phẩm của chúng ta là:

Điền chế đại tự điền.

ĐÔNG-HỒ

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

NHƯNG NGÀY CHƯA QUÊN

ĐOÀN - THÊM

Ông là ai ?

(Xin xem BK. TĐ. từ số 259)

Khi mới lên cầm quyền, ô. Ngô Đình Diệm cũng như các Thủ-tướng trước, đã đặt ngay vấn-đề nhân-sự : bỏ ai, dùng ai, và tìm đâu ra người khá ?

Ông Diệm và một số thân-tín của ông yên trí là tất cả bộ máy cũ với những con người cũ đã bị mục nát hết, và cần thẳng tay quét sạch. Tháng 7 năm 1954, câu hỏi đầu tiên được nêu cho ô. Thủ-Hiến Nguyễn hữu Trí, là làm thế nào loại trừ tham-những và các phần-tử xấu ?

Nhưng sau khi nhận xét thực-trạng lớp người của chế-độ cũ, ô. Ngô đình Nhu đã chịu rằng chỉ có thể, không dùng thì chẳng biết bỏi đâu ra hiền tài : « chúng ta chỉ có những con người mà Lịch-sử cho ta ». Rồi ông đành kết luận :

— Thôi thì chẳng có thép tốt, mình nhặt sắt vụn mà xài. Chánh-sách mình theo, là Récupération de ferrailles. Đứa nào có tội thì đưa nó ra tòa. Còn thì coi là có thể sửa, tốt hay xấu còn tùy mình. Mình tốt thì họ phải tốt. Việt-minh nó lên, nó lôi cò ra mần cho nó, cứ bắt nó mần còn hơn là để bắt-mãn ngồi đưng nói bậy. Được việc thì thôi. Mình chưa chi đã muốn thay đổi, nhưng mình làm cóc gì có người cho đủ. Mớ người bỏ nhà bỏ cửa vô đây theo mình, mình phải nuôi chớ gạt ra sao ? Ai đánh kẻ chạy lại, dù nó đã ăn tiền ăn bạc?..

Triết-lý bi-quan của Cố được nghe theo. Không có công-chức nào mất việc ngay. Bảo-Chính-Đoàn, Việt-Binh-Đoàn và Địa-phương-quân thành ra Bảo-An-Đoàn. Sau nhiều lần bác bỏ, ông Thủ-tướng cho lập ban đặc-biệt tại trường hành-chánh để huấn luyện và thâu dụng lại các cựu quận-trưởng Bắc-Việt, mà ông đã dự-tính loại khỏi chánh-quyền. Và mỗi lần có hội-thương, khánh-tiết, biêu-tình, lại thấy gần đủ mặt nhân-viên của các cựu Toàn-quyền Thống-sứ Thống-đốc Brévié, Catroux, Decoux, Halewyn, Hoeffel, Gauthier, ... của Hồ-Chí-Minh và Giáp, Giám, Giàu, Liệu 1945-1946, của các cựu Thủ-tướng và Thủ-hiến Kim, Thịnh, Hoạch, Xuân, Long, Hữu, Tâm, Lộc, Giáo, Trí, Vinh, Thành, Hoài, v.v... Thật là vui như chợ Tết.

oOo

Trong rừng người đó, thành-phần nào được trọng-dụng và nếu cần lựa chọn thì theo tiêu-chuẩn gì ?

Ô. Diệm luôn luôn mang nặng—và nặng hơn cả các nhà cầm quyền trước kia—, một thứ mặc-cảm có thể gọi là mặc-cảm địa-phương. Ông muốn tỏ ra và muốn

được hiểu rằng ông không hề phân biệt ba miền VN. Bởi ông là người Trung, ông Phó sẽ phải là người Nam, và bên cạnh ông, các chức-vụ quan-trọng phải được phân phối đều cho nhân-viên Nam và Bắc. Mỗi khi thấy đề cử một người, ông hỏi liền : quê nơi nào ? Sinh-quán cũng thành yếu-tố cần thiết trong sự chia phần học-bổng ; có lần ông bác bỏ đề-nghị của Hội-đồng Du-học vì trong 30 Sinh-viên được tuyển đi Hoa-kỳ, chỉ có lác đác vài người miền Nam ; cơ-quan hữu-trách cố tìm người sinh tại Saigon hay Cần-Thơ, nhưng hồi đó, thanh niên ở các nơi này muốn qua Pháp hơn là sang Mỹ. Bận khác, ông không ưng cho người đi dự một Hội-nghị quốc-tế : lại Bắc ! tìm ai thay ! mỗi khi phải thay thế, và nếu thiếu người miền Nam đủ điều-kiện, Bộ sở quan cố kiếm người miền Trung. Khốn nỗi, người cùng miền với ông thường bị ông biết rõ quá, nên có khi bị gạt bần. Một trường lớn muốn xin bổ giáo-sư, đệ danh-sách bốn vị, không có Bắc, chỉ có 2 Nam và 2 Trung, chắc ông phải bằng lòng : « Cái thằng nớ ở Huế chỉ biết chơi chó Tây, dạy đồ chi ! »

Nhưng dụng-ý của ông là một chuyện, thực-tế lại là chuyện khác, nên rồi ông phải đi ngược đường mình. Ông muốn tránh mọi sự kỳ-thị, như sau vài lần thất-bại, ông không còn dám cử người miền này điều khiển các tỉnh miền kia. Ông sợ phân biệt, mà bị trách là phân biệt mạnh. Nhiều nhân-viên Bắc oán ông, vì cho là Ông coi rẻ họ, mặc dầu trong thực-tế, họ giữ đa-số chức-vụ điều-khiển từ cấp chủ-sự trở lên : chính họ, và cả ông cũng chỉ biết rõ tình-trạng này sau cuộc điều-tra 1958. Anh em miền Nam thì lại có cảm-tưởng là ông ưu đãi các nhân-viên Trung và Bắc, và chẳng thiếu gì người không tha thứ cho ông việc bãi-bỏ tòa Đại-biểu Nam-phần, khi các tòa Đại-biểu Cao-nguyên và Trung-phần vẫn được duy trì. Đối với một số cao cấp, không khác nào ông đã xóa Nam-Việt trên bản-đồ VN, tuy thực ra ông chỉ muốn giản-dị hóa tổ-chức hành-chánh, vì tại Saigon đã có bộ Nội-Vụ do Bộ-trưởng người Nam đảm trách : dù sao, để trấn an dư-luận, ông đặt ra các tòa Đại-biểu miền Đông và miền Tây, lấy hai đến một để mọi người thấy rằng ông chỉ đổi một thành hai . . . Còn người miền Trung trách ông quên cả cổ-lý, chỉ chú trọng đến Nam và Bắc, nên Trung-phần cứ chịu thiệt-thòi về nhiều phương-diện. Phải chăng vì thế mà một hôm ông ra lệnh họp bàn cấp tốc và lập gấp Chương-trình Phát-triển kinh-tế miền Trung ?

Có lẽ ông đã quên hay làm, khi chính tay ông chia lại các địa-giới, thay đổi diện-tích và danh hiệu nhiều vùng : Ông vẫn giữ các Phần, khi Phần chẳng còn lý-do tồn-tại như xưa. Các phương-tiện hàng-không và viễn-thông cho phép liên lạc dễ dàng mau lẹ với Trung-ương, và mọi vấn-đề quan trọng vẫn phải trình lên cho ông quyết định. Dù sao, muốn chế hóa đầu óc địa-phương, ít nhất phải bắt đầu bằng cách bỏ hẳn cấp Phần và chỉ giữ cấp Tỉnh.

oOo

Trong hai năm đầu, ông Diệm còn bỡ ngỡ vì trót xa chánh-quyền quá lâu ngày, nên ông đề một ít người thân giới thiệu giúp nhân-viên cần thiết.

Ở giai-đoạn này, ảnh-hưởng của Ô. Ngô Đình Luyện rõ rệt hơn của ông Nhu. Ô. Luyện vốn là kỹ-sư và khuyến cáo được Ô. Diệm đặt nặng vấn-đề trang-bị, kiến-thiết và kỹ-thuật. Bởi vậy, các kỹ-sư được trọng-dụng, ở cả những chức-vụ tài-chánh

kinh-tế, đến nỗi nhiều người trong chính-giới thì thảo với nhau : đây là thời-kỳ oanh-liệt của Ponts (Kiểu lộ) hay Centrale (Công-nghệ), Nguyên-tắc được chánh-thức chấp-nhận về việc đào-tạo nhân-tài, là huấn luyện chuyên-môn, và sinh-viên chỉ được đi du học nếu chọn các ngành kỹ-thuật. Chuyên-viên ở ngoại-quốc về, được hưởng nhiều sự dễ-dãi về cấp bậc, lương bổng, nhà cửa... nên từ 1957, một số khá đông đã chịu hồi-hương, và tới nay đã đủ kinh-nghiệm để thành người điều-khiển tối-cần.

Trong khi đó, sự củng-cố chế-độ là mối lo lớn nhất của Cố Nhu. Chính-sách *nhất sắt vụn* của Cố được áp dụng để cung cấp cho chánh-quyền những phương-tiện nhân-sự không có không xong. Trên lãnh-vực chánh-trị, quan-điền của Cố dễ được chấp nhận và còn vượt tất cả các yếu-tố và nhu-cầu kỹ-thuật. Một Bộ-trưởng, chuyên-viên ưu-hạng, phải từ chức khi tỏ ra khuynh-hướng biệt-lập. Rồi chuyên-môn hay không chuyên-môn, ai còn thân Pháp cũng phải dứt bỏ liên-lạc với Pháp ; công-chức có quốc-tịch Pháp phải trở về Việt-tịch, trả lại các chức-vụ chỉ-huy, hay bị loại khỏi các ngạch quốc-gia. Sau vụ biến-cố Bình-Xuyên 1955, sự điều-tra về nhân-viên mọi cấp mỗi ngày một tỉ-mỉ hơn.

Song trên địa-hạt nhân-sự, Cố-Vấn Nhu phải chia thế-lực với Chỉ-Đạo Cần. Cố được nghe nhiều hơn ở Trung-ương, khi kén Bộ-trưởng, tư-lệnh Quân-đội, cao-cấp Ngoại-giao, và nhất là Dân-biểu. Đối với toàn-thể nhân-viên, ảnh-hưởng của Cố nhiều khi có tính-cách tiêu-cực, sự can ngăn của Cố có nhiều hiệu-quả, hễ Cố muốn giữ ai, thì ông Tổng-thống không nở ruộng bỏ dù vẫn không tra. Chỉ-Đạo Cần được tùy ý chọn và đuổi ở miền Trung, rồi ở Cao-Nguyên, về sau ở cả vài cơ-quan tại Saigon.

Vì hai người xung khắc về nhiều phương-diện, đôi khi đã xảy ra sự va chạm, khiến những kẻ biết chuyện lo ngại thấy tái diễn trò cạnh-tranh gây cản của Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Lữ. Kỳ thay, trong một huấn-từ nhân dịp tất-niên, ông Tổng-thống khuyên nhủ thành-tín, mà không hiểu vì sao ông đã nhắc đến những chữ chiêu-bài « Thiên-hạ đại-tín » của triều Tây-Son ? Phải chăng ông đã gián-tiếp vì anh em ông với anh em Nguyễn-Nhạc ? Có lẽ vì hai bên đều lật đổ nhà Nguyễn-Phúc, và đều chia xẻ quyền-hành ?

Ô. Diệm đứng giữa cầm cân, phải lựa ý mỗi người ruột thịt, tất-nhiên gặp nhiều lúc khó xử. Ô. Nhu bênh thì Ô. Cần chống và ngược lại. Có nhân-viên thoát khỏi đe dọa, chính vì được Chỉ-đạo buộc lỗi ; Ô. Cần theo báo-cáo của cận-vệ, kêu rằng ở trong Phủ có kẻ hay gắt sắng và rất khó tính, phải cho y đi nơi khác ; Ô. Nhu nói với Ô. Diệm : đề hấn đẫy, hấn thẳng thì hấn nóng. Một sĩ-quan được Chỉ-đạo tiến cử, giữ chức-vụ cao ở Saigon, nhưng thỉnh-thoảng ra Huế phàn nàn về nhiều sự khó-khăn và yêu cầu can thiệp để có phương-tiện hoạt-động ; Cố-Vấn giận lắm : muốn ra Trung, thì cho ra hấn, đừng trở về đây nữa !

Tình-trạng căng thẳng giữa hai người đã gây phiền-nhiều cho khá nhiều đệ-tam-nhân. Một cán-bộ do Cố giới thiệu, được bổ nhiệm ra một tỉnh miền Trung ; ô. Cần hỏi : « chắc người ta cho mi tới do thám ta ? » Đương-sự vội vàng quặp chân lên cò mà cao chạy xa bay về Saigon cầu cứu. Một giám-đốc ở thủ-đô bị Chỉ-đạo bắn tin trách : biết chơi 200 thứ lan mà không nghĩ đến « Cậu » ! Anh ta rất

lo lắng, nhưng nếu đột-nhiên đem cây đi cung tiến, thì không khéo lại bị Cổ ghét ; anh đành xin Bộ-trưởng một sự - vụ - lệnh công cán vài ngày ở Huế, rồi nhân dịp này đem đầu tạ tội và kính dâng mấy chậu xum xuê...

oOo

Ở nhiều trường-hợp, ông Tổng-thống chấp nhận sự đề-bạt của thân-nhân, không hẳn vì muốn chiều lòng họ, nhưng vì ông cần tin và có thể tin. Ông đòi hỏi trước hết sự trung-thành tuyệt đối, nhưng ông quen biết ít, dành ý vào sự đảm-bảo của những người được ông tin nhiệm. Thái-độ này có khi làm phiền cả Cổ. Một bận, Cổ thuật lại cho ông : « Hẳn nói hẳn nghe Tổng-thống dạy, hẳn kính sợ lắm, hẳn quả quyết bảo leo cây hẳn cũng leo, bảo làm loong-toong hẳn cũng làm... » Ông bèn cho một chức cao và còn cho lên khá mau, có biết đâu Cổ chỉ mĩa mai. Chứng-cớ, là sau khi thấy đương-sự được ân sủng, Cổ than với một Bộ-trưởng : « Minh nói vậy, mà ông ấy tưởng hẳn bấu lắm, thôi đành theo dõi hẳn và chỉ dẫn cho hẳn, chớ bộ hẳn làm nổi việc gì, vâng dạ là cùng... »

Từ 1956 trở đi, mỗi khi cần người, ông Diệm hay xét định lấy.

Ông nhớ rằng bao lâu ông sống bên lề chính-giới, nên cần tìm cách quen biết nhiều hơn đề đỡ phải nhờ cậy trung-gian.

Ông chỉ thị cho những người phụ-trách Công-Vụ : phải thu thập sẵn-sàng tài-liệu cho ông, và mỗi khi ông hỏi về nhân-viên nào, phải trình bày cho thật đầy-đủ về mọi phương-diện. Có lần muốn chọn một người làm Đại-biêu chánh-phủ, ông hỏi cấp hữu-trách :

— Ông nó con ai ?

— Con ông X.

Ông quắc mắt :

— Người ta hỏi là hỏi con bà thứ hay bà cả ? Không biết ông thân-sinh hẳn nhiều vợ à ?

Nhu-cầu dò xét đề lựa chọn, là một trong những lý-do khiến ông hay kêu thảng nhiều cấp dưới lên cật vấn về công việc, và nhân thể coi tướng-mạo từng người. Ông rất chú ý đến bề ngoài của nhân-viên được tiếp. Một bận ông triệu một sĩ-quan vô, nhưng vừa trông thấy, ông giơ tay bảo đi ra, đương-sự tỏ vẻ ngạc-nhiên, nhưng được một tùy-viên trong Phủ gọi lại giải thích : « Cụ dạy lần sau nhớ lau giày sạch bùn, sạch bụi.. » Thực ra, ông còn bảo : « Bản-thân hẳn, hẳn còn không lo tươm tất, thì công việc của hẳn tươm tất làm sao ? » Bận khác, ông không chấp nhận một giáo-sư được tiến cử đề tồ chức về văn-hóa, không phải vì lẽ thiếu năng-lực hay đức-hạnh, nhưng vì « coi bộ lừ-khừ như ông Từ giữ đình, văn-hóa gì mà hom-hem quá... » Ông tin rằng diện-mạo phản chiều nhân-cách, nhưng khi áp dụng lý-thuyết này, chắc đâu ông đã xét đúng về nhiều bộ mặt ? Chính ông đã hai lần trách một người : « coi mặt thì lành mà đầu óc cứ ngang của ! »

Một khi đã chọn được rồi, thì ít khi ông muốn thay đổi. Ông thường dặn

một cao-cấp : thay đổi nhiều, chẳng hóa ra mình cứ chọn lầm hay sao ? Nghĩa là ông cố tin vào sự xét đoán sáng-suốt của ông. Chắc vì thế, mà không thiếu những người được dung thứ cho tồn tại, tuy bị nhiều kẻ chê trách. Sự chê trách chỉ nguy-hiềm khi xuất phát từ Cố-vấn, từ Cải-đạo hay một thiểu-số được ông hoàn toàn tin nhiệm. Nhưng trái lại, hề Cố Nhu bệnh — mà Cố thường hay bệnh — thì ông có thể đổi hẳn ý-kiến về mỗi cá-nhân, đương coi là xấu thì bỗng dung thấy tốt, và cả nỗi ngờ-vực về phương-diện chánh-trị cũng có thể tiêu tan Cố Nhu xác nhận : « Hẳn chẳng Đại Việt hay Việt-Quốc chi hết. » thế là Tổng-thống thấy hẳn hiền lành ngay, rồi còn khen là « cũng có gia-giáo ». Có khác nào một chàng trai si mê nhìn bằng con mắt của người yêu ?

Ngoài sự xem mặt, ông còn lối thử-thách khác, như của người kén rề kén dâu. Ông nghe nói là khá, kêu lên ngắm và hỏi, rồi giao cho một vài công-tác, dù việc không thuộc nhiệm-vụ hay không hợp với khả-năng, cốt để xem xử sự thế nào. Một cao cấp về Tư-pháp, được vời và cử đi dự những hội-nghị quốc-tế chẳng liên-quan gì đến kiện-cáo án-từ. Chắc là sắp được thăng đây ? Anh ta cố làm tròn việc không quen, ông Tổng hài lòng về anh, hay đúng hơn thì về ông, vì ông thấy mình có con mắt tinh đời : bèn cho một Bộ.

Sự dùng người đúng chỗ hay không, còn tùy kết-quả đối với công-vụ : về phương-diện này, chính ông nhiều lúc phải thờ dài, nhưng chẳng rõ ông có nhận là mình lầm, hoặc chỉ bực mình vì thiếu người hay, nên đành chịu đựng người dở ? Thăng - hoặc ông gặp được người hoạt độ-g như ý, thì ông lại có lối trọng dụng rất nguy-hại cho cả đương-sự : nếu làm nổi một việc, thì về sau cứ bị giao hoài việc đó, nghĩa là phải nhận một thứ độc-quyền, dẫu chán ngấy cũng chẳng được từ. Bởi thế, một công-chức kỳ-cựu đã ví ông với một hạng bà già miền Nam : hề nàng dâu nào biết tằm trầu hay pha trà, thì chỉ nàng đó bị sai mãi, dù các nàng khác ngồi không. Hơn nữa, ông còn buộc phải lãnh một, hai, ba bốn chức vụ khác, đến nỗi người đặc-lực tối tăm mặt mũi. Đâu phải là vô-tình ? ông đã dặn dò một cộng-sự thân tín : phàm dùng người, thì lẽ thấy khá, phải tận dụng, xem sức hãn tới đâu, và giao việc cho đến khi nào không thể kham nữa. Nên có Bộ trưởng đã ôm nhiều Nha Sở mà còn phải đèo cả Nội-vụ hay Quốc-phòng, có Tổng-giám-đốc phải gánh năm bảy Hội-đồng quản trị những cơ-sở kinh-tế đáng chia cho nhiều vị khác. Có người đủ khả-năng mà 9 năm không hề được công cán lần nào tại nước ngoài, trong khi vài đồng-sự cứ bị phái đi mỗi năm dăm bảy bận để dự hết hội-nghị này đến hội-nghị khác. Lý-do chính-yếu, là ông Tổng-thống tìm được kẻ đáng tin, thì cho là hi-hữu quá, không muốn thay đổi vì ngại vợ phải người dở, nên đành bầu chặt vào một thiểu-số hiếm có đã tỏ ra thạo việc.

Ông không có ý-niệm gì về sự phân-công cùng những giới-hạn của năng-lực cá-nhân, nên hay bắt kiêm nhiệm, và còn tin rằng việc khó-khẩn hoặc mới lạ đến đâu cũng có thể làm, miễn là có chí. Ông đem một số kỹ-sư Công-chánh về Phủ, lập ban Chuyên-viên. Ai cũng tưởng ông muốn dùng kinh-nghiệm của các vị này để xúc tiến công việc tạo-tác. Nhưng một hôm, ông kêu một người lên bảo : Phải năng coi sóc, xem việc có mau lẹ không, và chớ quên qua bên bộ . . . Ngoài-

giao. Đương-sự rất ngạc-nhiên, xin đi thăm các công-trường, còn các việc Ngoại-giao, thì xin miễn, vì chưa từng biết bao giờ...

— « Không biết thì phải học, muốn học thì rồi biết. Tôi có học làm Tổng-Thống bao giờ đâu? »

Chỉ quen đắp đê, lát đường, xây đập từ 35 năm nay, mà bỗng phải đi học luật quốc-tế và chánh-trị quốc-tế, thì kể cũng đáng ngại... Ông kỹ-sư đành cầu cứu Bộ-trưởng trong Phủ, xin can thiệp giải nguy đề cho trở về với gạch đá và bê tông.

Như thế, nếu chỉ một mình ông tự ý tuyên dụng, thì chắc chế-độ do ông sáng lập chẳng để lại được chút gì... Cũng may là ông chú trọng nhiều hơn đến các lãnh-vực chánh-trị và hành-chánh địa-phương : ở đây, không mấy người chịu ông, nếu căn cứ vào các thành-quả. Song ở các địa-hạt văn-hóa, kinh-tế và kỹ-thuật, ông can thiệp ít, để quyền lựa chọn cho các cấp hữu-trách và thường chấp thuận sự đề-cử. Nên một số khá đông người thạo việc được dùng, và hầu hết các cơ-sở do họ kiến thiết vẫn còn lại đến ngày nay : các trường học, khu kỹ-nghệ, các xí-nghiệp hợp-doanh hay quốc-doanh, v.v...

Ông bị oán nhiều vì có tiếng là nghiêm-khắc đối với giới công-chức. Ông đòi hỏi nhiều và gia ơn rất ít. Các danh-sách và đề-nghị thăng-thưởng của các ngạch trên, thường bị ông bỏ mặc, có khi vài năm chưa xét. Thấy tên mấy nhân-viên văn-phòng ông được tư lên bậc, ông bảo : đã được làm việc cạnh tôi, lại còn thăng thưởng gì nữa ? Sự cử nhiệm sĩ-quan thay thế dần dần các cấp hành-chính để điều khiển các tỉnh rồi các quận, nói lên rất mạnh sự thất-vọng của ông đối với hạng nhân-viên chuyên việc cai-trị. Ông thường phàn nàn : họ chỉ cầu an. Ông đã tâm sự với một giáo-sư Mỹ : chế-độ Thực-dân chỉ để lại được cho ông ba người biết việc, là các ông N.N.T, Đ.V.C. và V.T.H. ngoài ra không đáng kể, chẳng lẽ bỏ không dùng.

Số người bị loại-trừ hay trừng-phạt trong 9 năm chưa tới 1000 trên 130.000 công-chức và cán-bộ. Đối với một số cao-cấp bị thất-súng sau một hồi được trọng-dụng, hình như ông không muốn đoạn tuyệt, và lảng lảng mở đường ngoi trở lại cho những ai hiểu được ý ông. Vài người bị hạ tầng công-tác, không được ông hỏi-han nữa, và còn bị theo dõi. Có người cố tỏ ra ăn năn tội lỗi, hay than thở với chúng bạn : mình được ông Cù dùng, thật là thiên-tái nhất thì, mà làm hỏng việc, quả là đáng buồn, mình không xứng đáng thì ông phải cho xa ông, chứ ông vẫn thương mình. Chẳng rõ đương-sự có khả-năng kịch-nghệ hay không, nhưng câu chuyện đến tai bề trên. Bề trên không nói gì, song vài tuần sau, nghĩa là hơn một năm sau khi nổi đóa, cho vời kẻ bị giận và cho một chức-vụ cao.

Đã có vài trường-hợp như trên, nên người tinh-khôn rút liền bài học. Một vị đã từng lãnh trọng-trách, chẳng may mắc lỗi và bị cất chức về đợi lệnh ở một cơ-quan : ông ta đã tưởng là được yên thân. Nhưng ba bốn tháng sau, ông Tổng chợt nhớ tới, và giao phó cho một trách-vụ vô-cùng... nặng nhọc mà trước đó chưa một người nào nghĩ đến : xếp lại hàng vạn tập hồ-sơ cũ rích chất lâu năm trong một kho đen tối mốc ăm, và theo chỉ-thị, thì cứ mỗi tuần phải phúc trình kết-quả. Những người biết chuyện đều lo rằng ông ta phẫn uất..

Song với một lòng nhẫn-nại có thể thi gao với Cầu-Tiền nước Việt dưới trướng Phù-Sai, ông ta lạng lẽ bơi, rữ, lựa, quét, buộc, hút bụi, ghi sỏ và bày ngày một lần đệ tờ trình đúng hạn. Nửa năm sau, ông ấy thừa lên đã hoàn thành nhiệm-vụ và cung kính chờ lệnh cấp trên với tâm thành tri ân bất-tận.

Ông Tổng-Thống bật cười :

— Có ghét bỏ gì hẳn đâu ? Thủ xem sao đó thôi. Tìm cho hẳn một chức gì... Không phải chỉ có mấy ông Tàu thuở trước mới biết dùng khờ-nhục-kể.

oOo

Ở con người ô. Ngô Đình Diệm, quả là có những sự khó hiểu. Nên tôi thường nhớ lại danh-từ *dị-nhân* mà bạn S. đã muốn gán cho ông, duy tôi còn chờ đợi nhiều chứng-minh hơn nữa. Điều chắc chắn, là ở nhiều trường-hợp, tôi không thể quyết đoán về ông.

— Tại sao đề râu ?

Ông Tổng-thống chau mày hỏi một nhân-viên có ria mép và thường phải gặp ông về việc hàng ngày.

Đương-sự không biết trả lời thế nào, phần vì lời chất-vấn quá đột-ngột phần vì nguyên-nhân của tình-trạng lún-phún cũng chưa từng được nhận thức rõ-ràng.

Dù sao, anh ta cho là mình làm chướng mắt bề trên nên vội về cáo tuốt. Vài hôm sau, anh lại tới trình việc.

Ông Diệm nghiêm nét mặt hỏi :

— Vì sao cáo râu ?

Nhà cầm quyền ở nhiều xứ và nhiều thời thường phàn nàn là ít khi mình được hiểu. Song ở trường-hợp ô. Diệm, sự thiếu thông-cảm chắc không do lỗi người chung quanh.

Càng chú ý đến ông, tôi càng thấy lạ, vì ông có những cử-chỉ và những phản-ứng không ngờ.

Một dự-thảo nghị-định được đệ lên ông. Ông liếc qua, cau mặt, và hạ ngay bút xuống : hỏng rồi, chắc ông bác bỏ, có lẽ người được đề-cử đã phạm lỗi gì mà riêng ông biết rõ ?

Nhưng ông coi lại dự-thảo, rồi ký và bảo :

— Tên chi mà lại là Bấp ! Bấp thì nghe sao được ? Cao cấp mà là Bấp ! Kêu hẳn đổi quách tên đi.

Lệnh này không cần theo vì sau đó ông sớm quên, và chẳng đương-sự cũng có thể nài van nếu cần đề xin giữ lại chút kỷ-niệm quý báu nhất mà các cha mẹ chỉ ban cho con một lần trong đời. Dù sao, tôi cũng ghi nhận một khía cạnh khác người của ông Tổng-thống, và việc xảy ra cắt nghĩa cho tôi vì sao ông thích thay đổi những tên gọi địa-phương như Budop hay Sadec.

Có lần, một Bộ-trưởng vừa ăn cơm trưa xong, định ngả lưng nằm nghỉ, vì nắng hè gay gắt ; vừa chợp mắt thì người nhà hót-hải báo Tổng-Thống kêu điện-thoại gấp. Ông Bộ lật-đật chạy ra nghe, chắc có việc gì khẩn lắm...

— Ông có mấy con ?

— Dạ, bốn cháu.

— Mấy tuổi ?

— Thưa, từ 5 đến 12.

— Biểu bạn đồ sạch sẽ, cho vô đây liền.

Cả nhà ông Bộ luống-cuống sửa soạn cho lũ trẻ, rồi 15 phút sau, ông dẫn đàn hậu-sinh vào dinh bái kiến. Mấy đứa nhỏ dụt dè sợ hãi, không biết sẽ xảy ra chuyện gì.

Thì ra Tổng-thống Việt-Nam Cộng-Hòa, quần trùng, áo the, dép da, đợi sẵn chúng từ nãy; ông giơ máy ảnh chụp và cười khà-khà :

— Coi được đấy, pose này khá lắm !

« Người » có vẻ đặc-ý, lách-tách bấm một hồi, rồi ơn trên ban bánh ngọt : đó biết lũ trẻ hay chính ông, ai khoái hơn ? Chỉ có ông Bộ là phải một phen hồi-hộp, vừa bực mình vì mất giấc trưa, vừa sửng sốt về một sự chỉ có trời họa may biết trước.

Câu chuyện kể trên đây không làm cho tôi buồn cười, trái lại, tôi thấy có gì như nã nã.

Tôi nhớ lại những lúc ông cho gọi mấy con nhỏ của Cố Nhu qua phòng riêng để vuốt ve, và hỏi han.

Ông không biết chơi với ai, nhiều hôm phải ra tận bờ sông Sở Thú chơi với con chồn.

Nhiều bận, tôi thấy ông một mình trơ trọi, trong dinh vắng-vẻ, khi mọi người đã ra về hết. Tiếng quạ kêu trên rặng cây già cỗi, càng làm tăng hiu quạnh trong vườn im lặng.

Phải chăng vì cô-độc quá, nên ông không thể rời được ông Nhu và vợ con Cố-Vấn ? Và biết đâu tình-trạng này không gây những hậu-quả khôn lường cho thân-thể và sự-nghiệp của ông ? Giá thử lúc nào ông cũng sửa một bảy năm sáu tuổi để thương yêu và chụp ảnh, không chừng cục-diện đời khác phần nào ?

Những việc tầm thường, trước mắt đã kích thích sự tìm hiểu của tôi hơn cả đường lối của một Tổng-thống, vì đường lối này dễ nhận hơn con người phức-tạp của một Ngô-Đình-Diệm. Đối với tôi, không những ông là một nhà cầm quyền phải làm đích cho mọi sự khen chê, nhưng còn là một hiện-tượng tâm-lý mà tôi mong nắm được ít nhiều trạng-thái, để soi sáng cho sự phán-đoán của tôi về sau này, giữa bao luồng dư-luận trái ngược.

Khốn thay, tôi càng để ý càng thấy khó hiểu.

oOo

Làm việc lâu năm với ông, không có sự gì đáng trách, nhưng ông vẫn coi như chẳng hết lòng, chỉ vì không biết nói năng cho vừa ý ông. Song ông lại tỏ ra rất dễ tin, tin rằng ca ngợi ông là hiểu biết ông, có khi là « cũng hiểu chánh-trị. » Hẳn là ông ưa lời đường mật. Ấy thế mà có lần ông bảo thuyên chuyển một nhân-viên đã được ông tin nhiệm, chỉ vì lý-do « nó hay nịnh hót ».

Một cao-cấp bị tố là có ý chống đối, nên bị chấm dứt nhiệm-vụ. Rồi vài năm sau, hề nghe hay đọc thấy tên, là ông cầu nhàu. «Sao còn cho hẳn ngồi làm việc công-sở?» Có thể kết luận rằng nếu đã bị coi như đối-lập, thì đừng trông mong gì ở tình-cảm của ông? Nếu vậy thì còn giản-dị quá. Một quân-nhân từng được ông ân sủng, đã cùng nhiều người khác nổi dậy chống ông. Ông bảo người chung quanh: «Hẳn bị xúi giục' đấy thôi, hay bị đánh lừa nên mới làm lở chốc lát.»

Một nhân-viên trong Phủ, hàng ngày trình việc lên ông, mắc bệnh vì làm nhiều mệt quá, phải nghỉ liền mấy tháng mà chẳng được ông gửi một lời thăm hỏi: «vê- tình đến thế là cùng? Một vị khác, tuy không được ông quý mến hơn, chẳng may góa vợ; Ông bùi-ngùi bảo: «Ông đã có tuổi mà bà ấy mất đi, thì nay ai trông nom được cho ông?»

Công-chức 25 năm thâm-niên, phạm lần đầu một lỗi không quá nặng, bị cách tuột, xin giảm phạt để lập công chuộc tội và nuôi mẹ già 80 cùng 10 con thơ dại: đơn nộp ba lần, ba lần bị bác; nhiều người thấy sự nhân-tâm. Một Bộ-trưởng sắp bị ông cho về, nhưng chợt có tang gần, được ông lưu lại: «thôi, khoan thay đổi, người ta đang buồn». Nên khi một tỉnh-trưởng sắp bị cất chức, có người trình ông rằng đương-sự vừa có đứa con trai tử-nạn; ông bảo «Hãy cho hẳn ngồi đó ít lâu». Ít lâu, là chừng một năm thì phải.

(còn tiếp)

Đ. T.

BỔ PHỔI - BỔ XƯƠNG
BỔ MÁU - BỔ GAN

THUỐC ỚNG UỐNG

RUBICAL

Calcium B12
Sorbitol

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON
75, Đường NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM
ĐƯỜNG-THÀNH-QUỚI DƯỢC-SƯ

50 VIÊN NHÃN 2039 ngày 26-2-50

CLICHE DAI

Lá thư BA-TƯ

(Xin xem từ BK. T Đ. số 262)

Tất cả những hiệu bán đồ cho du-khách, cứ thấy mặt ngoại quốc là thách giá, nếu mình không biết mặc cả thì nhứt định mua mắc gấp hai gấp ba. Vì vậy nên mỗi lần đi mua đồ, chúng tôi nhờ người Ba-tư cùng đi với chúng tôi và lần nào, những người hướng dẫn chúng tôi cũng cự rự mấy người bán sao thách giá quá cao. Người Ba-tư đối với khách rất hậu. Lần nào đi dự tiệc tại nước này, thức ăn cũng còn đầy bàn khi tiệc đã tàn. Đối với người ngoại quốc, thì những người buôn-bán quyết lòng đập đồ, chớ người Ba-tư phần đông hiểu khách lắm. Năm 1961, một buổi chiều nọ, ông giám đốc âm nhạc viện ở Beyrouth và tôi định đi ăn ngoài phố, ở một hiệu ăn đặc biệt của Téhéran và nghe âm-nhạc, xem diễn trò. Chúng tôi hỏi người thông dịch coi phải tốn bao nhiêu mới đủ. Anh ấy bảo là một người tốn lối 700R. Chúng tôi mời anh thông dịch đi với chúng tôi và dự định đem tiền theo bằng 4 phần như thế cho ba người là vừa đủ. Đến giờ hẹn, anh thông dịch đến... với ba người nữa mà anh giới thiệu là bà con của anh, đến để cùng đi cho vui. Anh giám đốc âm nhạc viện Beyrouth và tôi nhìn nhau có vẻ lo ngại vì tiền bỗng xừ chúng tôi không có sẵn nhiều mà chỉ dự định cho 4 phần làm sao đủ cho 6 phần ăn. Đến hiệu ăn, người bà con của anh thông dịch gọi các thứ đặc-biệt ở Ba-tư, từ caviar (loại trứng cá rất mắc tiền) biển Caspienne, đến thịt trầu nướng, thịt gà nướng, rượu Vodka, rượu chát trắng vùng Shiraz v.v.. Chúng tôi ăn mà phập phồng chẳng biết đến chừng trả tiền phải tốn độ bao nhiêu. Khi chúng tôi ngỏ ý muốn về vì đêm đã khuya, gọi anh bầu bàn tính tiền để chúng tôi trả thì người bà con của anh thông dịch nói: «Xin ông cho phép chúng tôi trả tiền. Ông là người ngoại quốc tức là khách của chúng tôi. Chúng tôi không bao giờ để cho khách trả tiền. Ông mời em bà con của tôi đi ăn chiều. Nó phải nhận lời đi vì nó là thông dịch của các ông. Nhưng nếu nó để mấy ông trả tiền thì nó xấu hổ. Mà đành trả tiền thì nó không giàu có cho mấy. Nên nó đến nhờ tôi, thay nó mà tiếp đãi các ông chiều nay» Quen ở các nước Âu-châu mà thói thường mạnh ai nấy sống, anh thông dịch người Ba-tư làm cho tôi thấy một cái gì đẹp trong cử chỉ của anh, mà có lẽ chúng ta chỉ gặp được ở các nước Á-châu. Lần này, cũng có một chuyện làm cho tôi tự xấu hổ vì đã quá «đa nghi» và đoán người còn sai Sáng hôm đó, hai giáo sư Việt-Nam sang dự hội nghị bên này và tôi đi dạo phố. Tôi muốn tìm một hiệu có bán bưu-ảnh để mua. Chúng tôi đi không đúng hướng nên lạc về phía chợ

mà họ gọi là Bazar. Giáo sư Giảng thấy một tấm hàng trải trên giường, màu rất đẹp, muốn hỏi mua mà không biết tiếng bona xứ, thì có một cậu thanh niên trông có vẻ nghèo nàn, nhưng biết nói tiếng Anh đến dịch giúp. Rồi anh đi theo chúng tôi, dẫn chúng tôi vào chợ, có ý cho chúng tôi được dịp biết những nơi mà anh cho là đặc biệt của Ba-Tur. Tôi thì nóng nảy muốn tìm cho được nơi bán bưu ảnh hỏi anh luôn: «Anh biết chỗ nào có bán bưu ảnh làm ơn dẫn tôi đến mua.»

Anh trả lời «Biết chớ. Thế nào rồi cũng đi đến đó. Mà ông có muốn viếng những nơi đặc biệt, đi trên những con đường mòn, vào những đền thờ không?». Tôi hơi sốt ruột nên trả lời: «Tôi đã đi viếng các thắng cảnh ở Shiraz rồi; bây giờ tôi chỉ muốn mua bưu ảnh. Mà đi bộ từ sáng đến giờ tôi đã mỏi mệt. Tôi muốn biết từ đây đến chỗ bán bưu ảnh bao xa và đi bao lâu mới tới?» Anh trả lời: «Ông chắc không quen đi bộ sao mà mới đi từ sáng đến giờ đã than mỏi. Từ đây đến chỗ bán bưu ảnh có thể đi 10 phút, 15 phút hay nửa giờ». Tôi nhờ anh lựa con đường nào đến chỗ bán bưu ảnh trong 10 phút giúp tôi vì tôi đã mệt ảm rồi. Chúng tôi nhớ rằng nếu đi trở ngược lại thì ra con đường lớn mà anh lại dẫn chúng tôi đi quanh quẹo trong chợ đến những con đường đất mòn đầy bụi, có nhiều con lừa lưng mang cả bao trái cây để bán. Giáo sư Cầu và Giảng có ý lo ngại chẳng biết anh chàng này định dùng mưu gì dẫn mình vào một nơi nào để cho mình bị vây cũng nên. Giáo sư Giảng nói. «Thôi giao cho anh Kh. định liệu đi. Mình nên đi tới hay nên thôi lui?» Đi tới thì chẳng biết đi đến đâu. Mà thôi lui thì đường đã quá xa mất ít lắm cũng 15 phút mới ra khỏi chợ. Tôi hỏi anh dẫn đường. «Muốn ra đường cái phải quẹo bên trái hay bên phải?» — «Bên nào cũng ra tới đường cái. Ông đi theo tôi». Độ 5 phút sau, ở mút con đường hẻm nhỏ, chúng tôi thấy xe cộ qua lại. Bấy giờ mới yên lòng. Gần nửa giờ sau, chúng tôi mới đến chỗ bán bưu ảnh. Anh hỏi mua, trả giá giúp cho chúng tôi. Hai giáo sư Cầu và Giảng nghĩ như tôi rằng chắc anh này đi la cà theo mình đến trưa rồi đòi tiền hưởng dẫn chớ gì. Thôi thì cho anh ta một ít tiền nước chi đó rồi từ giã anh ta đi». Tôi lấy 20 Riads đưa cho anh mà nói: «Cám ơn anh chỉ đường cho chúng tôi. Mời anh cầm tiền này uống chút nước giải lao.» Anh từ chối không lấy tiền: «Tôi đi với các ông vì thấy các ông là người ngoại quốc, không biết đường, không thạo tiếng nói của chúng tôi, để giúp các ông chớ đâu phải để lấy tiền nước. Các ông có khát nước không?» Chúng tôi phải nói là có để có dịp đãi anh ta. Phải mời đến năm ba lượt anh mới chịu uống một chai Pepsi Cola và sau khi từ giã anh còn hỏi thăm nếu cần hôm sau anh sẽ dẫn chúng tôi đi dạo phố nữa. Tôi không nhìn thấy được lòng tử tế tự nhiên của người Ba-Tur, vì quen sống trong xã-hội ích kỷ và đầy dẫy chủ nghĩa cá nhân nghĩ rằng khi người ta giúp mình chắc cũng vì một cái lợi nào đó. Người Ba-Tur, giống như hầu hết người phương Đông, đối với người ngoại quốc có hai thái độ trái ngược. Trước một người lạ hoàn toàn thì tìm đủ cách để bóc lột: như tất cả người buôn bán, thì thách giá thẳng tay, sắp phơ tặc xỉ thì không bao giờ có tiền lẻ để thối, các anh bồi phòng thì bao giờ cũng nhìn số tiền nước mình cho với một vẻ mặt khinh khỉnh để mình tưởng rằng đã cho quá ít và phải cho thêm. Nhưng một khi coi mình là bạn rồi thì bênh mình, đến trách người đồng hương của họ bán quá giá, đòi tiền quá mức

và nhiều lần, những người bạn Batur đi đâu vẫn đành trả tiền để khỏi cãi lầy lời thối. Mà hề họ đã trả tiền ra mình khó mà trả lại lắm.

Người Batur có truyền thống hiếu khách và trọng khách. Hôm nhạc-hội Shiraz bé-mạc, có ba nhạc-sĩ Lỗ-ma-ní muốn ghé lại I-xơ-fa-hăn (Isfahan) để viếng cố đô của Ba-Tur và những danh-lam thắng cảnh tại đó. Họ có nhờ ban tổ chức giữ chỗ máy bay cho họ, mà hình như ban tổ chức quên hay vì đã hết chỗ trên máy bay chi đó. Dầu sao, họ có thể trả lời rằng họ rất tiếc vì ngày đó mọi người dự nhạc hội đã giữ chỗ trước để về Téhéran, thôi các ông bà chịu phiền đợi hôm sau. Đền công 3 nhạc sĩ đàn tại nhạc hội, họ đã đãi thọ tiền ăn ở trong 3 tuần và trả tiền lộ phí. Nhưng họ vẫn tìm đủ cách để làm vui lòng khách, đến nhờ không quân Ba-Tur cho một chiếc phi cơ riêng, thứ loại 2 máy chở lính nhảy dù, để đưa 3 nhạc sĩ Lỗ-ma-ní ghé I-xơ-fa-hăn.

Lần này, tôi lưu lại Ba-Tur gần một tháng. Tuy chỉ dự nhạc-hội và gặp gỡ các nhạc sư, nhạc sĩ, tuy mục đích của tôi là trình bày nhạc Việt cho người Ba-Tur và người ngoại quốc dự hội hiếu thêm về truyền thống Việt-Nam đồng thời học thêm về nhạc cổ truyền Ba-Tur, nhưng nhờ ở lâu tôi có dịp nói chuyện với sinh-viên, mấy anh tài xế xe tắc-xi mà thấy rằng có một số biện pháp của chánh-phủ Ba-Tur làm cho dân chúng thêm tin tưởng ở chánh quyền. Chẳng hạn như đánh thuế nặng những xa-xỉ phẩm như dầu thơm, rượu mạnh để giảm giá bánh mì là thức ăn căn bản của dân nghèo. Như nghị định cấm tảo hôn và bãi bỏ chế độ đa thê, như cải cách điền địa v.v... chẳng biết trong thực tế thế nào, nhưng sinh viên thì rất hoan nghinh việc ông Shah chia một số đất của mình cho nông dân để làm gương cho các đại điền chủ. Chánh phủ lại đặt ra ba loại « quân đội » : kiến thức, vệ sinh và kiến thiết. Sinh-viên có cấp bằng Đại học thì phải nhập ngũ. Nhưng nếu ai không muốn cầm súng thì phải gia nhập vào một trong ba « quân đội » nói trên, tức không được ở thành thị mà phải vào nông thôn hay những nơi hẻo lánh để chống nạn mù chữ, truyền bá vệ sinh, hay xây nhà, đắp đường tùy theo khả năng của mình. Thời gian dành vào các công việc có tánh cách xã hội đó, thế vào thời gian nhập ngũ. Sinh viên tốt nghiệp trường Đại-học, phải đi gần với đời sống dân quê trước khi hành-nghề tại các đô-thị. Năm nay, hội nghị âm-nhạc khai mạc cùng một hôm với ngày ông Shah tuyên bố trích một ngày ngân-quỹ của quân đội để cho công việc chống nạn mù chữ. Nhạc sĩ Yehudi Menuhin, hoan nghinh biện pháp ấy và ước rằng mai sau không những một ngày ngân quỹ chiến tranh của một nước mà tất cả ngân quỹ chiến tranh trên thế giới được dùng vào công việc chấn hưng văn-nghệ, chắc là loại người sẽ được sống một ngươn thanh-bình và hạnh-phúc !

Thanh-bình và Hạnh-phúc !

Nghĩ tới bao nhiêu nghị lực của người, dùng vào việc kiến quốc, cho nước họ thêm giàu, dân họ được ấm no và nhờ tới tình trạng nước nhà hằng ngày bao nhiêu cây trụ lả, bao nhiêu nhà bị cháy, bao nhiêu đầu xanh bỏ mạng chốn sa trường, không dập tắt được ngọn lửa chiến tranh thì thảo-luận về những phương-pháp giáo dục âm-nhạc, một công việc của thời bình, thấy mỉa mai ! Chắc bạn hiểu được tâm hồn chúng ta bị day nghiêng bảng ngày như thế nào. Luôn luôn hai câu thơ của Mộng Trung văng vẳng bên tai :

Thì *« Rách vụn thắm tươi, xuân lành tan gãy,
Hay đẹp nghĩa gì bên thối nát xương rơi ? »*

Xin hẹn bạn thư sau
Xa xôi

TRẦN-VĂN-KHÊ

của ANDRÉ MAUROIS

NGUYỄN-HIẾN-LÊ giới thiệu

(Xin xem BK.TĐ. từ số 256)

Thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống

Chúng tôi đã giới thiệu sáu bảy tiết gồm toàn những lời khuyên rất thực tế như độc giả đã thấy. Tác giả còn bàn nhiều vấn đề nữa như về sự luyện trí, cách chỉ huy, về ái tình, hôn nhân, đức tin, cách tiêu khiển...; luôn luôn ông đưa ra nhiều kinh nghiệm bản thân và giữ một thái độ minh triết, khoan hòa với tuổi trẻ, nghiêm trang chứ không nghiêm khắc.

Trước khi ngừng lại, chúng tôi xin cống hiến độc giả hai tiết nữa chứa cái nhân sinh quan vui tươi, hóm hỉnh của Maurois. Trong toàn cuốn, chúng tôi thích hai tiết đó nhất : CUỘC KHIÊU VŨ GIẢ TRANG và ĐỜI SỐNG CHÂN CHÍNH.

CUỘC KHIÊU VŨ GIẢ TRANG

« Cứ tìm đi, bạn sẽ thấy bạn.» Đúng! Chẳng những trên phương diện văn chương mà cả trên phương diện tính tình, bạn phải tự tìm ra bạn, mà việc đó không phải dễ đâu. Hồi xưa tôi quen thân văn hào Pirandello (1) mà vở kịch nào cũng lấy những sự thay đổi cá tính của con người làm chủ đề. Ông bảo tôi:» Từ hồi còn đi học tôi đã bị ám ảnh: Vẽ một chân dung nhất trí của con người là vẽ bậy, không đúng sự thật. Trước một số người nào đó ta đóng một vai trò này, trước một số người khác ta lại đóng một vai trò khác. Điều đó rất đúng đến nỗi đôi khi ta thấy khó chịu khi ngồi trước mặt hai người bạn ; phải

mời một trong hai người đó đi rồi mới thấy thành thơi được. Vợ chồng nhiều khi phải lẩn trốn nhau một ít lâu vì không thể tiếp tục đóng một vai trò mà hồi mới cưới hai bên thành thực chấp nhận. Một người đàn ông đã khoác cái vẻ đạo đức giả. Người đó làm ra một thái độ mà thái độ đó không thể giữ hoài được. Người đó phải trốn đi, nghĩa là bắt đầu lại cuộc sống với một người đàn bà khác. Đóng một vai trò khác với người này và vai trò này hợp với người đó hơn... Bảo rằng ở trên tất cả những vai trò đó, có một cái bản ngã duy nhất nó trùm lên, điều đó tôi cho là ảo tưởng !... Đời sống là sự thay đổi. Khi không còn chuyển biến, thay đổi nữa thì con người hóa già rồi chết.»

(1) Văn hào ý (1867-1936), viết tiểu thuyết và kịch, chủ trương rằng con người không thể tự hiểu mình được.

Pirandello có lý. Trong một con người

một có thể có cả trăm con người được. Người đó tốt không? Người đó xấu không? Cả hai. Bạn biết rằng bạn có thể âu yếm và độc ác, biết điều và tàn bạo, có thể khôn ngoan mà lại có thể điên khùng. Cái đó tùy hoàn cảnh, tùy sách bạn đọc tùy người khuyên bảo bạn, tùy người bạn chơi của bạn. Chẳng hạn, chúng ta xét trường hợp Chateaubriand. Trong bản chất ông ta có một con người tu hành, tin Chúa, rất mộ đạo. Kì Tô do nhiều kỷ niệm hồi thơ ấu và hồi thiếu niên; Nhưng cũng có một người nữa rất dễ sa ngã vào những sự quyến rũ mà đạo Kì Tô cấm kị, một con người kiêu ngạo, phóng đảng. Hai con người đó, người nào thật là Chateaubriand? Không có con người nào cả, nếu bạn tách riêng ra khỏi con người kia. Chateaubriand là một toàn bộ. Rồi bạn lại xét Napoléon. Có một vị quốc trưởng nào nhiều tham vọng hơn ông không? Có nhà chinh phục đất đai nào tham lam vô độ như ông không? Vậy khi mà ông suy nghĩ về con người của ông, về cuộc đời của ông thì ông có tiết độ ra sao! Người ta gần như có thể khen ông: Con người nhưn nhận quá! Ở đảo thánh Héléne, khi ông đã lột cái mặt nạ hoàng đế ra rồi, ông ta tìm lại được cái tâm hồn một chú thiếu úy, một cậu sinh viên chỉ mơ ước được sống ở Paris với ba cắc mỗi ngày và được coi Talma (2) đóng kịch của Corneille.

Thế thì người nào mới thực là Napoléon? Hết thấy. Và trong con mắt của ông thì người nào cũng thành thực cả. Chúng ta đóng trò cho chúng ta cũng như cho những người khác. Khi đi qua dưới những ngọn đèn rọi của tình cảm và tuổi tác thì chúng ta thay đổi màu sắc

(2) Một người đóng kịch (và viết kịch) rất nổi danh thời đó, sau được Napoléon nâng đỡ.

y như các vũ nữ bận áo trắng mà hóa ra lúc thì vàng, lúc thì hồng lúc thì xanh. (3) Cái bản ngã còn trẻ trung của bạn bây giờ chế cười những đam mê của các ông già, nhưng sau này khi đi vào đám ánh sáng của ngọn đèn rọi lão niên thì bạn cũng lại có những đam mê đó. Chứ: vụ cũng thay đổi con người ừ. Một thanh niên ngỗ nghịch nọ sau kỳ thi tú tài, đi diễn hàng một với bạn bè, nghề nh ngang ngoài đường, thoi một cái bề quai hàm một thầy cảnh sát, có thể sau này thành một viên Chưởng Ấn hay Chánh án tòa thượng thẩm. Một thi sĩ trẻ nọ cay độc chế giễu viện Hàn lâm có thể một ngày kia mê mẩn tâm hồn bước vào viện trong tiếng trống thùng thùng và đọc bài diễn văn cảm ơn.

Chẳng những trong bản chất của bạn có cả mười, có trăm người nó đợi giờ phút nào đó, gặp những mối tình nào đó, tới tuổi nào đó lãnh, những chức vụ nào đó mới xuất hiện; mà còn nhiều con người khác nữa không bao giờ biết được. Có những người ngay từ hồi trẻ đã làm ra một thái độ, một bộ tịch và giữ hoài được thái độ, bộ tịch đó. Đôi khi thái độ, bộ tịch đó đẹp đẽ. Chẳng hạn bạn thái độ, bộ tịch của con người minh triết, nghiêm nghị, trung tín, từ bỏ mọi thú vui mà hoàn toàn hy sinh cho hạnh phúc kẻ khác. Nhưng nghệ sĩ đóng cái vai trò lớn đó (và đóng một cách hoàn hảo) thỉnh thoảng cũng nghe thấy trong thâm tâm có tiếng nhủ thầm: "Này cậu, bộ cậu tính làm tình làm tội cậu, suốt đời phải đóng cái vai đó sao? Cậu mà đóng cái vai Don Juan (4) và vai bọn vô luân cũng khéo như người khác chứ đâu có kém — nếu cậu muốn... Mà như vậy thú

(3) Tác giả muốn nói tính tình ta thay đổi tùy tuổi.

(4) Nhân vật tán gái trong truyền thuyết I-Pha-Nho, được nhiều văn sĩ Châu Âu cho vào tiểu thuyết, kịch...

vị hơn nhiều. Biết đâu chừng ? Có lẽ vai đó mà lại giống hệt hơn nữa đấy. Lúc đó người ta mới lơ mơ nghĩ rằng đã làm hỏng đời mình, đã phải nhận biết bao cái vui nhộn. Tại sao vậy ? Tại bạn không còn dám lột mặt nạ ra, cái mặt nạ mà mọi người đã quen nhìn và nhận ra bạn rồi mà nó lại biểu hiệu một phương diện đúng với con người của bạn. Chỉ có mỗi một phương diện được thực hiện, còn biết bao phương diện có thể thực hiện được phải bỏ đi.

Hồi xưa tôi ở bên Anh, tôi được quen một thiếu phụ rất đẹp, e lệ như thành tật. Chồng bà ta rất thông minh, làm cho sự lanh lợi của bà ta như tắt hẳn. Nhiều ông mê vẻ đẹp của bà, háng hái ve vãn bà, họ thất vọng vì thấy bà làm tỉnh và có vẻ lạnh lùng. Một buổi tối, một nữ chủ nhân ở Londres tổ chức một cuộc khiêu vũ giả trang. Do ngẫu nhiên tôi được ngồi cạnh một thiếu phụ thân thể tuyệt mỹ mà không vũ. Do phép lịch sự, tôi gợi chuyện với bà; bà đáp, rất thông minh và bạo dạn, đến nỗi tôi ngồi lại một lúc lâu, bị bà chinh phục. Khi biết chắc rằng đã làm cho tôi mê mẩn vì vẻ đẹp của thân thể và cái duyên của câu chuyện, bà ta mới cười, nâng cái mặt nạ lên. Tôi ngạc nhiên nhận ra bà bạn diễm lệ và rất ít nói của tôi. Nhờ đeo mặt nạ mà bà đã đóng vai một người khác được. Mà người khác đó cũng chính là bà. Có lẽ vì những lý do như vậy mà các cuộc khiêu vũ giả trang ở Đại kịch trường hồi xưa rất được hoan nghênh. Còn gì thích thú bằng được quên mình trong một lúc để tìm lại được ở mình một con người khác hẳn con người thường ngày.

Đời sống là một cuộc khiêu vũ giả trang. Trong cuộc khiêu vũ đó có nên

đeo hoài một mặt nạ không ? Cái đó còn tùy thứ mặt nạ — và tùy bạn nữa. Nếu một mặt nạ nào đó không hợp với bạn, nếu nó làm bạn đau khổ, khó chịu, mà bạn có cảm tưởng rằng nó buộc bạn phải đóng một vai trò không thích hợp với bạn, thì cứ thử những mặt nạ khác. Cái món hàng đó ẽ hễ ra đó. Bên cạnh cái mặt nạ nghiêm nghị của một ông Lớn tương lai, đây là cái mặt nạ của một nghệ sĩ bận một chiếc áo sơ-mi banh ngực, lờ loẹt ô đỏ ô trắng ; rồi đây là mặt nạ của vị bác-sĩ tương lai cặp mắt soi mói sau đôi mục kính. Muốn thay đổi, còn kịp đấy. Nhưng này, coi chừng nhé ! Hễ đeo mặt nạ vào thì là vô cuộc vũ đấy. Vì các mặt nạ khác sẽ tùy theo bề ngoài của bạn mà xét bạn. Bạn đương vô cuộc khiêu vũ của đời sống, nên lựa cho kỹ mặt nạ đi.

ĐỜI SỐNG CHÂN CHÍNH

Bạn đã xin tôi khuyên bảo về cách sống. Tôi đã rán đem kinh nghiệm bản thân chỉ lại cho bạn ; tôi còn cần phải xin bạn phân biệt cái khôn sơ đàng với cái gì khác cao hơn nó. Công việc, thì nhất định ta phải làm rồi ; những cái vinh dự trong xã hội, có lẽ cũng cần kiếm lấy ít nhiều để khỏi phải bận bịu về nó, những tín ngưỡng về tôn giáo, tôi đã nhắc cho bạn thấy nó có thể giúp bạn ra sao ; những quyết định về chính trị thì phải lựa chọn đi vì xã hội nếu không được cai trị thì sẽ lâm vào một cảnh hỗn loạn đau đớn. Nhưng cái cốt yếu của đời người không phải ở đó.

Một đêm hè, ngồi một mình dưới vòm trời đầy sao, bạn tự vấn tâm lại đi. Bạn đặt mọi vật vào vị trí đúng của nó. Bạn nghĩ tới những kẻ tự cho mình là lớn, tới những kẻ quyền cao chức trọng, bạn những đồ thêu lợp trong lớp ngoài,

đầy những thánh tích cùng huy chương. Bạn nên nhớ rằng dưới lớp quần áo chói lọi, lưng lẳng đó, dưới tấm yếm sơ mi cứng ngắc những hồ đó, chỉ là những cơ thể giống cơ thể của bạn. Tôi nói gì vậy? Giống ư? Không. Vì bạn còn trẻ, mảnh mai, có bắp thịt. Họ già rồi; bụng họ như cái trống; bắp thịt của họ nhão nhẹt chổng đờ họ không nổi, da họ nhúm nhó lại thành những tấm da phủ, những miếng vải nhét khe cửa, những lằn nếp.

Vậy mà một số những người đó vẫn là những bậc đại tài trí. Bạn nên trọng tuổi tác và tài năng của họ, nhưng đừng nên coi họ là những sinh vật khác loài với mình, bặt tục. Đa số cũng khổ sở như ai cũng vậy, cũng bất mãn và tiếc cái tuổi xuân đã qua. Dù họ thông minh tới mấy thì hầu hết cũng say cái tài hùng biện huyênh hoang của mình, cũng mê những chủ nghĩa, những lý thuyết trừu tượng mà quên sống, và cái đó mới tai hại. Nếu họ không sống trong cái thế giới hư ảo mà lòng đam mê những cái đó tạo ra, nếu họ đắm mình trong đời sống hằng ngày rất khó khăn của những kẻ khốn khổ thì họ đã biết đoàn kết nhau để cải tạo xã hội rồi. Nhưng họ lại có nhiều tham vọng và nhiều căm thù; họ gây nên những cuộc xung đột vô ích. Vì vậy mà có biết bao khốn khổ! Nếu họ tưởng tượng một cách mạnh mẽ cảnh những thanh niên hấp hối trong một khu ruộng ngập một thứ nước tù, thì có gì mà họ không làm để tránh những chiến tranh vô ích. Nhưng cặp mắt đả suy của họ có nhìn, thấy gì đâu; lỗ tai đã ngạnh kết của họ có nghe thấy gì đâu. Cho nên mới đồ biết bao là máu!

Đời sống chân chính, bạn ngó kia, nó

ở bên cạnh bạn đó. Nó ở trong những đóa hoa trên bãi cỏ của bạn, trong con rắn mối nhỏ nó sượt nắng trên ban - công của bạn, trong những em bé âu yếm nhìn mẹ, trong những cặp tình nhân ghi chặt lấy nhau, trong tất cả những căn nhà nho nhỏ kia tại đó những gia đình rán kiếm ăn, yêu nhau và du hí. Không có gì quan trọng bằng những kiếp sống tầm thường đó. Cộng những kiếp người đó lại thì thành nhân loại. Nhưng loài người dễ bị gạt lừa. Vì vài danh từ không được định nghĩa, (5) người ta chém giết nhau, tưởng mình là bị ngược đãi rồi căm thù nhau. Bạn nên dùng tất cả khả năng của bạn mà cố kéo họ về đời sống chân chính, về những thú vui, những tình yêu giữa dì

Và chính bạn, bạn nên lựa chọn, nên sống chứ đừng đóng một vai trò mà chính bạn cũng không tin, trong một hài kịch bi đát làm gì. « Đời sống ngắn ngủi quá không thể ti tiêu được. » (6)

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

(5) Chúng tôi nghĩ người ta chém giết nhau vì quyền lợi nhiều hơn vì ý thức hệ.

(6) A. Maurois là một nhà văn rất ca tụng sự làm việc. Ông sống để làm việc, viết riêng một cuốn « An Commencement était l'action » đề định những qui tắc hoạt động; trong cuốn « Un art de vivre » và ngay trong cuốn này ông cũng đề ra một vài chương bàn về cách làm việc. Nhưng đọc tới đây ta mới thấy ông cho sự làm việc chưa phải là đời sống chân chính. Ta có cảm tưởng ông là một nhà Nho về già theo Lão, Trang vậy. Tôi chưa thấy văn sĩ Pháp nào mà tâm hồn hợp với tâm hồn chúng ta như ông.

Mười năm không-gian học

● VŨ - ĐÌNH - LŨU

(Thuật theo các tài-liệu báo-chí ngoại-quốc)

Mười năm đã trôi qua kể từ ngày 1-10-1957, trái Spoutnik bắt đầu cuộc tuần du quanh trái đất.

Sau mười năm người ta chỉ hiểu rằng không-gian mỗi ngày mỗi đặt thêm cho loài người nhiều câu hỏi khác; còn thì sự hiểu biết chắc chắn không được là bao.

Tuy nhiên người ta cũng biết chắc chắn được ba điều:

— Người ta đã khơi động một phong trào nghiên cứu không gian và phong trào ấy hứa hẹn rất nhiều. Người ta sẽ lên Hỏa-tinh, sẽ xuất cảng chuyện sôi thít lên cung Quảng, sẽ thiết lập một trạm trú chân lưng lơ quanh trái đất, hay chỉ khiêm tốn khai thác khả năng của vệ-tinh nhân tạo về phương diện giao thông, giáo dục và khí tượng? Không ai có thể biết trước nhịp độ và tầm quan trọng của những cố gắng ngày mai.

— Nhiều tiến bộ kỹ-thuật đã được thực hiện, bước vào giai đoạn khoa học hạch-tâm, kỹ thuật đã thêm tinh vi, nay bước sang lãnh vực không gian, kỹ thuật đòi hỏi một mức độ chuẩn xác phi thường.

Người ta phóng đi tới non 600 vệ tinh từ năm 1957 mà chỉ dám cho 13 trái mạo hiểm đến gần lãnh vực của mặt trời. Nhưng cũng vẫn còn giữ một khoảng cách khá kính, không dám đến gần quá. Thực ra những vệ tinh mạo hiểm đó

Cho đến nửa năm đầu 1967 người ta đã phóng đi 708 máy móc và dụng cụ đủ loại, tiêu phí những ngân quỹ khổng lồ và huy động một số lớn bác-học-gia và chuyên-gia. Công việc tìm tòi của họ đã thu thập được một số tài liệu độc đáo. Ảnh hưởng của khoa nghiên cứu không gian đến hoạt động kinh tế là bách thúc gần hết các ngành kỹ nghệ phải cải tiến tổ chức và kỹ thuật để thích ứng với công cuộc khảo cứu không-gian. Khoa học không gian tác động đến các kỹ nghệ khác như một thứ men bách thúc sự tiến triển theo nhịp gấp.

Hiện nay nhiều kết quả quan sát và thực nghiệm còn chưa được phân tích, cô đúc, suy diễn và kết luận. Chúng tôi chỉ có thể đưa bạn đọc đi dạo quanh một vòng châu trời khoa học không gian bằng cách thuật lại ý kiến của một số nhà bác học có tham dự vào những công việc thí nghiệm và nghiên cứu. Dưới đây sẽ tuần tự trình bày những hiểu biết hiện nay của khoa học về mặt trời, mặt trăng, vùng khí quyển của trái đất, các hành tinh trong nhật-thống-hệ, tinh tú ngoài nhật-thống-hệ.

MẶT TRỜI

thường chỉ bay theo quỹ-đạo chung quanh trái đất.

Nhờ vệ tinh và những khí cụ thăm dò không gian người ta biết được rằng lớp vỏ ngoài bằng hơi của mặt trời lan rộng đến tận hỏa-tinh (hỏa-tinh cách xa

mặt trời hơn trái đất). Lớp hơi ngoài đó gồm có proton và electron, chính là thủ phạm những trận cuồng phong đã làm biến đổi không gian kế cận trái đất.

Từ-trường của mặt trời cũng lan ra khắp khu vực có gió của mặt trời. Người ta đã đo được từ-trường ấy là 6 gamma (Từ-trường của trái đất đo ở sát mặt là 30.000 gamma hay là 0,3 gauss). Biết được sức mạnh của từ trường mặt trời khi xuyên qua không gian là 6 gamma, người ta luận ra rằng từ trường của mặt trời đo ở sát mặt phải là 2 gauss.

Từ trường ở sát mặt trời lúc mạnh lúc yếu. Ai cũng biết mặt trời có những chấm. Ở chỗ có chấm, sức mạnh từ trường lên tới vài trăm gauss. Có điều lạ là từ trường mạnh của các chấm có vẻ không ảnh hưởng gì đến từ trường của mặt trời ngoài không gian cả. Người ta kết luận rằng chỉ có những từ trường trung bình là có ảnh hưởng xa, còn những từ trường riêng từng khu vực chỉ tác động ở sát mặt trời.

Sau hết, khí-cụ thăm dò và vệ tinh đã trực tiếp đo số hóa-chất cấu tạo ra mặt trời. Kết quả đo lường xác-định rằng cách ước-lượng trước đây căn cứ vào quang-phổ-học cổ-điển là đúng. Do đó người ta thấy được sự hữu-hiệu của quang-phổ-học. Ngoài ra vệ tinh còn xác nhận thành phần của chất hélium, trong 10 nguyên-tử khinh-khí có 1 nguyên-tử hélium, đúng với cách tính theo quang-phổ-học.

oOo

Cái vỏ ngoài của mặt trời gồm có ba lớp; kể từ trong ra: lớp *photosphère*; mặt trần có thể trông thấy được, dày độ 200 cây số; lớp *chromosphère*, không trông thấy được, phải quan sát tia cực tím mà nghiên cứu, dày độ 10.000 cây

số; lớp ngoài cùng là *couronne*, không trông thấy được, phải quan sát tia X mà nghiên cứu, dày độ vài triệu cây số. Lớp này nóng hơn cả (một triệu độ bách phân ở chỗ sát với *chromosphère*), dùng máy móc riêng hay quan sát vào những lúc có nhật thực thì có thể thấy được.

Nghiên cứu lớp ngoài cùng (*couronne*) bằng tia X, người ta thu thập được những tài liệu quý giá. Dùng tia X thì có lợi hơn dùng kính viễn vọng riêng, có thể quan sát được hết cả những lớp hơi ở xa trung tâm mặt trời nhất. Kính viễn vọng riêng là thứ kính mà người ta dùng một miếng màng che lấp hình tròn của mặt trời để quan sát chung quanh. Khi có nhật thực thì mặt trăng là cái màng thiên nhiên để che lấp. Nhưng trong cả hai trường hợp, kính viễn vọng lẫn nhật thực, lớp *photosphère* đều bị che khuất.

Lớp *couronne* là cửa ngõ làm cho tinh lực của mặt trời thoát ra ngoài vũ trụ. Khoa học cần biết đích xác số lượng tinh lực mất đi đó để nghiên cứu nhiều hiện tượng khác.

Hoạt động tạo tinh-lực của mặt trời lúc tăng lúc giảm, theo từng chu-kỳ 11 năm. Hoạt động đó ảnh hưởng đến lớp *couronne*. Như vậy, nghiên cứu tia X của lớp *couronne* có thể biết được mức độ hoạt động của mặt trời.

Tia X ảnh hưởng phần nào đến vùng khí quyển trái đất (lớp *ionosphère*). Bởi vậy cần biết tia X của mặt trời để nghiên cứu khí quyển.

Số lượng tia X phát ra nhiều ít tùy theo mức độ hoạt động của mặt trời. Vào những thời kỳ mặt trời hoạt động mạnh, gọi là mặt trời "phun" những vi-thể nhiều tinh lực và tia X phát ra tăng lên

gấp 200 lần lúc bình thường. Ảnh hưởng xuống trái đất là sự phát sinh những trận bão từ trường và những hiện tượng "hào quang bình minh Bắc cực".

Hoạt động tối đa của mặt trời có thể có cường độ từ 10 đến 50 lần cường độ tối thiểu. Thời gian một chu kỳ biến chuyển từ tối đa đến tối thiểu rồi trở lại tối đa là 11 năm. Năm 1964-65 là năm (tối thiểu). Những kết quả đo lường được tương xứng với những kết quả năm 1954 (tối thiểu). Người ta tiên liệu thời kỳ hoạt động tối đa vào năm 1968-69

Những trận bão gây ra vì mặt trời «phun» kéo dài trong vài ngày. Trước khi phun, mặt trời báo trước bằng sự tăng cường tia X. Biết trước những thời kỳ mặt trời nóng mình sốt mảy như vậy rất có ích lợi cho việc du hành không gian, vì thế có tinh lực cực mạnh phát ra những lúc ấy nguy hiểm vô cùng, phi công chẳng có lợi gì mà hứng lấy.

Việc dùng vệ tinh để nghiên cứu mặt trời mới khởi sự ít lâu nay, từ năm 1957. Với hai vệ tinh Pioneers 6 và 7 người ta sẽ tìm hiểu cả hai nửa của mặt trời, mỗi vệ tinh kiểm soát một nửa, để đo lường thật chính xác lớp couronne. Những đài thí nghiệm có người điều khiển phóng lên cho xoay quanh trái đất sau này sẽ đem lại phương tiện thuận tiện để nghiên cứu tinh tú.

Gió mặt trời và tia vũ-trụ

Khoảng không gian bao trùm nhật-thống-hệ không phải là khoảng trống rỗng. Đó là môi trường của những hiện tượng mà người ta mới khám phá ra, và có lẽ còn nhiều hiện tượng mà người ta chưa biết đến. Người ta dùng vệ tinh và khí cụ thăm dò để nghiên cứu. Có hai cách thực hiện sự quan sát. Một là cho máy móc chạy chung quanh trái đất, hai là cho chạy theo quỹ đạo của trái đất chung

quanh mặt trời. Trong trường hợp sau, ta có thể tưởng tượng ra vùng đã thám hiểm như một cái vòng đeo cổ tay. Vòng đó đặt theo đường quỹ đạo của trái đất chung quanh mặt trời. Tuy cái vòng lớn nhưng chiều dày của nó chỉ có vài triệu cây số, có thắm tháp vào đâu với khoảng không gian rộng lớn của nhật-thống-hệ; bởi vậy cuộc thăm dò cũng như mò kim dưới đáy bể.

Khoảng không gian trong nhật-thống-hệ, ta gọi là không gian liên-hành-tinh. Không gian liên-hành-tinh là môi-trường của những hiện-tượng phát tia của mặt trời đã nói ở phần trên, và của những hiện-tượng gió mặt trời, tia vũ trụ, từ trường, sẽ nói trong phần này.

Từ năm 1958, Parker, người Anh, đã mô tả gió mặt trời như sau: mặt trời luôn luôn tuôn ra plasma; plasma bắn ra xa, qua cả quỹ-đạo trái đất và đến tận Hỏa-tinh. Đó là nguồn gốc gió mặt trời. Các vệ-tinh Lunik 2 và Explorer 10 xác nhận sự hiện-hữu của thứ «đại-hồng-phong» đó. Khi bay ra khỏi thượng tầng khí-quyển trái đất, Explorer 10 cho biết có một đợt proton mạnh từ phía mặt trời ào đến với tốc-lực 250 cây số một giây. Những hạt proton đó tích tụ lại trong không-gian liên-hành-tinh với mật độ 10 hạt mỗi phân khối. Những hỏa-tiến sau này xác nhận có thứ gió ấy.

Gió mặt trời tượng trưng cho sự bành trướng của lớp couronne ra ngoài không-gian. Trong gió có proton, có lẽ cũng có một số électrons tương đương (nếu không thì mặt trời sẽ có điện vì mất quân bình âm dương) người ta ngờ rằng còn có những yếu tố khác của khí-quyển mặt trời.

Gió mặt trời kéo theo một phần từ trường tản mát ở trên mặt trời. Vì mặt trời xoay cho nên từ-trường đó khi phóng ra không gian có hình xoay tròn

có. Từ trường đó rất yếu. Khi đến gần trái đất, sức mạnh chỉ độ 5 gamma. Trái cầu thăm dò IMP 1 phóng đi năm 1963 xác nhận có một từ trường liên-hành-tinh hình xoáy tròn ốc như vậy.

Mặt trời phóng ra những vi thể làm biến đổi điều kiện không-gian liên-hành-tinh như thế cho nên sự phóng vi-thể tăng giảm sẽ có ảnh hưởng đến không-gian liên-hành-tinh. Trong không-gian liên-hành-tinh còn có những tia vũ-trụ do các ngôi sao trong giải ngân-hà phóng đến. Gió mặt trời cản những tia vũ-trụ ấy. Vào những thời kỳ mặt trời hoạt động tối đa, gió mặt trời rất mạnh; số lượng tia vũ-trụ lại vắng đến gần quỹ đạo trái đất giảm đi đến phân nửa, so với những thời kỳ gió yếu. Từ năm 1958 đến 1965 gió mặt trời từ mức độ cực mạnh giảm xuống mức độ cực yếu. Trong khoảng thời gian ấy tia vũ-trụ từ số lượng tối thiểu tăng dần mãi đến tối đa. Từ 1965 trở đi tia vũ-trụ lại giảm dần, có lẽ từ 1969 trở đi thì lại tăng dần cho đến mức tối đa.

Gió mặt trời cản tia vũ-trụ cho nên chỉ những tia có tính lực mạnh mới lọt được đến những nơi gần mặt trời (như trái đất). Đặt giả-thuyết như vậy thì người ta có thể kết luận rằng ở những khu vực bên rìa nhật-thống-hệ, lãnh-vực của hành-tinh Pluton, sẽ có những tia vũ-trụ thuần túy như ở không-gian liên-hành-tinh.

oOo

Tia vũ-trụ vẫn đặt cho khoa học rất nhiều vấn đề. Trước hết là vấn đề thành phần hóa học của nó. Mặt trời cũng phóng ra tia vũ-trụ trong những thời kỳ phát tinh-lực, nhưng người ta chưa biết rõ lắm cho nên người ta sửa soạn phóng những vệ tinh ESRO-2 và HEOS để

ngiên cứu. Đến như tia vũ-trụ từ giải ngân-hà phóng đến thì sự hiểu biết lại còn sơ sài hơn. Phần vì rất hiếm, phần vì khi phóng đến vùng khí quyển nó phản ứng gây ra những tia phụ lẫn lộn với nó thành ra rất khó nghiên-cứu.

Năm 1964 người ta đã phân tích được một tia vũ-trụ từ giải ngân-hà phóng đến mà không bị biến thể bởi từ trường trái đất. Nó gồm có những yếu tố khinh khí, những yếu tố hélium và những yếu tố khác gần với chất sắt.

Nếu so sánh tia vũ-trụ của giải ngân-hà với tia vũ-trụ của mặt trời thì thấy có sự khác biệt rõ rệt. Người ta luận ra mặt trời nhiều hélium gấp bốn lần ngân-hà, nhưng ngân-hà nhiều chất sắt và kền gấp 10 lần mặt trời, nhiều silicium gấp bốn lần, nhiều lithium béryllium và bore gấp 10.000 lần. Sắt, kền, silicium, lithium, béryllium và bor chắc là những mảnh vụn còn sót lại khi những nguyên-tử của không-gian liên-tinh và phải proton của tia vũ-trụ mà vỡ tung ra, còn có thể là những vi-thể nguyên-thủy của vũ-trụ va phải khinh-khí trong không gian liên-tinh mà vỡ ra.

Vì sắt và kền nhiều hơn hélium cho nên người ta nghĩ rằng nguyên-liệu của tia vũ-trụ phần lớn lấy ở những ngôi sao già hơn mặt trời. Mặt trời mới cấu tạo được hélium, trong khi ấy những ngôi sao khác đã cấu tạo được những nguyên tố nặng như silicium và sắt, và luôn luôn phóng những nguyên tố nặng đó ra không gian.

Người ta còn ước lượng, khoảng 100 năm, trong giải ngân-hà lại xảy ra một hiện tượng supernova (sao nổ tung). Theo những thuyết mới thì những vì sao nổ đó tạo ra những chất nặng hơn sắt và

phóng ra vũ trụ. Năm nay người ta nhận thấy lần thứ nhất trong tia vũ-trụ có những nguyên tử gần với chất uranium.

Một phần nhỏ tia vũ-trụ có tinh-lực lớn hơn một triệu tỷ électrons-volts, vì tinh-lực lớn như thế cho nên người ta nghĩ rằng những tia đó ở ngoài giải ngân-hà phóng đến.

oOo

Các tinh tú phát ra các tia đủ loại, khác nhau vì chiều dài luồng sóng. Chiều dài luồng sóng có từ vài cây số đến một vài phần ngàn angstrom (một angstrom là một đơn vị đo lường dài một phần mười triệu ly). Theo thứ tự dài ngắn của luồng sóng người ta có :

sóng vô tuyến điện, tia hồng nội, tia tử ngoại (cực tím), tia X, tia gamma, tia vũ-trụ. Chỉ một phần những tia ấy là mắt thấy được mà thôi.

Khoa học căn cứ vào từng loại tia để nghiên-cứu tinh tú, người ta có những khoa nghiên-cứu vô-tuyến-điện và tia hồng nội, tia X và tia gamma, tia cực tím.

Những khoa học này đang phát triển mạnh với phương tiện sử dụng vệ tinh và những dụng cụ mới sáng chế.

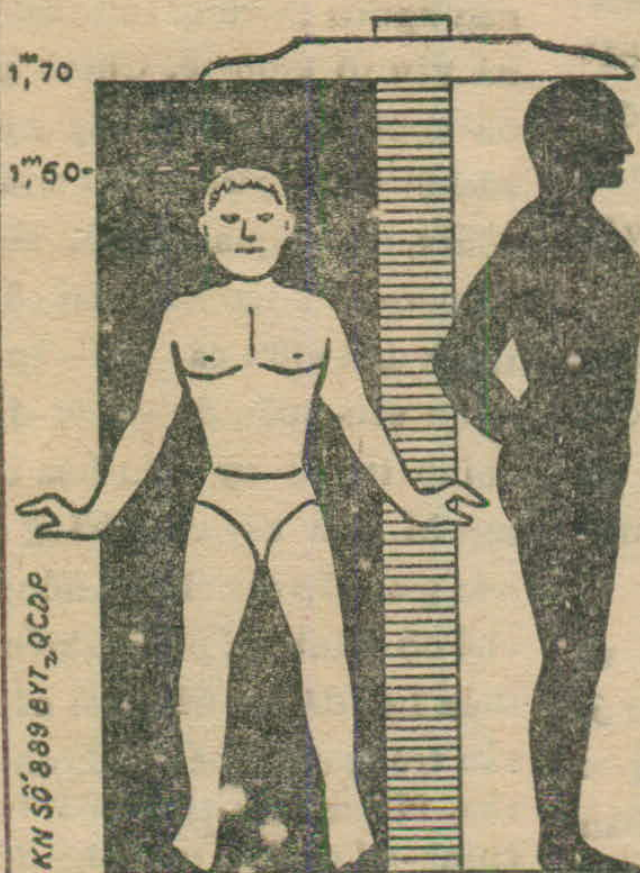
(Còn tiếp)

VŨ-ĐÌNH-LƯU

Kỳ tới : Vùng khí quyển trái đất.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHỎE .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỆNH YẾU PHÔI.
- HO _ MỆT MỎI .

- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
- CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THỂ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

100 năm chủ-nghĩa Mác-xít

Khi nói tới ngày chính thức ra đời của chủ-nghĩa Mác-xít người ta phải kể tới năm 1848 là năm Marx xuất bản cuốn « Tuyên ngôn Cộng-sản » với khẩu hiệu bất hủ : « Vô sản toàn thế-giới liên-hiệp lại ». Nhưng năm 1867 là năm đánh dấu một tác phẩm đầu tiên của lý-thuyết Mác-xít, một lý-thuyết hiện đang ngự trị thế-kỷ 20 trên một phần ba quả địa cầu. Đó là tác phẩm « Tư-bản luận », cuốn I, mà Marx đã xuất bản bằng tiếng Đức vào năm 1867. 5 năm sau một bản dịch sang tiếng Pháp ra đời.

Từ ngày đó đến nay, biết bao nước đã chảy dưới cầu. Biết bao người tự nhận là đệ-tử của Marx, biết bao phong trào đấu tranh chính trị tự nhận là bắt nguồn từ Marx ; nhưng rồi lại phản đối nhau, phủ nhận nhau và thanh toán nhau nhiều khi còn đẫm máu hơn là đối với kẻ thù tư-bản, đế-quốc.

Trong bài khảo-luận nhỏ này, chúng ta thử xét, cố nhiên là một cách rất đại cương, Marx đã chủ trương những gì và tại sao lại đưa đến nhiều khuynh-hướng khác nhau như vậy.

Xã-hội mà Marx đang sống khi đó, và đã mô tả nó, là xã-hội Tây-Âu, hay nói cho rõ hơn là xã-hội của các nước Anh, Pháp, Đức mà tác-giả cuốn « Tư-bản luận » đã từng sống và lăn lộn. Đó là xã-hội của một nền tư-bản cổ-diễn đang phát-triển cực độ, có hai giai cấp đã thành hình rõ rệt trong quá trình sản xuất tư

bản, và đang đấu tranh với nhau kịch liệt. Chủ nghiatur-bản đang trên đà phát-triển theo những quy-luật cổ-diễn như quy-luật về thị trường tự-do, về cạnh tranh, về tiêu-thụ, về tiến-tệ... chưa bộc lộ những khuyết điểm căn bản đưa nó đến những khủng hoảng liên tiếp vào tiền bán thế-kỷ thứ 20.

Dựa trên phương-pháp suy-luận của Hégel, Marx đã đảo ngược nó lại, dùng lời biện-chứng-pháp đó và chủ-nghĩa duy vật để cắt nghĩa lịch-sử và chứng-minh sự thắng lợi tất yếu của giai cấp vô-sản trong thế-giới ngày mai. Theo Marx, nếu người ta xét kỹ bất cứ sự kiện lịch-sử nào người ta cũng tìm thấy dưới đáy của nó yếu tố kinh-tế. Chính yếu tố kinh-tế đã là động cơ thúc đẩy sự tiến hóa của xã-hội loài người. Nói cho rõ hơn, theo Marx, chính quan-hệ sản xuất giữa người và người đã tạo nên giai cấp xã-hội và sự tranh đấu giữa các giai-cấp đó, trong quá trình sản-xuất, đã quyết-định các chế độ chính trị và sự tiến-hóa của xã-hội loài người. Cối xay chạy bằng sức gió đã tạo nên giai-cấp địa chủ và nông-nô trong một chế độ chính trị phong-kiến. Hơi nước và điện lực đã tạo nên giai cấp tư bản và vô sản trong một chế độ chính-trị dân-chủ tư sản. Nhưng sự tiến-hóa từ một chế-độ chính-trị nọ đến một chế-độ chính-trị kia, ở một trình độ cao hơn ; không phải lặng lẽ, bình thản mà phải thực hiện bằng cách mạng, đổ máu. Đó là ý nghĩa chính của vấn đề giai cấp đấu tranh do Marx chủ trương,

và cách mạng, theo Marx, là phương-tiện đấu tranh của giai cấp để thúc đẩy sự tiến hóa của xã-hội loài người.

Cuốn "Tư-bản luận" là cuốn sách kinh-tế-học đầu tiên phân tách chế-độ tư-bản dưới nhãn-quan duy-vật biện-chứng-pháp. Marx đã nêu ra được những mâu thuẫn chính yếu của chế-độ tư-bản và tiên đoán sự thay thế nó bằng chế-độ xã-hội : Nhưng tổ-chức chế-độ xã hội đó như thế nào, tiến triển ra sao, thì Marx còn rất mơ hồ. Marx chỉ nói đó là một chế-độ không còn nạn người bóc lột người, không còn giai cấp, trong đó người ta sản xuất theo khả-năng và hưởng thụ theo nhu cầu. Nhưng để tiến tới thiên-đường đó, con đường còn dài và chông gai và phải thực hiện bằng những cuộc cách-mạng đổ máu.

Để thực hiện chủ-trương của Marx, đệ - nhất quốc - tế được thành lập, cách đây cũng vừa đúng 100 năm. Ba-Lê công-xã ra đời vào năm 1871 sau khi nền đệ-nhị đế-quốc Pháp sụp đổ trong cuộc chiến-tranh Pháp-Phổ. Nhưng chỉ đứng được có 3 tháng rồi bị dẹp luôn nhường chỗ cho nền đệ-tam cộng-hòa Pháp. Thất bại của Ba-Lê công-xã là một bài học hay cho những người cộng-sản hồi đó. Nền thịnh-vượng của xã-hội tư-bản Tây-Âu vào những năm cuối thế-kỷ khiến họ không tìm được thời-cơ cho một cuộc cách-mạng bạo động. Trái lại, cuộc tranh đấu nghị-trường cho họ thấy một cơ-hội mới để đoạt chính-quyền một cách ôn hòa, không cần đổ máu. Họ chỉ cần vận-động quần-chúng qua các cuộc đầu phiếu, chiếm được đa số ở nghị-trường, rồi dùng ngay chính bộ máy chính quyền tư-sản làm công-cụ để thực-hiện chủ-nghĩa xã-hội. Những người theo chủ-trương này mà đại-diện là Bernstein và Kautsky đã thành lập nền

đệ-nhị quốc-tế với những đảng Dân-chủ Xã-hội ở Đức, Áo, Nga và đảng Xã-hội ở Pháp, đảng Lao Động ở Anh (tuy đảng này không tự nhận là một đảng Mác-xít.) Phe cộng sản đệ nhất quốc tế gọi phe đệ nhị quốc tế là xét lại vì bọn này đã thay đổi đường lối của Marx, từ bỏ con đường cách mạng bạo động của giai-cấp vô-sản, mà dùng đường lối đấu tranh nghị trường, ôn hòa và hợp pháp. Nhiều cuộc cách mạng bạo-động đã thất bại trong máu lửa như cuộc Cách-mạng Nga 1905. Cho tới cuộc Thế Chiến thứ 1 (1914-18), phe xã-hội đệ-nhị quốc tế có vẻ thắng thế trên khắp chính-trường Âu thế-lục. Tuy các đảng Xã hội vẫn chỉ ở cương vị thiểu số nên chưa bao giờ thực hiện được chủ trương cải-lương của họ, lợi dụng chính-quyền tư-sản để đưa giai cấp vô-sản lên cầm quyền. Thất bại đó của các đảng Xã hội cộng với chủ-trương của họ trong cuộc Thế-chiến, đã đưa đệ-nhị quốc-tế đến chỗ hoàn toàn phá sản. Thực vậy trong cuộc đại-chiến này, các đảng Xã-hội đệ-nhị quốc-tế chủ trương công nhân phải đi lính để bảo-vệ tổ-quốc. Dưới nhãn quan cộng sản như vậy là sai lầm, vì vô sản nước họ sẽ chống lại vô sản nước kia để bảo vệ các nhà nước tư bản. Đúng lý ra vô sản các nước phải liên-hiệp lại để quật ngã các nhà nước tư bản, thiết lập chính quyền vô-sản ở khắp nơi và chấm dứt cuộc chiến tranh tương tàn... Đó là chủ-trương của đảng Bolchevilk Nga đứng đầu là Lénine.

Lénine đã chủ trương như thế nào và đã thực hiện được những gì? Lénine đã chủ trương khôi phục lại đường lối của Marx, của đệ nhất quốc-tế mà phe xét lại đệ-nhị quốc tế đã bỏ qua và xuyên tạc. Lénine đã khôi phục lại địa vị của cách mạng bạo động, đưa giai cấp vô sản lên nắm chính quyền, đã phát triển thêm những tư tưởng

mà Marx chỉ mới đề-cập tới một cách sơ lược. Trong cuốn « Nhà nước và Cách-mạng » Lénine đã giải thích nhà nước như là công-cụ của một giai-cấp này để đàn áp một giai-cấp khác. Nhà nước dân-chủ tư-sản là công-cụ của giai cấp tư-bản để đàn áp giai-cấp vô-sản. Nhà nước vô-sản là công-cụ của giai-cấp vô-sản để đàn áp giai-cấp tư-bản. Về thực-chất, nhà nước là một nền chuyên-chính của một giai-cấp này đối với giai-cấp khác. Cuộc cách-mạng do Lénine chủ trương phải đưa tới nền vô-sản chuyên-chính. Nền chuyên-chính này, theo Lénine, sẽ dần dần biến xã-hội hiện thời thành một xã-hội không giai-cấp. Khi giai-cấp đã không còn nữa thì chính quyền cũng thành vô dụng và sẽ dần dần biến đi.

Để cho đường lối cách-mạng của mình tiến tới thắng lợi hoàn toàn, Lénine còn phát-triển xa hơn nữa những tư-tưởng của Marx. Theo Marx, cuộc cách-mạng vô-sản phải thực hiện ở những nước có nền kinh-tế tư-bản phát triển, có một giai-cấp vô-sản đông đảo và có tổ-chức. Như vậy, theo Marx, nơi thuận lợi nhất cho một cuộc cách-mạng vô-sản thành công phải là nước Đức hay nước Pháp. Lénine lại chủ-trương khác : Cuộc cách-mạng vô-sản không nhất thiết phải bùng nổ ở những nước tư-bản tiên tiến có một giai-cấp công nhân đông đảo. Ở các nơi đó, sự tổ-chức vững mạnh của nhà nước tư-bản nhiều khi lại là một cản trở lớn cho sự thành công của cách-mạng vô-sản. Cách-mạng vô-sản có thể thành công dễ dàng hơn ở những khâu suy yếu nhất của chủ-nghĩa tư-bản, cụ thể ở những nước mà giai-cấp tư-bản chưa có tổ-chức chặt chẽ. Nước mà Lénine chọn để thực hiện cuộc cách-mạng vô-sản lúc đó là nước Nga dưới triều-đại Nga-hoàng. Đệ-tam quốc-tế

được thành-lập để hướng dẫn chủ-trương cách-mạng mới, chống lại với chủ-trương của đệ-nhị quốc-tế đã tỏ ra sai lầm và bất lực. Phe đệ-tam quốc-tế còn phát triển thêm chủ nghĩa Mac-xít ở một điểm nữa liên-quan đến chiến thuật chiến-lược cách-mạng. Trong cuộc chiến đấu chống chủ-nghĩa tư-bản giai-cấp vô-sản không phải chỉ chiến đấu một mình. Một mặt, ở trong nước nó phải thực hiện được phương châm công-nông liên-minh. Ở ngoài nước, nó phải ủng hộ các phong trào nổi dậy của các thuộc địa, đánh phe đế-quốc ở 2,3 trận-tuyến ; Vì, theo Lénine, thời-kỳ này không phải là thời kỳ tư-bản thuần-túy nữa mà là thời kỳ đế-quốc chủ-nghĩa với những mâu thuẫn nội bộ mỗi ngày một trầm trọng có thể làm cho nó bị lung lay tới tận cội rễ. Ta nên biết, chủ-trương này của phe Bolchevik (đảng C.S. của Lénine) khác hẳn chủ-trương của phe Menchevik đang nắm quyền lãnh đạo trong đảng Dân-chủ Xã-hội Nga hồi đó. Phe Menchevik chủ-trương giai-cấp vô-sản cần phải liên-minh với tiểu-tư-sản thành-thị và coi nhẹ lực lượng của nông dân mà họ cho là chưa giác ngộ. Vì thế cho nên phe Bolchevik đã tách rời ra lập thành một đảng riêng, tiến tới tổ-chức đệ-tam quốc-tế.

Cách mạng tháng 10 Nga thành công đã chấm dứt một giai-đoạn đầu, trong đó đảng Cộng-sản luôn luôn ở trong bóng tối, bị truy nã hoặc bị đặt ra ngoài vòng pháp-luật. Hành động của họ luôn luôn hướng về việc lật đổ chính quyền hiện hữu để thực-hiện nền chuyên chính vô-sản mà chính họ cũng chưa biết phải tổ-chức ra sao. Với cuộc Cách-mạng tháng 10 thành công, họ đã có trong tay một công-cụ chính-quyền để thực-hiện chủ-trương cách mạng của họ trên một phần sáu quả địa-cầu.

Trong giai đoạn đầu tiên của chính-quyền Sô-viét, đảng cộng-sản Bolchevik của Lénine phải đối phó với liên-minh các đế-quốc bên ngoài (Anh, Pháp, Mỹ, Thổ...) và những tàn quân của chế-độ Nga hoàng ở bên trong. Cuộc chiến đấu do Lénine, Staline và Trotsky lãnh đạo rất gay go và đã tiến tới thành công. Nhưng Liên-xô hồi đó vẫn ở trong thế bị tư bản bao vây bốn phía. Do đó mà nảy ra 2 chủ trương.

Chủ trương thứ nhất của Lénine và sau này được Staline tiếp tục là chủ trương có thể kiến thiết chủ-nghĩa cộng sản trong một nước. Tất cả mọi lực lượng lúc đầu phải tập trung vào việc kiến-thiết thành trì xã-hội chủ-nghĩa. Thành trì này có vững mạnh thì mới có đất cho sự thí-nghiệm cộng-sản chủ-nghĩa và mới phá tan được sự bao vây của phe tư-bản.

Chủ trương thứ hai của Trotsky, quá khích hơn, cho rằng cần phải thực hiện một cuộc cách-mạng thường-trực (révolution permanente) trên toàn thế giới. Ở khắp nơi, đảng cộng sản đều phải có nhiệm vụ cướp chính quyền và thiết lập chính quyền vô sản. Nếu không thực hiện được cách-mạng vô-sản liên-tục ở nhiều nơi trên thế giới thì thành-trị cách-mạng vô sản sẽ ở trong thế bị bao vây mãi mãi và luôn luôn bị đe dọa.

Hai chủ trương đó chống đối nhau kịch liệt và Trotsky đã tách ra, bỏ trốn đi ngoại quốc, thành lập đệ-tứ quốc-tế tổ cáo Staline đã phản lại chủ trương của Marx và Lénine, bỏ rơi những phong-trào cộng-sản ở các nước khác.

Để chống lại sự tấn công của phe đệ-tứ, phe đệ tam đã lập hẳn một cơ quan quốc-tế (Komintern) có nhiệm vụ liên lạc hành động và đưa chỉ-thị của Moscou cho

các đảng cộng sản khác ở trên thế giới. Trong những cuốn sách do Trung-ương đảng cộng-sản Liên-xô phát hành, đứng tên Staline, giải quyết những vấn đề kiến-thiết xã-hội chủ-nghĩa, cốt để đánh tan những luận điệu của phe Trotsky, có cuốn nói về những vấn-đề dân-tộc để chứng minh là Nga-sô không bỏ rơi các dân-tộc nhược-tiểu mà chỉ chủ-trương thực hiện ở những nơi đó, ở từng giai tầng khác nhau, những cuộc cách mạng giải-phóng, hay tư-sản dân-tộc, hay vô sản tùy theo tình hình khách quan và trình độ phát triển của mỗi dân tộc chứ không nhất thiết chỉ thực hiện cách-mạng vô sản.

Do đó mà chủ trương của đệ-tam quốc-tế đã thắng thế không những ở Nga-sô mà còn cả ở các nước ngoài. Những chi nhánh của đệ-tứ quốc-tế thành lập ở khắp nơi, sau khi Trotsky bị ám sát ở Mỹ-Tây-Cơ vào năm 1930, dần dần tan rã và không gây được ảnh hưởng nào đáng kể.

Trong nội-bộ Nga-sô từ ngày Lénine từ trần (1924), Staline nghiêm nhiên bước lên địa vị độc tôn, đứng đầu tổ-chức Đảng và tổ chức nhà nước Liên-xô. Trong vòng 10 năm, từ 1928 đến 1938, đã xảy ra những cuộc thanh trừng đẫm máu nhất trong lịch-sử cách-mạng. Những cộng-sự viên thân tín của Lénine trước kia như Trotsky, Kamenev, Zinoviev... nhiều tướng lãnh của Hồng quân Liên-xô đã bị thanh trừng và thủ tiêu. Do sự thanh lọc hàng ngũ vi-đại đó mà Staline đã củng-cố được địa vị của mình ở trong nước và tăng gia uy-tin đối với các đảng cộng-sản ở nước ngoài. Sự tôn thờ cá nhân đã đạt tới một mức độ chưa từng có trong lịch sử. Có thể nói là Staline đã dựa vào chủ-thuyết Mác-Lê để củng-cố địa-vị của mình. Đảng là tổ-chức tiên phong của giai cấp vô-sản. Staline đứng đầu tổ-chức

Đảng, tức nhiên phải nắm trọn quyền hành mà Đảng trao cho để củng cố nền chuyên-chính vô-sản. Sau cuộc chiến thắng Đức-Quốc. xã trong cuộc Thế-chiến II, uy tín của Staline còn lên cao hơn nữa. Ông nghiêm nhiên trở thành vị Cha già của cách-mạng toàn thế-giới. Quyền hạn của ông gần như là vô biên. Thần tượng của ông được đưa lên cao chót vót, khiến không ai còn dám chống đối. Người ta chỉ dám hạ bệ ông, khi ông đã chết. Trong suốt thời gian ngự-trị (ngót 30 năm), Staline đã giữ độc quyền giải-thích chủ-nghĩa Marx. Người ta đã tìm cách chứng minh chủ-nghĩa Marx không những ở trong lãnh-vực khoa-học xã-hội (theo thuyết duy-vật sử-quan) mà cả trong lãnh-vực của khoa-học tự-nhiên nữa (như thuyết của Michourine Litchenko chống lại thuyết của Morgan). Các đảng Cộng-sản ở ngoại quốc và sau này các nước dân-chủ nhân-dân ở Đông-Âu được Hồng quân Liên-xô giải phóng, đều răm rắp tuân theo những chỉ thị của Staline qua tổ-chức Komintern và tổ-chức Kominform (thành lập từ hội đại chiến thứ II và cũng đã bị giải tán). Từ ngoài trông vào, người ta thấy khối Cộng-sản là một khối thuần nhất không rạn nứt (bloc monolithique).

Trường hợp Tito

Nhưng từ sau thế chiến II, trường hợp Nam-Tư đã xảy ra làm sút mẻ uy thế lãnh đạo của Nga-sô. Vị anh hùng dân-tộc Tito đã lãnh đạo cuộc kháng chiến Nam-Tư, đánh đuổi quân đội phát-xít Đức ra khỏi bờ cõi trước khi Hồng quân Liên-xô kịp đến giải phóng như đã từng giải phóng các nước Đông-Âu khác. Vì tự mình gây dựng nên sự nghiệp nên đảng Cộng-sản Nam-Tư, đứng đầu là Tito, không chịu nhắm

mắt tuân theo những chỉ thị của điện Cẩm-Linh. Tito muốn thi hành một đường lối Cộng-sản riêng biệt cho Nam-Tư. Ông nhận thấy trong cuộc kháng chiến cứu nước vừa qua chính nông-dân đã đóng vai trò chủ chốt, nên cần phải để cho nông-dân giữ vai trò lãnh-đạo công cuộc kiến-thiết xã-hội chủ-nghĩa. Đó là điều mà người Cộng-sản không chịu, vì tuy chấp thuận sự liên-minh của hai giới công nông nhưng họ vẫn dành vai trò lãnh đạo cho giai-cấp vô-sản. Từ rạn nứt chiến lược chiến thuật đó, đi đến những rạn nứt khác trong việc giao dịch giữa Nga-sô và Nam-tư. Nam-Tư chỉ trích kịch liệt việc tôn thờ cá-nhân Staline, chỉ trích mưu toan thống-trị của cộng sản Nga, quyết bảo vệ tính cách riêng biệt của Nam-tư, đổi tên đảng cộng-sản Nam-Tư thành «Liên đoàn những người cộng-sản Nam-Tư.» Về đối ngoại, Nam Tư chủ trương chung sống hòa bình, bắc nhịp cầu với cả nước Tây phương bất chấp sự phản đối của Nga-sô và chư hầu, thi hành một chính sách Trung-lập tích cực ở giữa hai khối cộng sản và tư-bản. Trường hợp Tito đã là một bài học cho nhiều nước cộng sản Đông-Âu muốn thoát ra khỏi kim kẹp của Liên-xô. Sau này khi người ta nghĩ tới biện pháp cộng-sản quốc-gia, là người ta nghĩ ngay tới Tito. Do đó, một nguyên tắc của cộng-sản là san bằng biên giới giữa các nước cộng sản đã bị phủ nhận trước tiên trong trường hợp Nam-Tư rồi lan rộng tới các nước Đông-Âu và ngày nay giữa Nga-sô và Trung-cộng. Thực tế đã chứng tỏ là biên giới giữa các nước cộng-sản vẫn còn tồn tại và giữa những nước cộng sản với nhau vẫn còn những sự cách biệt liên quan đến những vấn đề quốc-gia chủng-tộc. Lỗ-ma-ni vẫn hận Nga-sô chiếm mất vùng Bessarabie Moldavie,

của mình, cũng như Đông Đức vẫn hạn Ba-Lan chiếm mất vùng Oder Neisse và Ba-Lan hạn Nga Xô vì đã chiếm mất phần lãnh thổ Đông đây dịch họ sang phía Tây lấp vào đất của Đông Đức. Vì thế cho nên các nước Đông-Âu ngày nay như Lỗ, Ba-Lan, đã có một chính sách độc-lập với Nga Xô.

Vấn đề biên giới, vấn đề chủng tộc, còn tồn tại thì giấc mơ của những người cộng sản thành lập một Liên-bang Xô-viết bao trùm toàn-thế-thế-giới càng ngày càng trở nên không tưởng.

Cuộc Thế chiến II, đã chặn đứng mưu toan cộng-sản-hóa toàn thế giới của Staline, vì những kẻ thắng trận không phải chỉ có Liên-xô mà còn có các đồng-minh Tây-phương đứng đầu là Hoa-Kỳ. Tuy ảnh hưởng của Liên-xô có lan tràn mãnh liệt, nhưng dần dần nó cũng bị giới hạn rõ rệt trước sự củng cố lực lượng của phe tư-bản đã biết thi hành những cải cách kịp thời. Ngay từ khi còn sinh thời, Staline cũng đã nói tới chung sống hòa bình và thi đua giữa hai hệ-thống tư-bản và xã-hội. Nhưng phải chờ đến khi Staline chết, chủ trương này mới được mạnh dạn đưa ra.

Tóm lại, trong suốt thời-kỳ thống trị của Staline, nhà độc-tài đỏ đã xây dựng được một bộ máy chính quyền ghê gớm, một quân đội hùng mạnh làm cho Liên-xô thoát ra khỏi tình trạng bị bao vây. Với sự thành lập các nước Cộng-sản Đông-Âu, với sự thắng lợi vĩ-đại của Trung-Cộng ở Trung-Hoa lục-địa, với sự thành công ở một vài nơi (Việt Nam, Iadonésia, Algérie) của những phong trào giải phóng dân-tộc chống đế-quốc chủ-nghĩa do các lực lượng Cộng-sản hay thân Cộng lãnh đạo, người ta thấy những tiên đoán của Lénine đã

thực hiện một phần nào. Lénine đã chẳng từng nói : Con đường ngắn nhất từ Mạc-

Tư-Khoa đến Ba-Lê phải qua Bắc-Kinh Lénine cũng đã nói : muốn hủy diệt nhà nước, trước hết phải kiện toàn các quốc gia. Nhờ có sự thúc đẩy ngấm ngấm hay công khai của phong trào Cộng-sản quốc-tế mà nhiều quốc-gia tiến tới độc-lập. Lực lượng của phe tư-bản cũng bị sút mẻ một phần lớn nếu không có Hoa-Kỳ đứng đầu chống chọi với những tấn công của phe Cộng-sản nhằm cô-lập-hóa các quốc-gia tư-bản.

Nhưng từ việc thúc đẩy thành-lập thật nhiều các quốc-gia dân-tộc chủ-nghĩa đến việc hủy diệt nhà nước, sau bằng biên giới giữa các quốc-gia, con đường còn dài và lắm chông gai.

Ngay giữa các nước Cộng-sản với nhau, vì sự phát triển quá mau lẹ, nên nhiều vấn đề đã xảy ra và sự lãnh đạo độc tôn của Liên-xô đã phải chấm dứt. Chúng có là Tổ-chức Thông-tin quốc-tế (Kominform) được lập ra từ Thế-chiến II để thay thế cho tổ chức Kominintern, đã phải giải tán và các đảng cộng sản, tùy theo từng địa-phương được tự mình quyết định những con đường phải theo căn cứ trên chủ nghĩa Mac-Lê. Trường hợp Tito tuy bị phủ nhận nhưng cũng đã ảnh hưởng đến sự phát triển của thế giới cộng sản. Ngày nay, do sự khác biệt giữa các quốc gia cộng sản, mà đường lối của các đảng cộng sản ở từng địa phương có khác biệt nhau đôi chút. Nhưng những nguyên-tắc chính của chủ-nghĩa Marx Lénine vẫn được duy trì (chuyên chính vô sản, công nông liên minh, Đảng lãnh đạo.). Sự lãnh đạo cứng rắn của Staline trước kia dựa trên uy tín cá nhân của nhà độc tài đỏ, không còn thích hợp với một thế-giới

cộng sản gồm nhiều quốc gia ở nhiều trình độ khác nhau. Nhưng một sự lãnh đạo mềm dẻo, căn cứ theo hoàn cảnh và nhu cầu địa phương, sẽ làm mất tính cách thuần nhất của phong trào cộng sản quốc tế, có thể đưa tới phủ nhận những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mac-Lê.

Đó là vấn đề được đặt ra sau khi Staline chế cho những người kẻ vị của ông. Đó cũng là vấn đề mà ngày nay Trung

Cộng đang ráo riết đặt ra với Nga-sô trong cuộc tranh chấp ý-thức-hệ đang làm rung chuyển thế-giới cộng-sản trong những năm gần đây và trong những năm sắp tới.

(Còn tiếp một kỳ)
VIỆT-PHƯƠNG

Kỳ tới : — Những vấn đề của chủ nghĩa Mac-xít trong thời-đại nguyên-tử và vệ-tinh nhân tạo.

THƯ-LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn,
nhãn cổ áo (étiquette)

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 93.741 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

TRUYỆN DÀI

VÕ HỒNG

GIÓ CUỐN

10 | Cầm Bình được thuyền chèo vào làm ở căn cứ Cam-Ranh. Ngày ra đi, nó khóc lóc thảm thiết. Bỏ một thành phố quen thuộc mà mỗi góc đường mỗi cửa hiệu đều nhắc đến một kỷ niệm để đi đến một nơi xa lạ nhất là với một thân con gái thì nỗi e ngại buồn rầu của nó rất đôi hợp-lý. Nó vừa lau nước mắt vừa nói :

— Đề mấy chị xem thử con nào sẽ đến thay em. Chắc chắn là nó bồ bịch của một thằng Tá, thằng Ủy nào đó. Em mà được biết nó thì em dám thuê bọn du côn tát ác-xít vào mặt nó lắm.

Liên xắn tay áo :

— Tao sẽ điều tra cho mày. Khi có đủ chứng cứ rồi thì tao sẽ yêu cầu thằng Jack Bường ra tay. Sức mấy mà nó dám ăn hiếp bọn rầy.

Tôi xoa lưng Cầm Bình :

— Đi là một cái thú. «Cậu» chưa chán cái thành phố này sao ? Đi đến một miền khác, có những người bạn mới, thay đổi nếp sống cũ kỹ... Đang lẽ «cậu» nên thích mới phải.

Nhưng ngày đầu vắng Cầm Bình cũng buồn thật. Cái bàn của nó bỏ trống đó, trên đặt cái máy đánh chữ, nhưng cái ghế trống của nó thì không mấy khi được đề yên. Liên và Phương dồn những xác, giỏ, găng-tay lên đó. Trông luộm thuộm bừa bãi phát khiếp. Những ngày đầu chúng tôi tha hồ đọc thư của Cầm Bình. Nó than thở trong mỗi hàng chữ và tất cả thù hận của nó dồn về

người đàn bà nào sẽ đến ngồi ở nơi cái ghế của nó. Nhưng rồi viết mãi những chuyện cũ cũng hóa nhàm đi nên nó bật luôn. Thư tin không giải quyết được gì hết. Cứ tha hồ thở than và tha hồ an ủi, chẳng tốn kém gì và cũng chẳng có gì để mà tốn. Chính phủ Hoa-kỳ ông Thống-Tướng Westmoreland không vì những bức thư của chúng tôi mà trả nó về lại nhiệm sở cũ. Chúng tôi còn bận lo việc khác. Than củi lại lên giá. Nhà đèn thả cứ cách hai đêm lại cúp điện một đêm. Có tin đồn du đảng ở Thủ-đô mới tràn ra, chặn đường giạt đồng hồ và vòng vang, hoa-tai. Có mấy trường hợp nghi dịch hạch đang nằm điều trị tại Dân y-viện. Chuồn bị chích ngừa dịch-tả và đậu mùa

Bỏ đi một thời gian, chợt nghe tin con Cầm Bình lấy chồng. Chồng nó là Thiển-tá Livingstone. Tin đúng hay tin «vịt», chúng tôi cũng không lưu ý tìm cách xác nhận bởi lẽ tin có thể «vịt» hôm nay nhưng sẽ đúng ngày mai. Lấy Thiển-tá Mỹ không phải là một chuyện không-thể-tin-được. Và lại, nếu Cầm-Bình chưa

muốn chúng tôi biết tin, — coi như việc nó lấy chồng Mỹ là có thật, — thì tưởng chúng tôi không nên hỏi làm gì. Không nên tò mò nhúng mũi vào đời sống riêng tư của người khác. Chỉ có Liên là vẫn háo hức:

— Phải viết thư chất vấn nó chứ. Mẹ kiếp mới chề ông chề eo, bây giờ lại đâm sầm vào làm dâu nhà chú Sam. Nó bảo tạc ác-xít ai? Ai là bồ của Ủy của Tá. Móa phải viết thư ngay..

Chúng tôi can và nó gài tờ pelure vào máy, gõ lóc cóc mấy chữ rồi tháo ra vò nhàu ném vào sọt giấy.

Chừng nửa tháng sau đó chúng tôi nhận được thư của Cẩm Bình. Tem và con dấu Bưu-điện Hoa-kỳ. Xé vội phong bì, ba đứa chúng tôi châu đầu vào nhau đọc không kịp thở.

San Antonio ngày 11 tháng 6 năm....

Chị Nhàn, Liên và Phương.

Em hiện ở Hoa kỳ. Hồi gần đây em không viết thư cho mấy chị, xin mấy chị đừng trách nhé. Bao nhiêu vấn đề tình cảm làm em bối rối quay cuồng bắt em phải quyết định và em phải chọn một quyết định. Em đã lấy chồng rồi và chồng em là Thiệu-tá Lemus Livingsstone (chúng em gọi tắt là Lee) Lee là giám đốc cơ quan em làm việc ở Cam ranh đó. Lee gặp em, yêu em bất ngờ, nhanh chóng, cuồng nhiệt như một cơn lốc, như một cơn bão. Bốn mươi lăm tuổi, độc thân, quê ở Texas. Chỉ còn mẹ già. Có nông trại ở nhà quê. Có nhà ở ngoại ô San Antonio. Lee hỏi cưới em Có nên nhận lời không? Lee lớn hơn em hai mươi tuổi. Lee có thật yêu em không hay Lee chỉ cần một người đàn bà trong những ngày tha-hương? Có thể có hạnh phúc không, một người đàn bà Việt sống giữa một xã hội chỉ toàn

người Mỹ? Rồi khi sinh con, những đứa con lai hai dòng máu đó, chúng sẽ được đối xử như thế nào bởi những người Mỹ thuần chất? Em đắn đo lưỡng lự. Lee bảo nếu em không đồng ý lấy Lee thì Lee sẽ xung phong ra tiền tuyến Lee đánh máy sáu bức thư tình nguyện để gửi bộ Tư lệnh và có đưa em đọc. Em biết đó không phải là một lời nói dọa. Lee đã đánh giặc Triều tiên, đã lọt sâu vào trận địa địch, đã bị bắt làm tù binh và đã vượt ngục trốn chui nhủi theo đường rừng đến mười ngày mới tìm về đến đơn vị. Ba má em không bằng lòng. Anh chị, cô chú không ai bằng lòng. Nhưng cuối cùng em bằng lòng, Thôi kệ, ấy chồng Mỹ cũng được. Kiếp trước biết đâu mình chẳng là dân Ái-nhĩ-lan và kiếp sau mình có thể đầu thai làm dân Mông cổ. Biên giới quốc gia không ngăn cách nổi vòng sanh tử luân hồi mà. Chúng em cưới nhau tại Cam ranh. Mười lăm ngày sau đúng hạn Lee được hồi-hương và chúng em về ở ngôi nhà của Lee ở ngoại ô San Antonio. Mẹ già của Lee thì ở ngoài nông trại Bà cụ hiện là b, đã bảy mươi tám tuổi rồi mà vẫn còn khoẻ mạnh lắm. Khu nhà của chúng em có nền cỏ, có vườn rộng. Nhà một tầng nhưng có đến năm phòng ngủ, một phòng khách. Nhà bếp có đầy đủ tiện nghi: lò điện, tủ lạnh, máy giặt, máy hút bụi... Tất cả mọi công việc lao động đều có máy móc làm giúp. Qua bên này chừng một tháng thì bắt đầu nhớ nước mắt chanh ớt có pha chút cà cuống. Cứ nghĩ đến những lúc chấm cuốn chả ram vào bát nước mắt vừa chua vừa ngọt vừa cay, ngón từng búng rau húng rau răm, sà-lách dưa leo là thấy nước miếng tuôn ra như suối. Em chưa bị home-sick, mới có nước mắt — sick mà thôi.

Mấy chị đi làm vẫn vui, vẫn dễ chịu đấy chứ ?

Mansfield vẫn còn làm ở chỗ cũ chứ ? Gửi lời em thăm Mansfield nhé ? Hôm máy bay bay qua vùng California em nhìn biển xanh và bầu trời trong và em nhớ đến màu tóc hạt dẻ của Mansfield. Nhìn những ngôi nhà xinh-nằm giữa màu xanh của đồng cỏ, của ruộng lúa mì, của vườn cam, em cứ liên tiếp đoán rằng : Ngôi nhà đó là của Mansfield... rồi : Không, ngôi nhà này mới là của Mansfield.. Ừ chưa, có lẽ ngôi nhà này mới là của hắn. Những sự dự đoán ngớ ngẩn đó làm mình như thân mật quen thuộc với miền đất vốn xa lạ với mình này. Mansfield nó dễ thương đấy chứ. Nó đã mê ai rồi ? Liên hay P.ượng ? Nó đẹp trai hơn thằng Lee của em nhưng nó nghiêm trang quá. Làm đàn ông mà nghiêm trang lắm thì chỉ tởm thiệt. Chẳng lẽ đàn bà phải chạy tới vạch miệng nó ra để bày cho nó nói, vạch mắt nó ra để bày cho nó liếc.

À, có con nào đến thay chỗ làm của em chưa ? Nó có đẹp không ? Có trẻ không ? Có lẳng không ? Thôi, đừng tạt ác-xít nó tội nghiệp. Nó cũng như mình cũng thêm tiền như mình ; cũng thêm được sung sướng như mình. Mình có thần thánh đâu mà bắt buộc nó phải thần thánh ? Đến đây em xin chấm dứt bức thư. Em gửi mấy chị xem mấy tấm ảnh chụp căn nhà của chúng em. Chúc mấy chị khoẻ mạnh và gặp được nhiều may mắn. Địa chỉ của em :

Mrs Livingstone

123 Alamo ST

San Antonio U.S.A.

Liên vừa thò tay vào phong bì moi những tấm hình vừa cười :

— Tiên-sư con Cầm-Bình. Nó lấy Mỹ rồi nó tưởng ai cũng mê Mỹ hết.

Nó dám nói mình mê thằng Mansfield.

— Nó có nói mày mê đâu ? Nó nói thằng Mansfield mê mày mà.

— Ừ. Nói thế thì được.

Những tấm ảnh 9x12 được lôi ra chuyền tay cho nhau. Ảnh Cầm-Bình đứng cạnh tủ áo mở toang, áo treo cả đây. Ảnh Cầm-Bình đứng trong nhà bếp, sau lò nấu bằng điện và cạnh tủ chén bát. Ảnh Cầm-Bình ngồi ở xa-lông tay cầm một tạp-chí để mở. Lọ hoa đặt ở mặt bàn ăn, ở đầu tủ buffet. Ảnh Cầm-Bình nằm trên giường ở phòng ngủ. Ảnh Cầm-Bình đứng bên cạnh chiếc xe du-lich.

Liên vừa cười vừa chười luôn miệng :

— Tiên sư nó, bây giờ hách một cây. Tha hồ phóng ô-tô nhé. Ai chà chà. Cái phòng ngủ ! Chúa quá ! Sướng cái thân em rồi đó. Nay, mình mà có được cái nhà bếp của nó nhỉ ? Đẹp hơn phòng khách của mình đó. Con này thế mà nó có số mệnh phụ.

Chúng tôi đều thành thật mừng cho hoàn cảnh của Cầm-Bình. Cầu mong cho nó sung sướng. Cuộc đời vốn không dài và nó sướng được ngày nào thì hẳn cứ mừng cho nó ngày ấy. Đau khổ buồn lo là món nợ thường trực của con người, dẫu không muốn cũng không tránh được. Chúng tôi ủy cho Liên viết thư trả lời rồi cùng ký tên ở dưới. Với dãy chữ ký, bức thư trông như một đơn thỉnh nguyện, một bản kiến-nghị. Lời lẽ trong thư thì dẫu con Cầm-Bình có nhưc rằng cũng không thể nhịn cười được. Liên nó có tài khôi hài thực. Bao nhiêu những tiếng lóng, những tiếng xưng hô du-côn nhất, mất dạy nhất nó đều khéo dùng trong bức thư hai trang của nó.

... Mấy bà nội nhớ mày nhớ mày bỏ ăn bỏ ngủ, ốm o gầy mòn chỉ còn có sáu mươi ký thôi. Lượm tem chét gửi về cho tao nghe không ? Tao đem bán sỉ cho mấy tiệm sách, cứ mỗi túi năm chục tỷ

đủ tiền mua một cái phở tươi. Nhớ dặn thằng chồng mày mỗi năm dẫn vợ về thăm quê ngoại một lần. Tập cho bà mẹ chồng của mày ăn nước mắm đi. Phải bắt «bã» ghiền một món gì thuần túy Việt-Nam như người nuôi chim tập cho chim ghiền xái thuốc phiện. Mày sẽ dễ lái bà cụ hơn. Bữa nào tao gửi cho mày một hũ nước mắm nhĩ, gửi theo quân-buru-vụ. Ủa, mà sao mày ngu vậy? Mày cứ mua cá thu, cá nục trộn với muối rồi cho vào lọ đậy kín lại. Đó là mắm, là nước mắm, chứ mày muốn đó là cái gì?

.....

Đại khái thư viết nhảm nhí như vậy nhưng chắc là Cẩm-Bình nó sẽ đọc thích thú hơn là một bức thư viết theo công thức khô khan. Nay em kính gửi mấy lời hầu thăm... được sức khỏe... vạn sự như ý... vẫn tắt máy hàng... vân vân.

Những ngày sau đó, khi nào rỗi rãi, chúng tôi hay đem sự thành công của con Cẩm-Bình ra bàn tán. Chúng tôi hay đoán giờ này nó đang làm gì, nó đang hưởng thứ hạnh phúc nào và tôi phải đem những kiến-thức về địa-lý ra đề giảng rằng theo hệ thống «múi giờ» thì khi chúng tôi lọc cọc đánh lầy như thế này ở Texas con Cẩm-Bình đã đi ngủ. Trường hợp của Cẩm-Bình xảy ra cho nhiều người mà tôi quen biết. Chị Diệp làm việc ở Hôtel Embassy đã lấy Thượng-sĩ Freeman. Trường hợp xảy ra bi đát hơn bởi vì chị đã có năm con. Chồng của chị, anh Quảng là một kỹ-sư, nhà giàu, có đồn điền ở Lộc ninh, có ô-tô riêng, có xe của sở đưa đón đi làm. Cái gì khiến chị bỏ chồng để lấy Freeman thì tuyệt đối không ai hiểu. Chị thâm trầm, kính đáo, dịu dàng, ít giao thiệp chị em bè bạn. Lúc tôi còn đi học thì chị học trên tôi ba lớp. Chị đẹp thủy mị, đôi mắt hay nhìn xa xăm và

tôi nghĩ rằng một người đàn bà như thế thật là hoàn toàn để làm một người vợ hiền, một người mẹ chu đáo. Anh Quảng và chị lấy nhau vì tình yêu. Hai gia đình đều giàu có lớn, đều quen biết nhau từ nhiều năm. Anh Quảng vì công vụ nên có giao thiệp quen lớn nhiều sở Mỹ và anh giúp đỡ các bạn bè hàng xóm bằng cách giới thiệu cho họ đi làm. Thật là dễ kiếm tiền. Vừa làm vừa chơi, đánh máy thì như mồi cò, chữ Äng-lê thì vô lại không đầy một năm thế mà mỗi tháng mười lăm ngàn, mười tám ngàn. Thấy tiền dễ kiếm sinh ra ham, bỏ qua thì ồng, chị Diệp xin chồng cho đi làm... Mười lăm ngàn... mười tám ngàn... cho đến một buổi tối sau khi lấy cơm trong người mệt không muốn ăn cơm, chị bình tĩnh đợi chồng ăn uống xong rồi yêu cầu chồng viết cho tờ ly dị.

— Đề cho em lấy Freeman. Em không thể sống với anh được nữa. Chúng ta nên ly dị.

Có thể tưởng tượng được không, bao nhiêu bất ngờ, bao nhiêu kinh hoàng do câu tuyên bố đó gây nên trong tâm hồn của Quảng.

— Ly dị?

Quảng không tin ở đôi tai của mình. Nhưng mà thực tế là như vậy. Chị Diệp không trả lời những câu hỏi, không giải thích, không lý luận, không bào chữa. Chị cũng không tỏ ra xúc động, Tha hồ cho anh giận dữ, van nài, trình bày, hăm dọa. Chị yên lặng như một tảng đá, lạnh lùng và rắn chắc như một tảng đá. Chị xin giả-từ anh ngay tối hôm đó, các thủ tục ly-dị sẽ làm sau, không cần vội vàng. Va-li quần áo đã xếp xong từ hồi nào anh không ngờ, chị không mang theo gì hết ngoài áo quần. Đồng hồ đeo tay và vòng vàng

kim cương để lại cho con gái, — sẽ lớn. Sự sắp đặt chu đáo, không một mảy may chi tiết nào bỏ quên khiến anh cảm thấy mình bị đặt trước một bài toán đã giải rồi, mình bị gạt ra ngoài lề một cách trọn vẹn và anh im lặng nhìn chị gọi xe ra đi mà không muốn phản ứng gì hết. Freeman không đẹp trai, không làm chức vụ lớn. Điệp và Quảng thì không đến nỗi thiếu tiền. Vậy thì cái gì đã khiến người đàn bà hiền lành, thùy mị là chị Điệp bỏ chồng con để lấy Freeman? Người ta ước-đoán đủ lối, và bởi vì có nhiều ước-đoán nên ước-đoán nào cũng vừa có lý vừa vô lý.

Tôi cố ý đợi xem Thuyên tỏ thái độ như thế nào khi nghe vụ này. Thuyên có lo lắng rồi sẽ tới ngày nào đến lượt tôi cũng xếp va-ly giã-từ Thuyên như chị Điệp giã-từ anh Quảng. Nhưng đợi mãi mà không thấy anh tỏ ý kiến. Anh vẫn lăm lăm nhìn lên đôi bàn tay tôi, nhìn lên póc-ba-ga xe tôi xem mỗi lần đi làm về tôi có mang về theo món tặng phẩm nào không. Gia đình mất lần tính chất an-ủi vỗ về của nó. Lần lần tôi cảm thấy tôi ít thiết tha về nhà sau những giờ làm việc ở sở. Thuyên không mong mỗi sự trở về của tôi, Thuyên chỉ mong mỗi những món quà do tôi đem về. Thuyên không thấy có tôi nữa, tôi không còn hiện diện ở trước mặt Thuyên nữa. Chỉ có những món quà : ra-đi-ô, pick-up, Whiskey, bột giặt, lon coca... Tệ chưa ! Tôi không có giá trị hơn một gói bột giặt 35 cents. Tôi không còn niềm háo hức nhìn lên đồng hồ mong đợi một giờ nữa, nửa giờ nữa sở tan, leo lên xe đạp vun vút về nhà, bế con lên hôn, vất bỏ cái áo dài chạy xuống bếp, sửa lại cái khăn bàn, cắm lại cành hoa ở trong lọ, nhliu vào gốc lái mới giám vừa

trở thêm một lá. Nơi này, căn nhà thấp và hẹp này, cái sân sỏi đá vươn vãi lá cây này, cái giường gỗ rở tiền nhưng đem lại giấc ngủ êm ái và những giờ nghỉ ngơi... nơi này đã lâu lần trước bỏ tính chất triều mến thiêng liêng đối với tâm hồn tôi. Tôi mỗi một ở sở làm, mỗi một trên đường về nhà. Nhiều hôm tôi muốn cứ ngồi trên xe đạp mãi, đạp mãi, cho xe chạy mãi theo con đường trải dài trước mặt, muốn đến đâu cũng được miễn đừng phải quẹo vào con đường quen thuộc, rẽ vào cái ngõ quen thuộc. Nhưng tôi không có đủ can đảm. Tôi lại giơ tay trái ra hiệu cho xe rẽ, nhiều khi gấp quá làm cho hàng dây xe đi sau tôi hăm phanh rít lên. Tôi chuẩn bị nghe những tiếng chửi thề nhưng khi tôi quay lại nhìn họ, tôi điều thấy họ mỉm cười. Nếu Thuyên không là chồng tôi và nếu Thuyên cũng đứng ở trong hàng ngũ những người đàn ông đó thì Thuyên cũng sẽ mỉm cười tươi tắn như thế.

Một buổi trưa quen lệ, Thuyên đứng ở trong nhà nhìn tôi xuống yên dặt xe qua sân. Chợt Thuyên chạy vội ra lối húi mở dây chằng tháo cái gói lớn bọc nhật trình đặt trên póc ba-ga. Thuyên lễ mễ ôm bọc vào nhà, mặt rạng rỡ. Tối điếng người, tim như chợt ngừng đập. Một luồng lạnh chạy tràn khắp ngực khắp đầu. Tôi choáng váng. Tôi muốn cất lên tiếng nói nhưng tiếng nói bị tắc nghẽn. Thôi, mặc kệ, tôi lì rồi.

Thuyên lật đặt tháo giấy bọc lôi ra một cái áo len cũ.

— Cái gì thế này ? — Giọng anh quát lên. Cái áo len cũ của ai thế này?

Tôi chậm rãi trả lời :

— Cái áo của chị Phương, chị tháo ra đan lại cho đứa em của chị. Chị đưa nhờ em bớt cở dùm.

Thuyên vắt cái áo ra sân :

— Đồ bày bạ cũng đem về nhà. Đồ nhà. Chặt nhà.

Phải lắm, tôi đoán biết Thuyên sẽ nói như thế, nhưng không đoán được rằng Thuyên có đủ can đảm để vắt cái áo ra sân. Khi thấy Thuyên hí hửng chạy ra tháo dây chằng, tôi biết là Thuyên đã lăm tưởng trong gói có một món quà biếu quý giá. Bây giờ thì tôi mong Thuyên đi vào giường nằm đi. Cứ chỉ thô lỗ đó, lời nói trắng trợn đó đã quá đủ rồi. Thôi, không cần phải nói thêm nữa. Hãy cho tôi tạo những ảo tưởng rằng cuộc đời còn có thể sống được, rằng con người còn có ưu điểm bên cạnh những nhược điểm chông chắt. Tôi không thực tế chút nào, hoặc là tôi quá thực tế. Tôi không trách ai hết, tôi bao giờ cũng cho rằng người khác có lý. Tôi thương hại hơn là trách người khác. Nhưng Thuyên không chịu im. Anh phải phơi bày tâm can của anh ra, phải lật cho tôi xem bề trái bầu thiu nhất của tâm địa con người sợ rằng tôi không hiểu nổi, không ngờ được, sợ rằng tôi có thể đánh giá anh cao quá tầm mức thực sự của anh. Anh muốn tự lột trần ra, lộ liễu. Anh hăm hăm từng tiếng một :

— Đồng hồ Seiko, quạt máy National, Camera kodak... sao không mang về? sao mang về giẻ rách? Nhà này thiếu giẻ rách? Nhà này thiếu giẻ rách? Đó, ngoài đầu đường đó, chắt ụ lên cao thành đồng, đó thiếu gì giẻ rách. Cần gì phải tới sở mới kiếm được giẻ rách đem về?

Tôi ghê sợ sự trắng trợn của Thuyên. Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy sự nói dối không đáng bị phỉ nhổ như trước đây tôi thường nghĩ. Người nói dối là người còn có lương-tâm còn biết đâu là lẽ phải, còn biết xấu hổ về điều xấu của mình. Đằng này Thuyên ngang nhiên

trắng tráo nói rõ những ý bất lương của anh không hề có chút hổ thẹn. Tôi không còn đủ can-đảm chịu đựng. Tôi quay xe, cúi nhặt cái áo lên vò lại nhét dưới dây chằng rồi dắt xe ra cổng. Tiếng cháu Phúc khóc thét lên gọi tôi ở sau bếp.

Má. Má ơi. Bế Phúc.

Tiếng của Thuyên đuổi theo tôi :

— Đi luôn đi. Đi Luôn. Đừng về nhà nữa.

Tôi nhớ hôm nay là hăm bốn tháng Chạp. Còn mười hai giờ nữa thì chúa Hai-đồng ra đời. Trước nhà thờ lớn, những trụ cờ cao, những dãy lồng đèn ngói sọc, những tấm biểu ngữ mang đầy khẩu hiệu Hòa-bình và Nhân ái. Hang đá với tượng Đức-Mẹ-Đồng-Trinh tay bế Chúa Hai-đồng. Lồng đèn và cờ trước những ngôi nhà. Lồng đèn và cờ trước những Ty, Sở. Tôi ghé lại một hiệu phở. Giọng ca cải-lương inh-ỏi ở chiếc loa. Trắng bé bung phở vừa đi vừa hát nhại theo tiếng người ca-si. Tôi có cảm tưởng những người ngồi ăn đó đang âm thầm thích thú, muốn vỗ tay ùa ào khi người ca-si đang thả thỏ chọt hạ giọng xuống để bắt vào sáu câu. Vỗ tay theo thói quen. Thật chướng mắt, — tôi nghĩ, — một người đàn bà đang hong ghé vào tiệm ăn phở giờ này. Đi đâu, làm gì mà giờ này ngồi ăn phở? Gia đình đâu, chồng con đâu mà giờ này còn lang thang ngoài phố? Tôi đang sống một mảnh đời bất lương! Gió lạnh. Trời âm u. Lần đầu tiên tôi nhicu cuộc sống với đôi mắt của một kẻ bất lương. Ăn trái giờ. Ngồi sai chỗ. Buổi trưa vắng người trên đường, những kẻ lương thiện đều nằm trong giường, chập chờn ngủ để lát nữa tỉnh táo ra ngồi ở bàn giấy. Đây đó, u già đều nói khẽ, đều không dám cười to, đều tránh va chạm

chậu thau để khỏi gây tiếng động. Giờ giấc an nghỉ của những người lương thiện! Một giờ trưa. Những người còn sót lại trên đường đều lê những bước uể oải. Không ai có dáng sang trọng. Một giờ trưa. Giờ sinh hoạt của những người khốn đốn.

Phượng nhận thấy vẻ bơ phờ của tôi. Tôi nói dối :

— Trưa nay không nằm nghỉ được. Bên láng giềng người ta chửi bới nhau, dựng đầu mình dậy.

Vừa lúc đó Mansfield bấm chuông mở cửa. Tôi vuốt lại mái tóc đi những bước thật chậm để đánh lừa sự mệt mỏi. Tôi ngồi ở chiếc ghế đặt trước bàn giấy của Mansfield.

— Tôi mong rằng món quà Giáng-sinh bà đã vui lòng nhận.

— Cám ơn ông. Con búp-bê ông cho đẹp lắm.

Chiều hôm qua Mansfield tặng cho chúng tôi mỗi người một hộp quà Giáng sinh. Mở ra xem thì hộp nào cũng đựng một con búp-bê kiểu giống như nhau. Tôi đem con búp-bê đó cho con chị Ân. Ở nhà cháu Phúc có một con búp-bê tương-tự tôi mua năm ngoái.

— Giáng-sinh năm nay bà đã nhận lời dự party ở một nơi nào đó?

— Thưa ông không... Thưa ông chưa.

— Tôi mong bà cho tôi cái hôn hạnh được mời bà.

Thưa ông....

Đáng lẽ tôi không được lưỡng-lự. Tôi

phải nói ngay rằng tôi không được phép làm điều đó.

— Chúng tôi sẽ vui Giáng-sinh trong vòng không khí thân mật, giữa vài người bạn. Những người đó chắc bà đều có biết. Ông bà Kervinski, Trung-tá Hải-quân. Ông Sullivan Hội-trưởng hội Việt-Mỹ và cô Suzy giáo sư hội Việt-Mỹ. Hai người đó đã hứa hôn với nhau. Người thứ năm là bà. Chúng ta sẽ ăn tối, xem ông Sullivan và cô Suzy nhảy Watusi. Chúng ta đánh bridge. Chúng ta chờ một giờ rưỡi giải tán để mỗi người đi xem lễ phần mình.

« Đi luôn đi! Đi luôn đi! Đừng về nữa!» Tôi đang sống một mảnh đời bất lương... Gia đình đâu mà giờ này còn lang thang ngoài phố? ... Một giờ trưa... Giờ sinh hoạt của những người khốn đốn...

— Tôi mong bà nhận lời. Những người bạn của tôi đều là bạn chí thân. Cùng ở một trường Đại-học Princeton ra. Cô Suzy thì bà đã quen.

— Vâng ạ, tôi vẫn gặp và vẫn nói chuyện với cô.

Mùa Giáng-sinh này gió lạnh và trời âm u. Những bộ áo ni và những tấm áo choàng tha hồ mừng. Những ly rượu sẽ làm ấm tâm hồn. Những điệu nhạc sẽ mờ trốn những vết thương. Cuộc đời vô nghĩa. « Đi luôn đi! Đi... »

— Tôi mong rằng bà...

Tôi gật đầu :

— Vâng.

(Còn tiếp)

VÕ-HỒNG

Giọt nước

Sau ngày Dần-anh chết ít lâu, Dần lại trở ra ở với bà ngoại ít ngày. Trước khi nhập ngũ Dần tự dưng muốn đi xa một chuyến. Dần nghĩ tới căn nhà b^à, ngoại và những năm hai anh em Dần học ở đó. Trong số bảy anh em, ngoài Dần, Dần-anh cũng có nhiều liên-lạc với đám bà con bên ngoại Dần và Dần-anh coi nhà bà ngoại như một chỗ ở thứ hai. Dần anh chết, Dần tự dưng hết còn muốn ở nhà. Dần nói mình ít sức chịu đựng. Nhất là hồi này ở nhà đang mùa mưa, không đi được tới đâu. Những buổi sáng dậy muộn, mẹ và hai em gái không còn ở nhà, Dần thường bày cờ giải một mình. Buổi chiều thì bắt đầu mưa và thường thường kéo luôn tới khuya hoặc sáng sớm hôm sau. Dần tập đánh bài với chú Bách nhưng cũng mau nản. Chú Bách là cư-sĩ, hồi này lại tuyệt-ngôn nên Dần rất dễ buồn ngủ khi ngồi với chú. Dần thường chờ những bữa cơm chiều ngồi uống với mẹ ít ly rượu cảm trong lúc chờ con Hải đi học về hay chờ con Tấm choàng áo phơi ra bãi cỏ trước nhà xua đàn ngỗng loáng quáng chạy về chuồng. Những chiếc ghế thừa trước đây, dành riêng cho mấy người con trai đã không còn gọi được chuyện họp mặt. Chúng yên-lặng như một vài điều mẹ Dần có thể nhớ nhất định về mỗi người. Những ồn ào làm nên đời sống anh em Dần đã thực sự tản mát. Những âm thanh Dần-anh mang theo cũng đã tắt ngấm sau một tiếng nổ. Dần đi sau hôm ông lão thầy tướng tới từ biệt mẹ Dần để xuống đò về một tỉnh miền ngoài. Mẹ Dần có những câu mơ hồ như gói gắm những chuyến đi của Dần sắp tới cho ông. Dần thấy tội cho mẹ, chỉ tội. Ông lão thầy tướng đã quá già. Đi phải chống gậy và có đứa cháu kèm bên. Hồi sinh Dần-anh và Dần, mẹ Dần kể lại, có mời ông lão tới. Giờ nghe lập lại, Ông lão thều thào: « Từ đó tới giờ, tôi ăn trộm tuổi trời». Ông lão đã thay cha Dần để đặt ra hai cái tên Dần-anh, Dần-em. Mẹ Dần nói hôm đặt tên, chẳng có gì đãi ông. Chỉ có mấy miếng đậu nướng và một con chuột cho ông nhắm rượu. Ngay từ hồi đó ông đã già lắm. râu ông chạm ngực. Ông khom gập lưng xuống mâm rượu, véo râu, cầm đậu, cầm chuột bôn vào miệng. Từ hôm Dần-anh chết, mấy lần gặp ông, thấy ông ngấm nghĩa mình, Dần chắc ông muốn hình dung mặt mũi Dần-anh. Mẹ Dần ở nhà khóc nhiều ngày mắt sưng đỏ. Ông tới an ủi thường ngồi lại cả buổi. Dần bỏ đi chơi có khi về gần tới nhà vẫn nghe tiếng mẹ Dần ẩm ức lờa tiếng tiếp chuyện khách. Như lời làm nhằm một mình. « Dạ, tôi nhớ. Bà ấy độ: địa quá quắt. Không có cụ tới cúng, biết bao giờ trời mới cho bà ấy nhắm mắt. » « Một năm mà bốc được hai mươi mốt ngôi mộ cũng là

giỏi lắm rồi. Cụ còn nhớ cái đám ông Hào? Bữa đó đi nhật x ông về, cụ dựa vào cây cột lim vừa kể cho tôi nghe vừa véo xôi ăn cụ còn nhớ không? Cụ nói cốt ông ấy thực tốt. Đây áp một cái tiểu sành, đồ đồng đọc " Mẹ Dần như đang vuốt ve những cái chết. Ở ông lão thầy tu, những cái tiểu sành chứa xương cốt liệu bà có thấy được gần gũi Dần-anh thêm chút nào? Sau hôm ông lão trở ra miền ngoài, Dần dẫn con Hải, em Tấm đi may mỗi đứa một cái áo *soie Thái-Lan* rồi sửa soạn hành lý. Buổi tối gặp Thục ở cầu thang lên sân thượng nhà nàng, Dần giải thích :

— Không phải anh tra lang bang. Xa Thục anh thật buồn.

oOo

Đã hết mùa hè, trời ít còn nóng nhưng khu trường Dần đi qua hàng ngày vẫn chưa có học trò. Dần ra tới nhà bà ngoại thì nhận được thư của Dần-anh. Bức thư đề trong cái học tử của cậu Dư trước kia. Dần mở thư ra thấy Dần-anh nhờ mình chuyển cho con nhỏ láng giềng bà ngoại mấy tấm hình hắc chụp lúc ra trường. Dần đưa bà ngoại coi, bà cụ bảo :

— Nhờ có chính phủ đánh dấu nó, bằng không ai mà phân biệt được hai đứa mày.

Dần vớt mấy tấm hình vào học tử, nghĩ đưa cho con nhỏ lúc này thực vô ích. Hồi còn sống, còn ở ngoài này, đã nhiều lần hấn xiêu-lòng muốn trốn đi với con bé. Cậu Hiền gọi máng, hấn cười bảo con nhỏ đó quyến rũ chứ hấn thì không có lòng dạ nào. Thấy hấn rắc rối, Dần cũng bảo hấn: « Con gái người ta nuôi nấng mười lăm, mười sáu năm, giờ bỗng chốc chạy với xui nó đi trốn, mất dạy hết chỗ.» Dần-anh giờ giọng tâm sự: « Tao đâu có ý đó. Chẳng nào gặp được người như di Phong tao mới phải tính.» Hôm nghe tin Dần anh chết, con bé bỏ đi đâu mất một hôm. Nó nằng nặc đòi Dần cho theo về đưa đám, Dần nổi giận nó mới chịu im. Thấy Dần trở ra, nó mừng rỡ không né nổi. Có con bé xin-xắn như nó ngồi nói chuyện cho bớt thì giờ, Dần cũng đỡ chán Dần bảo :

— Đừng nói chuyện Dần-anh nữa.

Nó nói :

— Không nói chuyện anh, biết nói chuyện ai bây giờ?

Dần trở mình :

— Nói chuyện tôi đây. Knỏi bình rồi, tôi cũng đi lính nữa.

Buổi tối xuống ngồi nhà cậu Hiền ăn bánh bèo, Dần rủ con bé cùng đi, nó từ chối. Cậu Hiền bảo Dần: « Qua cái tang trắng Dần-anh, mày cũng nên lấy vợ thì vừa. Đùa dai mãi có hồi ế ợ » Dần cũng trả lời, giọng đùa: « Cháu cũng định vậy. Nhưng nói ra trước khi cậu nói, sợ cậu nghi » Cậu chuyện lấy vợ thành một điều đề mọi người nói vui suốt tối hôm đó trên mảnh sân thượng mọc những tảng rêu đã khô. Cậu Hiền khế với bà ngoại có trà Hồng-Kông. Dần uống mấy bình liền. Lúc hai bà cháu mò mẫm bước xuống cái cầu thang tối thui, khuất trắng, Dần mới thấy nặng bụng. Đã lách ra ngoài cái cửa sắt ở mặt hàng dưới nhà, Dần còn đem chuyện lấy vợ ra chêu bà ngoại. Về nhà, hai bà cháu vừa lượm những chiếc vỏ trứng lăn dưới sân úp trở lại các đầu lá cây dừa làm cảnh vừa bàn về một người con gái Dần mới bày đặt trong trí.

— Lấy vợ đi rồi bà cho cái nhà này lấy chỗ mà ở.

Ba cụ nói. Khi đưa bà về phòng, bật đèn cho bà, quay trở ra Dần ngấm nghi rồi bảo :

— Cháu tính đi lính rồi mới cưới vợ. Dần trở về phòng mình, nghe bà thở dài và tên di Phong sau lưng. Mỗi lần nghe Dần có dự tính bà vẫn có thói quen

nhắc tới di Phong. Bà gọi di và Dần. bọn lười biếng chúng mày, Dần thực tình không hiểu. Vì di Phong trước sau vẫn khó hiểu đối với Dần. Di sống hiểu thảo và uề oải với riêng mình. Lòng hiểu thảo và tính uề oải thì không bao giờ để một người con gái như di phải đột ngột xa nhà, phải bỏ cuốn tiểu-thuyết của Mai-Thảo đang đọc dở dang. Trước sau, di vẫn không là người có nhiều chuyện đáng nhớ. Những điều giúp di có dịp để nói nhiều một chút quanh quẩn là những điều nói về cậu Dư. Cậu ấy chết rồi thì những tin mới nhất về cậu là mấy cái học tú đầy nhóc thư từ của bạn bè cậu, bỏ xuống bếp để di Phong mỗi bữa và có cái mà đọc những bữa nấu cơm.

oOo

Bà ngoài Dần đã đi ngủ. Con bé lảng giềng vẫn ngồi nói chuyện.

— Từ hồi anh Dần - anh chết, tôi muốn được nói chuyện tối ngày. May mà anh ra chơi... Con bé bỏ lưng nhìn Dần. Dần nhìn thân thể xinh xắn hết lớn thêm của nó nghĩ không biết đang nghe một người lớn hay một đứa trẻ con. Con bé cười, nói tiếp. Nó nhắc lại chuyện tình của nó với Dần - anh. Đây là lần đầu nó nói chuyện đó với Dần. Nó muốn sống lại những kỷ-niệm vật Dần nhớ những lần nó nôn nả chờ đi trốn với Dần anh. Nó con nít khi nỡ lấy chồng là một cuộc đi chơi xa với ít nhiều hồi hộp. Nhưng nó thực đàn bà khi liêu linh hồi thúc Dần-anh bất kể đêm ngày. Dần-anh vừa thương vừa sợ nó. Đã có hồi hẳn không dám quyết mình hay nó, ai lớn ai trẻ con. Dần bảo hẳn : « Cả hai đều con nít hết ». Dần-anh nổi giận : « Mày không yêu con Thục sao mà dám lên mặt chê tui tao con nít ? »

— Khuya rồi đó, về đi.

Dần bảo con bé lúc bắt đầu nản.

— Giờ mà đã khuya.

Con bé nói, nhìn Dần, ngạc-nhiên :

— Không khuya nhưng nói mãi chuyện Dần - anh nghe nản lắm.

Con bé thực sự im-lặng. Người nó thu nhỏ. Dần an ủi :

— Không phải tôi ghét chuyện của hẳn...

— Ai nói anh ghét anh Dần-anh.

Con bé nói. Và chột kêu trong bình dạng thu nhỏ của nó.

— Nhưng sao anh không muốn nghe? Anh Dần-anh đâu có vậy.

Dần bực mình :

— Tôi không là Dần-anh.

Con bé đứng dậy, nhìn Dần rồi cúi đầu bước ra cửa :

— Tôi về nghe anh Dần.

Giọng nó nhỏ trở lại, nghe buồn bã.

Dần vậu quần áo ra phố. Trời úa mặt trắng mông non choẹt muốn mưa. Những ngày khô sắp qua. Đã nhớ những cơn mưa nhỏ đầu mùa ở đây. Những đêm những ngày gió nam lốc bụi sắp hết. Ngày tháng thành một thứ trang trí bó buộc vô ích. Dần nhớ Thục như mọi lần vừa xa thành phố. Kỳ này về, buổi tối đứng ở cầu thang lên sân thượng nom Thục ốm đi nhưng đẹp ra. Thục cười bảo : « Có nhiều đứa nhỏ mười sáu, mười bảy đã lấy vợ lấy chồng. Bọn mình thì vợ vẫn mãi, chẳng ai biết lo ». Dần đùa : « Anh thì có hai tên Dần mà vẫn chưa nên cái hình dạng gì ». Thục kêu : « Anh đùa nghe gớm chết. Đừng nhận vợ nữa, để Dần-anh được yên ». Dần-anh đã thực sự không bị quấy rối. Nhưng hẳn mắt. Dần vẫn thấy ở đâu đó, trong một thời tiết nào đó, vẫn còn những người mặt mũi hết mình, Dần nhớ tới những

người anh còn lại. Những người đó chỉ muốn Dần và Thục cưới nhau cho xong. Dần viết những thư mù mờ trả lời « Tụi tôi còn yêu nhau thì cưới nhau thế quái nào được ».

Dần vào một tiệm nước, tiệm nước đó, trong đêm gió to hôm nào Dần vào với người đàn bà mang tên giả. Một quán-nhân thấy Dần hỏi lớn :

— Ra đây hỏi nào đó ?

Dần đưa tay bắt, ngồi xuống bàn anh ta.

— Uống gì ?

— Soda chanh về ngủ cho tiêu.

Dần đón điệu thuốc anh ta mời, cười hỏi :

— Giờ đóng ở đâu ?

— Cách quận Biên Xuân ba chục cây.

— Ngán không ?

— Giờ thì quen rồi. Lúc đầu, nghe súng là ỉa đá đầy quần,

Hắn hỏi Dần :

— Lấy vợ chưa ?

— Vợ đâu mà lấy.

— Lòng bông hoài vậy sao ?

Dần gật, thấy gương như vừa làm dáng. Người lính than phiền vài điều vặt vãnh, dài dòng. Dần yên lặng nghe, cố nhớ xem đã gặp anh ta ở đâu.

— Đủ mẹ nhiều lúc chỉ muốn giết hết. Ê, uống thêm băm ba, con trai gì mà yếu thế ? Dần bảo uống thêm cũng chẳng sao. Người lính đã có vẻ ngất ngư, mỗi lúc thêm ít nói. Thỉnh thoảng như nhớ có Dần trước mặt, anh ta ngừng lên nhìn chằm chằm rồi cười vu vơ hoặc đột ngột hỏi Dần một câu tục tĩu về trai gái. Lúc ra khỏi quán, Dần hỏi :

— Còn ở đây lâu không ?

— Còn tùy.

— Tôi vẫn ở chỗ cũ.

Dần nói mù mờ. Anh ta gật đầu :

— Ở chỗ cũ... chỗ cũ là chỗ nào ?

Dần tả sơ qua nhà mình. Anh ta cúi đầu nghe nặng nhọc.

— Ở hiểu rồi. Lúc nào rảnh sẽ ghé chơi.

Anh ta nhảy lên một chiếc xích-lô sau cái siết tay thực mạnh.

Thôi... bai bai...

Dần ghé vào nhà cậu Hiền kêu bọn nhỏ mở cửa lên sân thượng xin cậu cho uống trà. Hai cậu cháu ngồi giữa chiếc ghế bố căng mừng ồn những tiếng ngáy. Dần ngại về vào lúc có cảm tưởng con nhỏ lảng giềng chưa đi ngủ. Đã hai lần nó ở lùm cây trước cổng chạy ra quán quít hỏi Dần sao về khuya vậy ? Nếu còn Dần-anh để nói về nó, chắc hẳn lại kêu nó quá cô-đơn. Mặt trăng như ở cuối con đường rộng vắng người dưới kia, sao dây đèn neon trắng xanh. Dần cố nhớ xem đã gặp người lính ở đâu vẫn không nhớ nổi. Hay anh ta đã lộn Dần với Dần-anh? Có lẽ vậy. Dần phỏng đoán để khỏi phải nghĩ tiếp. Dù quen anh ta hay không, dù anh ta có nhầm Dần với Dần-anh hay không, câu chuyện cũng chỉ có bấy nhiêu. Ở trong một cửa tiệm, một bến xe, một phòng hội... cùng lúc, có thể có nhiều người cùng nói tay đôi, tay ba cùng một câu chuyện đó. Dần muốn giờ này ngồi với Thục trên cái sân thượng cao ngất đó. Dù chỉ im lặng, dù chỉ nói những câu có thể với với bất cứ ai như với người lính vừa rồi.

Dần trở về, cậu Hiền tự mình xuống dưới nhà mở cửa Tới ngõ, Dần tự đứng, nhìn ngay về phía lùm cây trước cổng. Thấy có bóng con bé nhỏ ra. Nhưng lần này nó có vẻ lẩn lút và chạy ngay về nhà nó. Dần không hiểu nổi nó nữa dù vừa nghe những mẩu chuyện tục tĩu của người lính. Dù có nhớ tới Dần-anh mà

nói nó quá cô đơn.

Dần trở ra chỗ để những cái chum múc rửa rửa mặt. Trời kín mây. Mờ mờ trước thềm nhà kèn kia, con bé đang ngồi tựa cột nghe ngao hát. Bóng tối đậm dần trên mảnh sân nhà nó. Nó hát như mặt hát cao, như nhìn trời, như đang có một mảnh trời trắng sao trong đầu, như không còn ai để rủ đi trốn.

Dần vục đầu vào thau nước, muốn không có hình ảnh nào về nó. Từ đêm giấu người đàn bà mang tên giả trong nhà, Dần thực sự thấy trí tưởng mình bỏ không. Đời sống thường ngày như hết còn kêu gọi hợp lý. Chiến tranh như không còn gọi cảnh bom đạn, kẻ thù không còn gọi những sắc diện dã-man... Dần chỉ còn những hình ảnh dị kỳ tràn ngập, kết hợp với nhau một cách vô lối. Hôm đó, người đàn bà lấy ngón tay trở đen đũi trở vào trang sách di Phong đánh dấu bằng mụn vải vàng, làm bộ e thẹn nói: 'Em cũng thích tiểu-thuyết ông Mai-Thảo.' Trang sách, mụn vải giờ đâu có còn gọi riêng di Phong những lúc ngừng đọc, lại trước gương bầu dục, cột lại tóc, đi sửa soạn bữa ăn? Khuôn mặt âm thầm, mê mải của di lúc nằm đọc giờ hiện cùng lúc với mấy lông tay trở đen đũi ở từng trang sách.

Dần vào nhà, vừa bật đèn đã thấy con nhỏ bước sang.

— Chắc anh phiền tôi lắm?

Nó hỏi, muốn ầu bóng vào những hàng cột.

— Xin lỗi anh.

Nó xúc động. Dần lại gần nó thấy nó chỉ bằng con Hải ở nhà.

— Cô rắc rối lắm.

Dần như nói với em mình. Con nhỏ

ngồi xuống mép ghế, có dáng e sợ:

— Tôi biết làm phiền anh nhưng cũng không biết cách nào hơn, anh bỏ lỗi cho. Thương anh Dần-anh thực tình nhưng má tôi, mọi người chẳng ai chịu tin, Má tôi nói tôi còn nhỏ, nay khác mai, mai khác một, chớ có thương liều. Tôi thì biết tôi thương anh như hết còn ai khác để thương. Tôi khôn lớn là vì thương anh, anh tin tôi đi.

Dần ngắt ngang:

— Giờ Dần-anh chết rồi nói lại làm gì.

Con nhỏ bối rối, giọng cố gắng:

— Anh có nhìn mặt anh lúc cuối không?

— Hẳn chết thực rồi.

Dần nói ngô nghê và hoang mang như muốn ói. Dần lấy một điều thuốc châm hút. Con nhỏ trước mặt như thực sáng suốt, thực tinh nhanh ở một thế giới nào khác. Nó như một người đồng bóng. Dần ái ngại:

— Dần anh chết thực rồi, cô tin chứ? Nó gật:

— Tin. Có tin tôi mới bỏ đi một ngày. Lúc đó tôi nghĩ anh Dần-anh cũng đi lính như mọi người. Nhưng từ bữa anh ra, tôi thấy có điều khác. Ở nhà tôi nhìn sang, thấy anh đi ra đi vô, tôi nghĩ anh chưa chết. Tôi buồn như bị phụ tình.

Con nhỏ không có giọng cố tình. Dần có cảm giác nó gần gũi mình. Trang sách của di Phong và những lông tay đen đũi bỏ đó. Dần giục nó về.

Lúc này tốt hơn hết là nghĩ đến lời má cô. Cô còn nhỏ, nay khác mai, mai khác... Nó òa lên khóc. Dần đứng yên vuốt nhẹ trên tóc nó. Ở những bụi cây dưới sân, bụi cuốn xoay tròn, bốc cao. Hải người như ở một thế giới mộng du.

oOo

Dần đời xứ này đột ngột như lúc tới. Ở đây, Dần-anh không sống, không chết hẳn, nhưng không ngột ám ảnh. Con nhỏ hàng xóm làm bực mình như tiếng than vãn hàng ngày của đám trai gái trong máy ti-âu thanh. Nhớ lại mấy câu thơ của di Phong, trước hôm đi, Dần cười bảo con nhỏ những ngày còn lại của mùa khô này là mùa thu. Những buổi sáng dậy muộn, trời cao và mát. Đi ăn sáng vào giờ mọi người đã ở trong sở làm. Gặp một vài người ngờ ngờ như người lính không rõ liên hệ bữa trước. Gió còn lớn lắm. Những cục đá, thanh sắt buộc lưng lẳng dưới những tấm màn che nắng trước các cửa tiệm thành những thứ đánh lên người đi trên vỉa hè. Con đường có nhiều tiệm ăn biến thành một con sông cát, màu vàng nhờ nhờ. Người cảnh binh chỉ đường trên các bực tròn nhiều lúc khom người, hai bàn tay bưng mắt. Mấy cậu nhỏ chớ từng tảng nước đá nước ròng ròng phải nhầy khỏi xe đạp khom lưng đầy ngược gió. Con nhỏ đưa Dần lên hàng hàng-không, nói như với Dần-anh hồi nào :

— Vô Thủ-Đức anh nhớ viết thư về ngay.

Dần bảo nó :

— Nhưng nếu có trễ cũng đừng có trách, đừng chờ mất công.

Dần không muốn nói dối nó. Muốn nó sớm quên được mọi chuyện. Muốn quên nó. Muốn xa hẳn những người còn nhìn Dần như Dần-anh. Nhưng Dần biết mình không đi xa được. Dần đã thực sự thua kém di Phong. Sự vắng mặt của Dần có chăng chỉ để trống thêm một chiếc ghế thừa trong bữa cơm với mẹ, các em.

Dần về nhà, mẹ Dần mừng như đã lâu không gặp Ba bảo Dần nói chuyện cho bà nghe. Dần nói qua loa. Bà ngoại vẫn vậy Gia đình cậu Hiền vẫn vậy vẫn... Dần nghĩ tới việc gặp Thục, rủ Thục đi sắm vài thứ và nếu buổi sáng không mưa sẽ đi thăm mộ Dần-anh. Chập tối, trời mưa, uống của mẹ mấy ly rượu cầm, Dần vào nhà sau năm ngủ. Nằm trên giường, Dần thấy mỗi ê-âm. Gian phòng nhỏ, như của riêng con Tấm. Từ hồi đi hướng-đạo, nó cứng cỏi như con trai. Một tủ thuốc nhỏ treo trên tường sơn quét vụng về. Một bó cọng sắt để làm *sacoché* với đôi giày nom nặng nề đặt trên một chiếc bàn thấp. Trên cái giá gỗ sát tường, mũ chóp nhọn, dây da, còi, hộp đồ thêu... để gọn mắt. Một bức hình cỡ lớn treo ngay chỗ đầu giường có cảnh một đoàn hướng-đạo bắc một cây cầu gỗ. Một câu khẩu-hiệu ghép bằng các đoạn dây màu treo dọc theo sợi dây thép giữa phòng «ĐƯỜNG ĐI KHÓ, KHÔNG KHÓ VÌ NGÀN SÔNG, CÁCH NÚI...» Dần chớp mắt một lát, tỉnh dậy thấy đồng hồ trên bàn mới hơn tám giờ. Ngọn đèn được vặn nhỏ từ hồi nào. Con mưa đã tạnh. Dần kéo câu khẩu-hiệu, sửa cho cá: chữ cách đều nhau rồi ra nhà ngoài. Mẹ Dần đang viết biên nhận cho những người chơi hội. Con Hai đang ủi quần áo, con Tấm đang cặm cùi sửa chiếc máy *ra-dô*. Ngồi nói chuyện với mẹ một lúc, Dần thay quần áo, đến nhà Thục. Ghé vào nhà người bạn mượn chiếc xe, Dần đi thẳng Sài-gòn. Trời tối thẫm, hơi nước lạnh. Qua vùng ánh sáng những phố lớn, Dần tới vùng xường máy tối thui nhà Thục. Thục xuống lưng chừng cầu thang thì gặp Dần. Hai người đứng đó nhìn xuống những khu

phố phía dưới, nói chuyện. Thục bảo :

— Đừng nói chuyện Dần-anh nữa anh.

Dần cười trong miệng :

— Thục không nói mau, anh đã rồi Thục đi thăm mộ hẳn.

Thục kêu :

— Đi thăm mộ Dần-anh ?

— Có đi ngay bây giờ đâu mà Thục phát hoảng lên thế.

— Ban ngày em cũng không đi. Em sợ thực tình rồi đó.

Dần hỏi ngớ ngẩn :

— Sợ gì ?

Thục quay đầu ra ngoài cầu thang nhìn xuống vùng tối sâu phía dưới, giọng nói như giọng người mẹ ru con:

— Đừng nói tới Dần-anh nữa. Anh còn đó... thì đừng bao giờ nói tới Dần-anh nữa.

Y - UYÊN

Nếu *TIỀN ĐỒN* là chiến cuộc nhìn theo quan điểm của một binh sĩ, thì

MÁ HỒNG

là cuộc chiến tranh nhìn từ quan điểm của một viên chức hành chánh. Cả hai đều là những tác giả trẻ tuổi xuất sắc.

MÁ HỒNG

do *THỜI MỚI* xuất bản — phát hành vào cuối tháng 12-1967.

Đã phát hành trên toàn quốc :

TRÊN THIÊN ĐƯỜNG KÝ ỨC

Tập Truyện *NGUYỄN THỊ HOÀNG*

* Bảy truyện ngắn, bảy chủ đề, bảy bộ mặt, bảy sắc màu lung linh hư ảo của đời sống.

Phát hành tháng 12-1967 :

* *VỀ THỀ TÍNH CỦA CHÂN LÝ* của *MARTIN HEIDEGGER*, *PHAM - CÔNG THIÊN* dịch, giới thiệu và tóm lược *L'ÊTRE ET LE TEMPS*.

* *PHÁ NỬI* của *LÊ - TẮT - ĐIỀU*.

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG Xuất bản.

Thế-giới trong những tuần qua

● TỪ-TRÌ

Khủng-hoảng tài-chánh tại Anh quốc, khủng-hoảng chính trị tại Trung-Đông và chiến dịch ngoại-giao của Nhật là ba sự-kiện đã được dư-luận chú trọng tới rất nhiều trong những tuần vừa qua.

Âu-châu: khó khăn tài-chánh và chính trị tại Anh

Hiện thời Thủ-tướng Anh, Wilson, là một người hết sức đau khổ. Trước những khó khăn kinh-tế của Anh, Thủ-Tướng Wilson đã phải quyết-định hạ giá đồng Anh-kim ngày 18-11-1967. Quyết-định này nếu tạm thời cứu vãn được tình-hình kinh-tế của Anh thì lại gây cho Thủ-tướng Wilson rất nhiều khó khăn về chính-trị. Từ đầu thế-kỷ thứ 20, và nhất là từ khi Đệ-nhị Thế-chiến chấm dứt, Anh luôn luôn gặp những khó khăn kinh tế. Trước hết kỹ-nghệ Anh sở dĩ được phồn thịnh trong thế kỷ trước là nhờ có những mỏ than tại Anh. Anh vừa có đủ nguồn sinh lực để cung cấp cho nhu cầu trong nước vừa có thể xuất-cảng than ra ngoài để lấy thêm ngoại-tệ. Ngoài ra Luân-Đôn là một trung-tâm của nền thương mại quốc-tế và đồng Anh-kim được coi là một đơn-vị tiền-tệ quốc-tế, nên các quốc-gia trên thế-giới đua nhau ký-thác tiền của họ tại các ngân-hàng Luân-Đôn. Đến đầu thế-kỷ thứ 20 những ưu-điểm của Anh đã dần dần biến mất. Than không còn cần thiết cho thế giới nữa; một nguồn tinh-lực mới được phát-khĩ là dầu-hỏa đã dần dần thay thế than-đá của

Anh. Kỹ-nghệ Anh không theo kịp đà tiến-hóa đã trở nên cò-lổ và các máy móc trang-bị không được cải-tiến kịp thời. Anh không thể trông vào việc xuất-cảng than để thu hoạch một mối lợi đáng kể nữa. Vì trang-bị quá cò so với các nước được kỹ-nghệ-hóa sau Anh, nên sản-phẩm kỹ-nghệ của Anh không còn đủ khả - năng cạnh tranh để chiếm thị-trường thế giới. Ngoài ra Anh vì tích cực phát-triển kỹ - nghệ nên đã hy sinh nền canh - nông trong nước; Anh không thể tự cung cấp lấy thực phẩm được mà phải lệ thuộc vào nhập cảng. Sau hết từ khi Đệ nhất Thế chiến chấm dứt, Mỹ trở thành một quốc - gia hùng mạnh, Nữ-Uớc đã thay thế Luân-Đôn trong vai trò Trung tâm của Tài chánh quốc-tế.

Sau hết vì mất cả thuộc địa nên Anh không còn có thể nhập cảng được thực phẩm trong những điều kiện thuận lợi như trước nữa.

Tóm lại, Anh phải nhập cảng thực-phẩm; để tài trợ được nhập cảng, Anh phải xuất cảng sản phẩm kỹ-nghệ ra ngoại quốc. Nhưng vì cơ cấu kinh tế của Anh không được cải-tiến nên sản-phẩm kỹ nghệ Anh trở nên đắt và vì vậy mất khả-năng cạnh tranh. Cấu cấu thương-mại của Anh do đó bị mất quân-bình và đồng Anh-kim mất giá-trị.

Đảng Lao-động của ông Wilson lên cầm quyền năm 1963 đã cố gắng sửa đổi lại tình trạng này bằng cách thi-hành

một chính sách khắc khổ, giới hạn nhập cảng, tăng-gia xuất-cảng, tăng thuế và cải tiến cơ-cấu kinh-tế. Để bắt buộc các kỹ-nghê-gia phải canh-tân máy-móc trang bị ông Wilson quyết định xin gia-nhập Thị-trường chung vì ông hy-vọng rằng trước sự tự-do cạnh-tranh các doanh-nhân Anh sẽ phải cố gắng hơn. Nhưng chính sách khắc khổ của ông Wilson đã thất bại nên ông phải đi tới một biện-pháp mạnh mẽ là hạ giá đồng Anh-kim để giá sản phẩm kỹ-nghê Anh trên thị-trường quốc-tế hạ xuống, ngõ hầu tăng cường khả năng cạnh-tranh trên thị-trường thế-giới.

Việc hạ giá đồng Anh-kim đã có nhiều hậu quả chính trị quan trọng. Tại quốc-nội, dân chúng rất phẫn nộ vì đồng Anh-kim hạ giá có nghĩa là giá thực phẩm tăng lên (vì là hàng nhập cảng) trong khi lương bổng bị giữ nguyên mức cũ. Dân chúng Anh lại còn trách ông Wilson thiếu thực thà vì vài ngày trước khi đi tới quyết định này, ông Wilson còn tuyên bố là chính sách khắc khổ của ông đã thành công sau 4 năm thì bành nên ông không tính chuyện hạ giá đồng Anh-kim nữa. Tại Quốc-hội các dân biểu thuộc đảng Bảo-thủ đã kích mạnh mẽ chính phủ Wilson. Ông Macleod, cựu Tổng trưởng thuộc-địa, đã tuyên bố rằng : « Đã đến lúc ông Wilson phải ra đi ». Ông Edward Heath lãnh tụ đảng Bảo thủ cũng nói trước Quốc-hội : « Lời tuyên bố của ông Wilson trên vô tuyến truyền-hình rằng sự hạ giá đồng Anh-kim không có nghĩa là giảm bớt lợi-ức của dân chúng, đã là một lời tuyên bố thiếu lương thiện chưa từng thấy ». Đảng Bảo-thủ quyết định bỏ phiếu bất tín-nhiệm chính-phủ nhưng không thành công vì không có đa số tại Quốc-hội. Hiện thời uy-tín của ông Wilson đang bị xuống

nhanh, người ta cho rằng nếu bầu cử được tổ chức trong tương lai gần đây, đảng Lac-động tất sẽ bị thất bại.

Tại quốc ngoại các quốc gia thường bán hàng cho Anh cũng tỏ vẻ bất bình, vì đồng Anh-kim hạ giá tức là mối lợi của họ bị giảm đi, vì vậy Do Thái, Đan-Mạch và các quốc gia Bắc Âu cũng đã cấp-tốc hạ giá tiền của họ. Tổng thống Pháp De Gaulle được thể bác đơn xin gia nhập Thị trường chung của Anh vì ông cho rằng việc hạ giá đồng Anh-kim biểu thị tình trạng bất ổn của Anh và Thị-trường chung không thể chấp nhận một quốc-gia bất ổn. Như vậy ta thấy rằng tại Âu-châu sự đoàn kết và thống nhất còn lỏng lẻo và sự chia rẽ này có thể là một mối nguy cho khối Phòng - thủ Bắc Đại-Tây-Dương.

Trung-Đông : Khủng hoảng chính trị.

Khối Bắc Đại-Tây-Dương cũng còn bị đe dọa tan rã ở Trung Đông nữa. Hai quốc gia hội viên của khối này đang tranh chấp nhau về đảo Chypre và có thể đi tới chiến tranh nếu không tìm ra được một giải pháp ổn thỏa.

Đảo Chypre là một đảo có dân Hy Lạp và một thiểu số Thổ-nhĩ-kỳ cư ngụ. Vào thế kỷ thứ XVI, đế quốc Thổ-nhĩ-Kỳ đã thôn tính đảo này. Năm 1878 Thổ-nhĩ - Kỳ nhường đảo này cho Anh. Sau Đệ - nhị Thế - chiến dân Hy - Lạp ở Chypre đòi độc-lập và sát nhập vào Hy-lạp. Sau những cuộc nổi loạn đẫm máu, Anh đã phải trả lại độc-lập cho Chypre. Ba nước Anh, Hy-Lạp và Thổ-nhĩ-Kỳ đã cùng nhau soạn-thảo một hiến-pháp cho Chypre để bảo-đảm sự chung sống của hai đám dân Hy-Lạp và Thổ-nhĩ-Kỳ. Nhưng hiến-pháp này lại cho phép dân thiểu số Thổ-

(20% dân cư của đảo) được có quyền phủ-quyết để có thể ngăn chặn mọi quyết-định của Chính-phủ. Tổng Giám-mục Markarios, gốc Hy-Lạp, Tổng-thống đảo Chypre đã sửa đổi tình-trạng này bằng cách cho phép Tướng Grivas được quyền kiểm soát dân Thổ. Một cuộc nội-chiến đã bùng nổ và chỉ được chấm dứt khi Liên-Hiệp-Quốc can thiệp và gửi 4.000 quân sang để ngăn hai phe Thổ và Hy-Lạp. Tuy ngưng chiến nhưng nước Hy-Lạp đã tăng cường quân đội ở Chypre lên tới 10.000 người. Va Thổ-nhĩ-Kỳ cũng gửi quân lên lút sang giúp đồng bào mình ở Chypre. Từ đó dân Thổ bị bao vây và bị phong-tỏa kinh-tế, nhưng ngược lại quân đội Hy-Lạp cũng không dám kiểm-soát các vùng có dân Thổ cư ngụ. Vào giữa tháng 11-1967, Tổng-thống Markarios quyết-định ra lệnh cho Tướng Grivas đem quân đi tuần-tiêu tại các vùng có dân Thổ ở. Khi quân H.-Lạp tiến tới làng Ayios Theodoros tại bị một chiếc xe máy cày được dùng làm chướng ngại vật ngăn chặn. Họ lập tức tước khí giới quân đội Anh và Liên-Hiệp-Quốc đồn trú bảo đảm cuộc đình-chiến. Sau đó họ oanh tạc Ayios Theodoros. Dân Thổ-nhĩ-Kỳ phản công. Kết quả là sau 8 giờ chiến đấu 24 người Thổ và 2 người Hy-Lạp bị tử thương. Quân Hy-Lạp chiếm Ayios Theodoros và bắt làm tù binh 250 người Thổ-nhĩ-Kỳ. Sự đưng độ này làm dân Thổ hết sức xúc động, họ đòi ly khai, chia Chypre thành hai lãnh thổ Hy-Lạp và Thổ-nhĩ-Kỳ. Tại Thổ-nhĩ-Kỳ chính quyền phản ứng mau lẹ. Quốc-hội Thổ cho phép chính phủ tuyên chiến với Hy-Lạp nếu cần. Thổ ra lệnh động-viên và cho một phi-đội lượn trên đảo Chypre để đe-dọa Hy-Lạp. Chính phủ Ankara đòi Hy-Lạp phải triệu hồi

Tướng Grivas, rút 10.000 quân Hy-Lạp về, bãi bỏ mọi phong-tỏa kinh-tế và bồi thường dân Thổ. Chính thể quân-phiệt ở Hy-Lạp e ngại nên đã phải nhượng bộ bằng cách gọi Tướng Grivas về. Ông U-Thant đã phải gửi Phó Tổng-thư-ký Rolz-Bennett sang để tìm cách hòa giải Thổ-nhĩ-Kỳ và Hy-Lạp. Khối Bắc Đại-Tây - Dương cũng gửi Tổng-thư-ký Malino Brosio và Tổng-thống Johnson cũng phái ông cựu Thứ trưởng Quốc phòng Cyrus Vance sang để tìm cách giải quyết cuộc khủng hoảng này. Nhưng Thổ-nhĩ-kỳ còn nhất định đi tới cùng để giải-quyết hoàn toàn vấn đề Chypre ngõ hầu tránh mọi sự rắc rối trong tương-lai.

Á-châu : Chiến dịch ngoại-giao của Nhật-bản.

Taong những tháng vừa qua Nhật đã hoạt động ngoại giao mạnh mẽ. Thủ tướng Nhật Sato đã lần lượt thăm viếng chính thức 10 quốc gia Á-châu. Sau khi đã biết rõ quan-điểm của các quốc-gia Á-châu về vấn đề Việt-Nam, Thủ-tướng Sato đã tuyên bố ủng-hộ sự tham-chiến của Mỹ ở Việt-Nam. Thủ tướng Sato đã sang Mỹ để tỏ thái-độ. Ông cho rằng Mỹ chỉ có thể ngưng oanh tạc Bắc-Việt nếu chính-quyền Bắc-Việt hứa là sẽ giám b t chiến-tranh ở Nam-Việt. Ông còn hứa sẽ gia-tăng viện-trợ kinh-tế cho Nam Việt-Nam.

Nhưng ủng-hộ Mỹ như vậy Thủ-tướng Sato đã nhiều khó khăn vì tại Nhật các đảng thiên-tả rất mạnh. Nhiều cuộc biểu-tình đẫm máu đã được tổ-chức để phản đối chính sách của ông Sato. Để xoa dịu sự chống đối tại quốc-nội chính-phủ Nhật phải tìm một thắng lợi ngoại-giao. Vì vậy ông Sato, khi tới Washington, đã chính thức yêu cầu Mỹ

trả lại cho Nhật hai quần-đảo Bonins và Ryukyu (trong đó có đảo Okinawa.) Nhưng đảo Okinawa là một căn-cứ quân-sự vô cùng quan trọng của Mỹ ở Á-châu. Okinawa là một phần-tử của hệ-thống phòng thủ của Mỹ. Là căn cứ của những tàu ngầm nguyên-tử, với 50.000 quân Mỹ đồn trú, đảo Okinawa giữ một vai trò quan trọng trong chiến cuộc ở Việt-Nam. Vì vậy tuy muốn tăng cường uy tín cho thủ tướng Sato, Mỹ vẫn ngần ngại chưa dám tính chuyện trả lại đảo Okinawa cho Nhật.

Trong bản thông cáo chung, Tổng-Thống Johnson và thủ-tướng Sato đã tuyên-bố là hai vị lãnh-tụ chỉ bàn tới

việc thành-lập một Ủy-ban tư-vấn để cải-tiến cơ cấu xã-hội và chính trị Okinawa mà thôi. Còn về đảo Bonins thì Hoa-kỳ thoả thuận trả lại cho Nhật với điều-kiện là không phương-hại cho an-ninh ở Á-Châu.

Tuy lời yêu cầu của Nhật chưa được hoàn toàn thoả mãn nhưng hoạt-động ngoại giao của Nhật đã đánh dấu một giai đoạn mới của lịch-sử nước này : 22 năm sau khi bại trận Nhật, đã tái-xuất trên chính-trường quốc-tế để đóng một vai trò quan trọng trong các vấn-đề thế-giới.

TỪ-TRÌ

Nhân dịp Giáng-sinh nhà Ca dao vừa phát hành :

VINH DANH VÀ QUYỀN LỰC (*The Power and the Glory*)

của GRAHAM GREENE.

« V.D.V.Q.L. của vị linh mục ấy đã nổ bùng trong giáo phận Mỹ tây cơ : ông quá nghiện rượu và tư thông với một tin đồ để một đứa con(...) Tôi mạn phép nói rằng cuốn sách này là cách xử dụng tội lỗi bằng ơn Chúa... trích lời Tựa của François Mauriac.

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin thứ nữ nhà văn VŨ-ĐÌNH-LƯU là chị VŨ-THỊ-TÁM sẽ làm lễ thành-hôn cùng anh HUỖNH-THANH-TÔNG vào ngày 17 tháng 12 năm 1967 tại Saigon.

Xin chân thành gửi lời mừng văn hữu VŨ-ĐÌNH-LƯU và chúc tân-giai-nhân cùng tân-lang trăm năm hạnh phúc.

LÊ-NGỘ-CHÂU, NGUYỄN-NGU-Í, VÕ-PHIẾN,
NGUYỄN-HUY-NHÂN, BÙI-XUÂN-HIẾN.

MÁ HỒNG

|| Chiều tối hôm ấy tôi mới lững thững trở về. Đêm chưa vào khuya song tôi tưởng hơi sương đã nhuộm lạnh đôi vai và mái tóc. Khi tới cửa nhà, bước chân tôi muốn trùn đứng lại. Tôi chưa nhìn nhưng đã thấy hai cánh cửa đóng kín, chiếc khóa bám nơi giữa như con dơi, bên trong tối thui. Như qua một cửa ngục. Bàn tay tôi thọc vào túi quần tìm bao thuốc. Và ánh diêm chưa bốc cháy thì Huyền xuất hiện. Huyền gật đầu chào. Cử chỉ ấy bỗng tác động suốt tâm thần tôi như một chiếc dùi vừa đập trên mặt trống.

— Chú đi ăn về muộn thế ?

— Tôi không dám n bộc lộ sự vui mừng :

— Đi lang thang ngoài đường cho hết giờ.

Huyền nói như hơi thở :

— Vừa lo chú không về kịp.

Tôi nhìn Huyền ngạc nhiên chờ đợi :

— Có việc gì thế ?

— Anh Giang bị thương,

— Sao biết ?

— Có điện tín gửi cho ba.

Sau câu nói ấy tôi lơ mơ chỉ còn nhớ giọng Huyền. Anh Giang bị thương. Ba nhận được điện tín. Thân mật quá. Em đã coi mình như người trong gia đình rồi đấy nhé. Tôi nhìn những mảnh ánh đèn rớt qua cành lá xuống áo Huyền, tưởng tượng ra những cánh bướm vàng lá lướt lượn bay. Vậy là Huyền không giận mình. Nè, cảm nhìn. Tôi muốn được nói lại câu ấy và bắt chước đúng tiếng Huyền: Đề vui thích. Đề sung sướng.

— Chú nghĩ gì thế ?

— À, anh Giang bị thương nặng không ?

Huyền lắc đầu. Lọn tóc như đuôi con mèo mun đang từ trước ngực vẫy qua sau lưng .

— Không biết. Anh ấy đang nằm bệnh viện Cộng hòa.

— Mình phải vào thăm, trông nom anh ấy chứ.

Ngón tay trỏ Huyền chỉ vào ngực tôi :

— Thế là chú đồng ý nhé. Cháu tính đi đấy. Lát nữa, ba có hỏi thì chú nói họ là cháu đi được.

Tôi ngó Huyền sững sờ :

— Huyền đi Sài gòn ?

Đầu Huyền gật gật. Bỗng nhiên tôi có cảm tưởng như tôi sắp mất vĩnh viễn một cái gì to lớn. Đây là linh tính chăng . Chú giới thiệu cho cháu một công việc gì đủ sống ở Sài gòn để cháu được đi khỏi đây nhé, chú. Hôm ấy, hình như tôi hỏi lại Huyền là Huyền tính bỏ họ: sao. Và Huyền đáp vâng. Tôi dương mắt nhìn Huyền lần nữa. Bỗng tối ơi, tôi van xin đừng xóa mất, đừng làm tan mất thận xác mày của tôi.

Tôi cúi thủi ngồi bệt xuống thềm cửa. Huyền lặng lẽ khép nép tới ngồi theo nhưng ở bên kia chiếc cột phân cách hai nhà. Những ngọn đèn đường đổ những vũng ánh sáng vào khoảng không đen thui. Chợt một ý nghĩ vừa nảy sinh trong óc tôi là chính những cái gọi là đèn kia đã thu hút hết ánh sáng nên trời đất mới tối mù. Và vì những chiếc đèn nhỏ bé quá, chứa không hết, ánh sáng tràn ra ngoài thành từng quầng mờ dần ở xa.

— Ba má đi đâu ?

— Ông cụ đeo bà cụ đi xin sâm hay coi bói gì đó.

Im lặng,

— Vào Saigon thì ở đâu ?

— Thiếu gì chỗ. Nhiều con bạn vào học trong ấy mà

Im lặng.

— Gia đình anh Giang ở đâu ?

— Vẫn ở Mỹ-Tho.

Vàng trắng đã ló khỏi dạng dương xây thành bức tường dưới bóng tháp chuông nơi nhà thờ chính. Mặt trăng vàng pha hồng, hơi méo một chút nhưng hiền dịu. Đêm qua bỗng có ngấm Huyền tắm không đấy.

Mình đã yêu Huyền chưa ? Huyền có yêu mình không ? Tôi ngồi yên, ngần ngại cả từ cử động xiết que diêm để châm điếu thuốc. Rồi bằng khuôn mặt nhớ những câu thơ, những bài thơ tả những cảm xúc tình yêu buổi ban đầu đoạn so sánh, đối chiếu với từng trạng thái tâm hồn tôi. Nhưng, yêu là thế nào ? Hình ảnh Huyền khỏa thân chỉ trong chớp mắt mà mình cứ phảng phất nhớ hoài và rung động luôn luôn như vừa nhìn thấy, vậy đã bởi vì yêu chưa. Còn Huyền. Mình chưa đọc được thái độ nào trên Huyền. Chẳng nhẽ những sự kiên định mệnh đó mà cũng không có gì quan trọng để e ấp chút sung sướng thẹn thùng. Từ từ lan trong cơ thể tôi, những ám ảnh da diết thường xuyên khó chịu. Tôi lắc đầu như không chịu cho sợi dây tròng vào cổ.

— Chú nghĩ gì thế ?

— Huyền hay hỏi câu ấy nhỉ. Tôi sắp sửa tưởng tôi sống với Cộng-sản đấy.

— Cháu xin lỗi. Tại cháu sợ chú buồn.

— Buồn gì ?

— Cháu không biết. Nhưng thấy chú khác hồi mới tới.

Một chiếc xe díp chạy qua cửa nhà một quãng ngắn, thỉnh thoảng dừng lại. Hình như xe của Đạt. Tôi nhìn soi tìm nhưng chưa nhận được dấu vết nào quen thuộc thì những vòng bánh đã lẩn nhanh. Đạt ơi. mày chết oan hay chính mày thực hiện cái chết ly kỳ rùng rợn ấy.

Im lặng.

— Tuần sau tôi cũng về Saigon.

— Chú đi có việc gì thế ?

— Chơi.

Chứ không phải về... thăm người em gái nhỏ ?

— Có em nào mà thăm.

Huyền hứ nhẹ. Âm thanh như một chiếc lá rơi vừa chạm đất. Tôi lên cười thăm và dấu mặt vào vòng hai cánh tay.

Im lặng.

— Chú !

Giật mình, nhưng chưa kịp ngừng lên thì một thân người đã nhào xô vào lòng tôi. Tay chân tôi luống cuống, không phản ứng, phát run tê liệt. Bình. Bình. Tôi thở ra, nói mau đề che lấp:

— Đi đâu đấy, Bình ?

— Bình cười khảnh khách. Hàm răng trắng như đóa ngọc lan mới nở. Bao nhiêu những bức tức chưa thành bình ở trong tôi đã tan nhanh vì chút màu dịu dàng thanh khiết đó.

— Cháu đi kiểm chú chứ đi đâu nữa. Sao hôm nay chú không tới với cháu ? Chú ghét cháu hả ?

— Nhảm. Chú bận chứ.

— Thế đêm nay, chú cho cháu ngủ với chú nhé.

Tôi cười đùa với Huyền :

Đêm nay thì không được. Vài hôm nữa.

Đoạn, tay tôi ôm ghì Bình. Có tiếng Huyền :

— Con nhỏ này đã lém mép lắm rồi. Cấm không được chú chú cháu cháu nữa bây giờ.

— Tôi giả vờ ngây ngô, Hỏi Huyền :

— Sao vậy ?

Huyền cựa mình, vụt đứng lên. Thế nhé, nhờ... ông Đạm nói hộ như đã nhờ, xin cảm ơn. Tôi nản nì, thì ngồi xuống đã. Huyền sắp đi, mình còn bao nhiêu thì giờ đâu. Huyền mở cửa bước vào, thôi để chú cháu tâm sự chứ. Một thoáng đã nghe tiếng hát rè rè nho nhỏ từ máy thu thanh, đôi son phấn làm mất bao ngày thơ ngây. Âm điệu tha thiết như đã mang nhiều kỷ niệm đưa hồn tôi chơi vui lên cao. Tôi khép mắt như để nhốt những cảm xúc lâng lâng khoan khoái đang nở rộ trong từng mạch máu. Cảm tôi tì trên mái tóc Bình, miệng ư ử theo cung bậc của bài ca. Mãi khi tiếng hát đã tắt một lúc lâu, tôi mới thì thầm:

— Đêm qua có sợ không?

Bình cựa sẽ. Bàn tay vẫn đặt trên tay tôi như con chim nhỏ đậu chờ giấc ngủ:

— Sợ chứ. Nhà rung hết mà. Cai chai để trên bàn còn lăn rớt xuống đất, bễ liền đó. Cháu không dám thò chân khỏi giường nữa. Cháu kéo cái mền, đắp kín mít.

Giọng nói hồn nhiên vô tội làm tôi mũi lòng. Bộ đạn không xuyên thủng cái mền sao, Bình. Bình cười, tại cháu sợ quá.

— Tối cháu ngủ với chú, nhé.

—Ừ, để chú nói với ông Đại úy đã.

— Sáng mai nói.

— Thì tối mai ngủ.

— Không.

Ngủ với chú thì sướng gì mà đòi. Bằng cứ là cháu Huyền ở sát ngay bên mà có khi nào đòi ngủ với chú đâu. Ngón tay tôi bẹo tai Bình nhưng mắt tôi lại nhìn sang nhà Huyền. Tất cả chỉ sáng một điểm nhỏ từ lỗ thủng giữa cánh cửa như con mắt rình mò nhìn trộm. Tôi nói thầm, nè, cảm nhìn bằng giọng củ^a Huyền. Rồi cười thầm thú vị. Ngồi thêm vài phút nữa, tôi mới đặt Bình đứng dậy. Đi ăn kem không, Bình. Sở dĩ có tiếng ăn vì tôi đang luyện tiếc những giây phút này của nơi này như mới ăn mà món ăn đã hết. Hình như thế. Chúng tôi tới tiệm kem Đà Lạt. Những chiếc bàn, những chiếc ghế dựng những khối màu hồng, màu xanh lá mạ từ mấy ống đèn trên tường hắt xuống. Trừ bàn trong cùng là có khách. Ba người. Mặc quân phục xám, đội mũ xô lệch. Đồi ba cái cẳng ghếch lên thành ghế bên cạnh đưa bộ giò gần tới mặt. Tôi nhận được thiếu úy Xuân, trung úy Hùng. Thấy tôi, trung úy Hùng vẫy tay chào. Đoạn như chợt nhớ, anh nói lớn, ờ, toa biết địa chỉ thân nhân của xừ Đạt không hả. Tôi hỏi có việc gì thế. À, nhờ toa nhắn hộ họ tới gặp moa gấp để lập hồ sơ tử tuất. Mẹ, moa nói mãi Trung tá mới chịu ký điều chỉnh giấy nghỉ phép của nó bằng công-vụ-lệnh đó. Tôi cười gương hơi lạng người. Mình phải nói thế nào với Hùng chứ. Khoảng trống giữa chúng tôi chưa lan dài thì người quân nhân kia, tên gì, ở đâu, đã tắc lưỡi kêu chách thật lớn, sao không gọi béng em Thanh tới. Thiếu úy Xuân đáp ngay, lặc hậu quá thế, cậu. Nếu giờ này cậu gặp em và hỏi em có quen Trung úy Đạt không thì em sẽ rất tỉnh bơ, hỏi lại trung úy Đạt nào cơ ạ liền. Tiếng người kia,

ủa, gì mà mau vậy. Thiếu úy Xuân cười nhẹ, em cặp bồ với Trung úy Minh rồi. Người bồi bàn vô tình đứng chắn ngang tầm mắt tôi, hỏi ông dùng gì. Tôi nói cho hai ly kem. Mà là con chó săn ghẻ lở, Xuân ạ. Mặt mũi mày trắng trẻo, trí thức quá mà óc mày lầy hơn cả vũng bùn. Trong khi đó, tiếng nói ở bàn trong vẫn đều đều, ê mày, thằng cha hình như không có bộ đồ nghề, phải không. Giọng khác, thiếu úy Xuân, còn hình như gì nữa, Giọng khác, trung úy Hùng, mẹ, nó chết mất xác làm tội này bề một cuộc đánh cá lịch sử, giận ghê. Tôi cúi mặt thấp thêm chút nữa. Gió từ chiếc quạt trần đê xuống ly kem làm rã tan thành nước nhão nhoét. Tôi nói mau, ăn đề còn về, Bình.

Thấm thoát ngày thứ tư đã tới. Vài giờ ngắn ngủi nữa, Huyền sẽ đi. Thời khắc mỗi lúc một thu ngắn, người tôi càng cồn cào, bờ phờ, nôn nóng. Tôi tưởng, nhiều khi, những khúc ruột trong bụng tôi là những con lươn vô phước đang quần quai rẫy rụa tuyệt vọng trong chậu nước pha nhiều muối. Linh tính báo cho tôi biết con tàu hôm nay sẽ mang Huyền đi vĩnh viễn, hặc ít nhất là một khoảng thời gian khá lâu. Tôi sẽ không còn một lần gặp gỡ. Chính Huyền đã mong ước. Chính Huyền đã chờ đợi. Nên, nhìn Huyền lảng xảng chuẩn bị, tôi vừa thương tôi, vừa bùi ngùi thương Giang. Tuy nhiên, trên nét mặt nhẵn nhụi chịu đựng kia, cũng có phảng phất một vẻ suy tư chán nản. Nhưng Huyền buồn vì đâu? Vậy mà khi Huyền bảo tôi mua hộ vé máy bay để khỏi đợi cả tháng, tôi đã nhận lời không do dự. Tôi muốn chiều Huyền hơn nữa ở những ngày giờ sắp hết. Cháu sẽ nhớ chú mãi. Những ngón tay Huyền run run đón nhận chiếc vé máy bay. Mắt nhìn tôi lặng chết. Chú thích gì để cháu mua tặng chú? Và tối qua, lúc nói chuyện ngoài hiên, Huyền thờ dài lắc đầu chú chưa hiểu cháu một tí nào.

Nên khi từ tiệm cơm trở về, tôi đồ tắm thân xuống giường rồi nằm phủ phục. Bên nhà Huyền ồn ào nhiều tiếng nói. Sao mình không sang với Huyền? Sao mình không lấy xe đưa Huyền ra thẳng phi trường? Đề trong lúc đợi máy bay tới, hai đứa ngồi dệt những kỷ niệm thần tiên? Mặc hết những lý lẽ ấy, tôi vẫn vùi đầu vào tấm mền hâm hấp nóng như vừa ủi đồ và người không rời manh chiếu ấm mồ hôi. Tôi lừa luôn cả tôi bằng lời ru dỗ, ngủ đi, ngủ đi, ngoan.

Mơ mơ tôi nghe như có tiếng động nơi cửa. Vội ngừng nghĩ. Ánh sáng đã lùa vào và Huyền đã đứng nhìn tôi, mỉm cười rất tươi. Chú đã ngủ rồi? Tôi uể oải nói, mới nhắm mắt đề đấy thôi.

— Cháu sang chào chú để cháu đi.

— Huyền làm tôi có cảm tưởng Huyền đi luôn vậy.

Mỉm Huyền mỉm, sẽ kéo dài ra. Vậy Huyền mỉm cười hay sắp khóc? Cúi nhìn vắn vơ dưới chân, Huyền nói:

— Cháu gửi chú lá thư. Nhưng chú phải hứa với cháu là khi máy bay đã bay, chú mới bóc ra. Đồng ý?

Tôi gật đầu, đồng ý. Bàn tay cầm phong thư không dầy lắm lơ dang chống lên cằm. Huyền vụt linh động lạ lùng:

— Không có mùi nước hoa hay nước mắt gì đâu. Dám chỉ có mùi gừng với rượu để lắm.

Huyền quay mình, nhìn chai nước trên bàn, tiếp :

— Tại cháu vừa làm món sườn xào gừng cho má cháu.

— Huyền chưa ăn cơm ?

— Ăn rồi chứ. Đây là cháu cạo gió cho má cháu chứ. Bà cụ vừa bị cảm.

Đến phút này mà Huyền còn bình tĩnh vui đùa ư. Một chút mát mẻ như hơi bốc lên từ thùng nước đá làm tôi thoáng vui. Nhưng liền đó, đầu đây đều chấp chờn bóng chiếc máy bay với âm thanh rền rì, bóng phố phường Sài Gòn với xe cộ ngược xuôi. Thôi được, tuần sau mình sẽ gặp lại Huyền. Sẽ không còn những đứa chuyên môn dòm ngó, những đứa thích phao đồn. Mình mặc sức đưa Huyền đi chơi. Đi ciné Rex sẽ giới thiệu với chị Dung Giới thiệu thế nào nếu chị cười dò hỏi ? Có lẽ Huyền cũng yêu mình. Song liệu mình có thể quên những lời đã nghe, bản thủ quá, đề từ đây thênh thang rong ruổi bên nhau ? Thốt nhiên tôi nói :

— Huyền nhớ không, ai đã hôn Huyền đầu tiên ?

Đôi mắt đen láy đột ngột đặng đầy vẻ tinh nghịch, nhí nhảnh. Màu má hơi thêm một chút ửng hồng. Tôi rùng mình vội quay đi nơi khác. Lúc nhìn lại thì Đầu Huyền đã cúi, Một bàn tay lật xấp lật ngửa đều đều và Huyền như chăm chú coi :

— Chú hỏi làm cháu cảm động quá.

— Cảm động ?

— Vâng. Ai hôn Huyền đầu tiên nhỉ ? Chắc chỉ phỏng đoán thôi. Là ..

Giọng tôi tê tái :

— Ai ?

— Ba cháu.

Tôi giận dỗi lắc đầu. Định nói một người đàn ông xa lạ khác thì có tiếng gọi Huyền. Như đã quên hẳn giây phút vừa xảy ra tôi hốt hoảng đứng bật dậy. Sắp hết. Sắp mất tất cả. Cánh cửa kia, khi Huyền bước qua sẽ là biên giới muôn đời xa cách. Cánh cửa kia cũng như ngọn bút lông dẫn mực sắp tàn nhả xóa bỏ những hình ảnh Huyền với di tích những ngày đau thương sưng sượng. Tôi đi tới bên Huyền. Hai cánh tay điên dại dưới ý nghĩ ham muốn ôm giữ tấm thân Huyền một lần. Nhưng Huyền đã cần nhẹ bờ môi dưới :

— Thôi, Huyền đi. Chú cho gửi lời chào vĩnh biệt... anh Là. Câu nói dứt thì Huyền vừa tan biến ngoài ánh sáng. Tôi đứng một mình nhìn khoảng không cho đến lúc chỉ thấy hoa, sao nhức nhối nhảy múa.

Chừng nửa giờ sau, ngoài hiên lại xôn xao tíu tít. Những giọng nói như những sợi dây cuốn vào người tôi, lôi kéo tôi đến sát bên cánh cửa. Tôi cúi nhìn qua lỗ khóa. Không thấy Huyền, Chỉ có mảng trời xanh lơ sau cành cây thưa lá. Liệu mà về sớm nghe, con. Dạ. Đơn độc một âm ngân ngói. Rồi tiếng động trên xe lách cách. Rồi vài tiếng cười. Rồi vắng lặng.

Budi chiều, ngồi làm việc tôi vừa tự nhủ hãy dùng những trang giấy mà che lấp óc tưởng tượng đang muốn vẽ ra cảnh sân bay cách đây vài ba cây số. Và còn như một cái máy hát cũ, tôi vừa ngheu ngao vừa liên tiếp lên giây. Đến bốn giờ, một công văn của Tòa hành chánh tới yêu cầu phúc thêm chi tiết về vụ Chi bỏ nhiệm sở. Tôi đọc đi đọc lại. Hãnh diện nhé. Cứ tưởng mình hào hoa phong nhã là tốt số. Tôi bỏ văn phòng, lái xe chạy lạng quạng. Vớ vẩn gặp Côn Cho nữa thì mặt dầy, Đạm ạ. Vậy thì đi đâu? Hay đưa Bình ra trại thăm mẹ?

Bốn giờ ba mươi. Tôi đề đầu ga cho xe lảo nhể trên quốc lộ vắng hoang. Máy bay chắc đã cất cánh rồi. Huyện ơi, em còn nhớ chuyến chúng mình đi thăm chiến sĩ ngoài tiền tuyến lúc này không? Thêm một quăng, chợt Bình reo, chú ơi, phản lực tới thả bom kia. Tôi nghe nhói trong tim. Ba cái. Ba cái chú ơi. Ừ, nguồn vui tình nhỏ đấy. Đỗ xe đi chú. Ở xa, tận vùng cận sơn, ba chiếc phản lực vun vút nhào xuống ném những tiếng nổ rung chuyển đất ruộng, rung động cả lòng tôi. Không biết tôi ngồi yên được bao lâu thì có tiếng nói, thưa ông Phó, nhờ ông Phó cho đi một chút. Tôi như tỉnh ngủ, choàng mắt nhìn chiếc xe ngựa đã đứng gần đầu xe tôi. Đề chữa ngược vì đã đỗ xe ngay giữa đường, tôi hỏi:

— Xe chờ gì thế, anh?

— Thưa, có mấy cô làm nghề giao hàng tại chỗ ở mấy trại lính Mỹ bên Vinh Khương bị ziu.

— Tại sao vậy?

— Dạ, nghe nói thì các cô này mọi ngày vẫn cắp cái bạt hay vuông vải trong nách tới trại lính Mỹ vẩy vẩy từng đũa ra làm ăn trong các lùm cây gần đó. Nhưng hôm nay xui là lính nó mới về đông quá. Tụi nó không chờ lần lượt gì hết. Làm đại liền liền nên các cô mới trắng mắt. Tụi em được báo nên phải tới khiêng về tỉnh.

Tôi bước xuống, nhìn chiếc xe ngựa lọc cọc chậm chậm chạy vào thị trấn. Năng chiều bàng bạc như ánh trăng. Một bụi sim đại bên đường phất phơ hai bông hoa tím tả tơi phơ phất. Tôi nhìn trời sẽ gọi:

— Thanh Bình ơi, lại đây với chú.

ĐỒ-TIẾN-ĐỨC
HẾT

SÁCH MỚI

Côi cút đường đời : nguyên tác « Boyhood of David Copperfield » của Charles Dickens do Ronald Windcross giản yếu, bản dịch của Lưu Bằng, do Học Vui xuất bản và gửi tặng. Sách song ngữ Anh Việt đối chiếu, dày 100 trang. Giá 46đ.

Hồn thơ nước Việt thế kỷ XX : của Lam Giang và Vũ Tiến Phúc. do Ban tu thư Sơn Quang xuất bản và Ô. Vũ Tiến Phúc gửi tặng. Sách dày 242 trang gồm 6 chương « nhận xét và phê bình tổng quát phong trào thơ mới và các trường phái từ đầu thế kỷ đến giờ ». Giá 120đ.

Dịch lý nhập môn : của Nguyễn văn Mì và Võ Hồng Hải (Xuân Phong và Hồng Tử Uyên) trong Việt Nam Dịch lý Hội. Sách in ronéo một mặt khổ 20 x 26 dày 103 trang, trình bày từ định nghĩa, nguồn gốc của Lý Dịch đến các Quẻ dịch.

Những ngày chưa quên : Ký sự của Đoàn Thêm do Nam Chi từng thư xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 242 trang, tác giả ghi lại những biến cố quan trọng nhất trên đất nước chúng ta từ Thế chiến thứ nhì đến Hiệp định Genève. Bản đặc biệt.

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN

CÁT LẦY

Tiểu thuyết của THANH-TÂM-TUYỀN, do GIAO-ĐIỂM xuất bản, 178 trang, giá 60đ.

Tác giả :

Tên thật **DZU-VĂN-TÂM**, sanh ngày 15-3-1936 ở tại Vinh (tỉnh Nghệ-an, Trung-Việt), đã công tác với *Người Việt, Sáng tạo, Văn nghệ, Bách Khoa, Văn, Nghệ thuật*.
Đã xuất bản : *Tôi không còn cô độc* (thơ) *Bếp lửa* (truyện) *Khuôn mặt* (truyện ngắn) *Liên đêm mặt trời tìm thấy* (thơ) *Đọc đường* (truyện) *Cát lầy* (tiểu thuyết) *Ba chị em* (kịch).

Tác phẩm :

Cát thì lún, Lầy thì vướn nặng bước chân. Đó là nơi Trí sanh và sống. Cạnh con sông, có nhiều đất cát, cũng lắm sinh lầy. Nhân vật chánh này thường tự bảo « Mày là Trí, mày là Trí. Mày không điên đâu ». Nhưng cha Trí — đã qua đời — là một bình nhân tâm trí. Và trong cảm nghĩ cũng như trong cách đối xử với người thân, Trí tỏ ra là người nếu không có « máu điên » thì tâm trí cũng chẳng mấy bình thường. Và Trí sống biệt lập ngênh ngang, vây kia thế giới của mình trong vòng cô đơn dữ dội » Với mẹ vừa thương vừa ngại, Trí thường có những phản ứng bất ngờ. Nổi giận thình lình, phát ra những tiếng la ngán, những câu đáp cộc lốc. Lại còn những cái nhìn của tôi : « Tôi nhìn vào tôi như nhìn vào một cơn mộng, cơn mộng triền miên nếu tôi không còn thức. » Lại còn một nỗi đam mê. « Đam mê không phải niềm hi vọng, tôi đã lớn lên trong một nỗi đam mê khốc liệt che cái mặt nạ lãnh đạm dữ dằn (...) »

Cho nên tôi bèn quay lại khúc phim dĩ vãng đó, rồi... « Mai sáng mờ đất, tôi sẽ lên bỏ đi như tên ăn trộm không dám gặp mặt ai. Tôi cũng biến mất. »

oOo

Tôi ở một tỉnh nhỏ miền Đông. Tôi xuống Sài-gòn trọ học. Tôi từng muốn cùng một lũ bạn « trốn » ra Bắc, nhưng rồi việc chẳng thành, lại bị tù.

Rồi tôi hai mươi tuổi. Tôi yêu Điệp. Trong cái tỉnh lị lạt tẻ, ông giáo sư Hiệp xuất hiện như một hiện tượng : « Hiệp mang tới cho bọn học trò mới lớn những phiêu lưu mộng mị của trí tuệ ». Đến đời tôi phải nửa đùa nửa thật bảo Điệp : Coi chừng em mê luôn ông thầy của em đó.

Mê quá rồi có thể Diệp vừa yêu người bạn trai đồng lứa trẻ trung, vừa nhóm yêu ông thầy « di cư và ghét VM » ; yêu mà không biết vì nàng không rõ hết « những dạng thức của tình yêu. »

Còn Thuận ? Nàng cũng di cư. Nàng sống chung với Hiệp, Diệp và tôi là bạn nàng.

— « Chị không nhớ Hà-nội ? » Diệp hỏi.

— Có. Nhưng có lẽ bây cho tôi về ngoài ấy, tôi không muốn về nữa... Chưa ở đâu tôi được hạnh phúc như ở đây ».

Nhưng rồi Thuận tự hủy thân mình vì hạnh phúc không còn nữa. Tôi lúc đó, tôi mới biết là tôi yêu Thuận yêu mà không hay.

Tôi và Diệp bỏ nhà, đến một khách sạn, rồi quyết định cùng nhau sang thế giới khác ; nhưng Diệp lại « đi » trước tôi.

oOo

« Cát lầy » ! Với một bút pháp khác hẳn với những truyện đã viết của Thanh-Tâm-Tuyền mà nhiều đoạn như lời thơ tuyệt đẹp, phải chăng tác giả muốn phác họa hình ảnh, không phải chỉ một người trẻ tuổi tên Tri, mà cả một lớp người, cả một thế hệ của Tri, đều bị hoàn cảnh đất nước, xã hội, đẩy dần đến chỗ lún cát, sa lầy?

NGHĨ TRONG MỘT XÃ HỘI TAN RÃ

Tiểu-luận của THẾ-UYÊN, trong « Tủ sách Xã-hội-mới » của nhà THÁI-ĐỘ — 122 trang, giá 65 đồng.

Tác giả :

Tên thật NGUYỄN-KIM-DŨNG, giáo sư Trung-học. Đã cộng tác với các báo : Văn-hóa ngày nay, Tân-phong, Văn-học, Văn, Bách-khoa... Đã xuất bản : Những hạt cát (truyện ngắn), Mưa trong sương (kịch), Ngoài đêm (truyện ngắn), Mươi ngày phép của một người lính (tiểu-luận), Những ý nghĩ của bọt biển (tiểu-luận), Nỗi chết không rời

(truyện ngắn, cùng viết với Duy-Lam), Tiền đồn (truyện dài), Những bản tình ca (truyện ngắn), Nghĩ trong một xã-hội tan rã (tiểu-luận).

Tác phẩm :

Xã-hội tan rã, là xã-hội hiện thời chúng ta : độc tài, tham nhũng, bất lương, lưu manh, chia rẽ, nghi ngờ và hoang mang đến cực độ.

Người nghĩ ở trong cái xã-hội thối nát và khốn nạn này, là một người từng dạy học, từng viết báo, từng tham dự cách mạng, từng cầm súng ở tiền đồn, và đang trở lại nghề dạy học. Người nghĩ này lại mang dòng máu Nguyễn-Tường trong người. Cho nên Thế-Uyên rất thiết tha, thiết tha với văn nghệ, cũng như thiết tha với cách mạng.

Người trai đang độ ba mươi này không thể chẳng lên tiếng trước sự rã tan của cái xã-hội mà anh đang sống. Cho nên, dầu bị hiểu lầm, dầu bị làm khó dễ, anh vẫn quyết gởi những ý nghĩ của mình trên mặt báo, rồi trong lòng



sách, những ý nghĩ rất mực chân thành.

Trong « ghi chú vào đề », tác giả đã cáo lỗi trước là nếu tập sách có « nhiều điệp ý, trùng đề hoặc mâu thuẫn » đó là do người viết không được đăng tải nguyên văn và liên tục những điều đã viết, và chẳng tập sách chỉ gom góp những bài thực ra đều viết sơ khởi đề đăng trên một tập san có chủ đề từng số.

Thông cảm với tác giả, người đọc có thể còn thích thú thấy những khuyết điểm nêu trên lại phản ảnh được sự gian nan của người cầm bút lúc này, nhất là khi người đó muốn nhìn thẳng vào sự thật bỉ ổi mà nói lên trung thực cảm nghĩ của mình và tin rằng tìm được « phương thế có thể cứu vãn hay xây dựng lại hoàn toàn xã-hội. »

Cho nên, nếu kinh đô của Tờ quốc bạn không phải là Mạc-tư-khoa hay Bắc-kinh, Ba-lê hay Hoa-thịnh-đốn... thì trước khi cơ quan Thông tin « có thể rút lại giấy phép xuất bản » như trong một quảng cáo sách của tác giả, bạn hãy tìm đọc quyền tiểu-luận « can đảm gần như liều lĩnh » này, chứa những đề tài :

Sự hình thành của một thái độ. Những cuộc hành trình và sự hoàn tất một thái độ — Thái độ căn bản cho công cuộc khôi phục chủ quyền quốc-gia — Việt-Nam qua quân lực — Nhìn lại chiến tranh của chúng ta — Chiến tranh và hòa bình — Nhìn lại một xã-hội tan rã...

VÀO NƠI GIÓ CÁT

Truyện dài của NGUYỄN-THỊ-HOÀNG do HOÀNG ĐÔNG PHƯƠNG xuất bản — 278, giá 150 đồng.

Tác giả :

(Xin xem tiểu sử trên B.K.T.Đ. số 256 (1-9-1967) trang 75.

Tác phẩm :

Ta hãy cùng ai đi... « Vào nơi gió cát » để cùng người chinh phụ thời nay hỏi vòm trời xanh biếc : « Đêm trăng này nghĩ mát nơi nao ? » Nói thế chớ chẳng phải người chinh phụ bây giờ — vợ lính hay sĩ quan — hỏi .. bằng quơ mà dăm thắm như thế đâu.

Thiếu phụ trong truyện vào đời gió nổi cát bay với tất cả cái « bản tính vừa yếu đuối vừa nồng nhiệt của mình. Trời sinh tôi ra để yêu và tuyệt vọng. Để gặp gỡ và chia lìa. Để trao đi và bị người hất hủi, » và tưởng đâu « suốt một đời như vậy. »

Nhưng còn có một tấm lòng nam nhi rộng rãi bao dung, còn có một bàn tay nhẹ nhàng mà cương quyết đưa ra, để « cứu vớt » đời nàng tưởng đâu phải rơi vào vực thẳm của tuyệt vọng, của hận thù, của bơ vơ đến lạnh buốt tủy xương.

Nghĩa là Nàng đã gặp Chàng, đúng hơn là Nàng được gặp Chàng, « bởi anh là kẻ em đợi chờ trong Mộng, không đón chờ ở trong Đời (...), em đã lỡ nói yêu, đã lỡ tìm yêu, đã lỡ bao nhiêu son sắt của đời mình cho quá khứ. »

Hạnh phúc lứa đôi vừa hé, như vừng ô toan báo hiệu một phương Đông



huy hoàng, thì... chàng âm sấp xếp thềm rồi đột ngột cương quyết tình nguyện vào trường võ bị.

Sau bức tức, ngọn ngào vì biến cố này, rồi đến sự lắng dịu. Và nàng nâng bút. Người đàn bà ở đoạn mở đầu, thành « người-tình-người-vợ-người-bạn-kẻ-nó-ti » kể lẽ để đánh lừa cả Không gian với Thời gian : « Bao nhiêu lần anh đòi em kể lại cho anh nghe hết từ đầu. Em đã hẹn lần lừa, vì muốn cho đến một ngày thật dài, một thời gian thật đẹp, một lúc lòng thật yên để kể lại cho anh, tất cả khởi điểm của chúng mình, từ thứ bảy đầu tiên tìm thấy nhau trên đường phố cho đến bây giờ, cho đến lúc ngao ngán thực xa... »

Rồi sau cùng nàng thiết tha hi vọng : « Phải đó anh yêu, em sẽ cố nghị những ngày sắp tới cũng chỉ là một cơn mưa rào, cơn mưa rào sẽ dứt và trời sẽ sáng trong cho hai ta lại tìm thấy nhau, mắt trong mắt tay trong tay như những ngày ngắn ngủi qua rồi. Em sẽ nghĩ, để an ủi em và tất cả những người còn vì chinh chiến xa nhau, cuộc chia cách chỉ làm nồng nàn thêm ngày về đêm ấm, và núi non sẽ thay màu rồi cuộc đời sẽ biến đổi, rồi dải đất ưu phiền này sẽ lặng yên sau bao nhiêu năm đông bão ngập tràn, trả người về cho người, trả anh về cho em, trả tình yêu về những cõi lòng hon héo chờ mong ».

Nhân vật chính của « Vào nơi gió cát » — một loại nỗi tình, đam mê khao khát — đã quên đi những cái quá ư riêng rẽ của một hạng người sống trong một cảnh quá ư đặc biệt mà cũng quá ư cách biệt số đông bình thường và tầm thường với những lo âu sờ sờ trước mặt, để hoa cái sâu riêng của mình với cái tình chung của lớp người có « Chàng từ đi vào nơi gió cát. »

sorbitol delalande



**BỔ DƯỠNG GAN MẬT
ĐIỀU HÒA TIÊU HÓA**

khiến mọi người vui vẻ yêu đời

VIÊN BẢO CHÈ DELALANDE PHÁP QUỐC

Có bán tại các hiệu thuốc và các nhà hàng

KN 6915 BYT. QCDP - 23.7.64

Tôi đã chiến đấu cách nào ?

truyện của SLAWOMIR MROZEK
(bài dịch của NGUYỄN-MINH-HOÀNG)

Lời người dịch : Trước đây, cũng trên Bách Khoa (số 202 ngày 1-6-1965) tôi đã giới thiệu với các bạn nhà văn Ba lan SLAWOMIR MROZEK qua một truyện nhan là « Ký sự của một thành phố bị vây ». Tưởng cũng nên nhắc lại là Slawomir Mrozek là một nhà văn còn trẻ, có một ngòi bút châm biếm vô cùng sâu sắc, nổi tiếng nhờ hai tập truyện, « L'ÉLÉPHANT » và « LES PORTE-PLUMES ».

Sáng nay, lúc đi mua sữa, tôi chợt trông thấy hiện ra lù lù ở ngoài đường, ngay trước nhà tôi, một cái mô chướng ngại. Có lẽ nó cũng vừa được dựng lên cách đây không lâu, bởi vì hồi bốn giờ sáng, lúc thoát ngủ dậy, tôi chưa trông thấy nó đâu cả.

Tôi tự bảo thầm :

— Chuyện lạ, đúng là một chuyện lạ. Từ nay nhất định mình sẽ không bao giờ đi ngủ nữa.

Như thường lệ, cái mô chướng ngại được dựng lên bằng những món tạp loại hết sức khác nhau. Phần chính giữa của nó được cấu tạo bằng một cái tủ to tồ bố đóng bằng gỗ bạch đào trên có đặt một tấm tôn dày thuộc loại tôn che đạn. Lăn lông lốc ở đó, ở đây là những trái cà chua mà các bà nội trợ, muốn cho chín nhanh, vẫn thường đem xếp trên đầu tủ. Tôi bèn bước lại gần. Ngay trong lúc ấy, trong đám những người đang hì hục củng cố cái công sự chiến đấu, đã nghe có nổi lên một vụ tranh luận dằng dai. Một lão to lớn, nước da ngăm đen, dáng chừng là vị chỉ huy, nói bằng một giọng cáu kỉnh :

— Con khặc ! Không cãi nhau nữa ! Tôi chỉ muốn nghe chú trả lời tôi dứt khoát cái câu hỏi sau đây : chú sẵn sàng hay không sẵn sàng để hi sinh cho đại cuộc ?

Kẻ bị chất vấn, một lão vóc dáng nhỏ thó đang tựa mình vào một khẩu súng săn, cố ý kéo dài thời hạn trả lời bằng cách cứ đưa mãi một cái que diêm lên hàm răng để xía.

Lão chỉ huy hét lớn :

— Nếu chú không muốn, chú chỉ việc nói thẳng. Ở đây không ai bắt buộc chú cả. Muốn tự do, phải tham gia chiến đấu là cái lẽ thường...

Thấy không ổn lão nhỏ vội đáp lại :

— Thì em vẫn đồng ý, ngoài ra em có dám nói gì đâu. Xin đại ca cứ chỉ cho em vị trí.

Lão chỉ huy bèn chỉ chỗ. Lúc ấy, không hiểu sao, đột nhiên tôi cảm thấy

ghen tức. Từ lâu tôi vẫn biết là tôi vốn có dòng máu cách mạng trong người. Tôi vốn không chịu được cái tùn mủn, cái nhịp trôi lừ đừ buồn nản của một cuộc sống vô vị, không có tương lai. Mỗi sáng, ra phố mua sữa, rồi về nhà, rồi ủ sữa, rồi rửa chậu, rồi rửa bát, rồi thể này, rồi thể nọ, chán quá đi thôi ! Tôi muốn chiến đấu, muốn vùng lên để đập đổ mọi bạo lực, cường quyền. Hơn nữa, phải thú thật là dạo ấy tôi cũng đang thất nghiệp.

Tôi bước lại nói với lão chỉ huy :

— Tôi có ý định chiến đấu với các anh em, muốn chia sẻ những nỗi gian nguy, muốn hề sống thề cùng sống, muốn hề thác thề cùng thác.

Đoạn cuối của câu nói được tôi phát ra bằng một giọng hết sức cảm động, hùng hồn. Lão chỉ huy tròn mắt nhìn tôi trừng trừng, sau đó hỏi tôi một câu cộc lốc :

— Thành phần trí thức ?

— Đúng thế. Nhưng nếu kể về đọc sách thì phải nói là tôi không được đọc bao nhiêu.

— Cũng chẳng sao, vì ở đây chúng tôi hiện đang cần gấp một số người trí thức.

Rồi, chỉ cho tôi một chỗ trên cái mô chướng ngại, lão chỉ huy nói tiếp :

— Chú hãy ra nằm kia. Chú không biết xử dụng súng, nhưng bù lại chú đã có một cái sợ khá cứng khả dĩ cản được sức đạn của quân thù. Chú đừng sợ gì cả, đạn của chúng không mạnh lắm, vì chỉ có ít thuốc. Bọn nhà thầu và bọn sĩ quan đã ăn bớt đi khá nhiều của chúng. Riêng chiếc bình đựng sữa kia, rồi ra thì cũng có lúc cần dùng.

Tôi vội vã thi hành mệnh lệnh, đến nằm đúng vào cái chỗ đã chỉ, dọc theo cái mô chướng ngại. Ở phía phải, tay tôi vướng vào cánh cửa của cái tủ gỗ bạch đào, ở phía dưới, chân tôi duỗi trúng một con gấu may bằng dạ. Và như thế, buổi sáng bắt đầu, với những dấu hiệu báo trước một ngày rặng rờ.

Trên cái mô chướng ngại, mọi người tiếp tục đi đi lại lại. Rất hài lòng về chỗ đã được giao phó cho một nhiệm vụ thiêng liêng, tôi ung dung nằm ngắm nghía các chiến hữu của tôi, tiện thể quan sát những ngôi nhà kế cận. Về phía tay phải của tôi, trước một khung cửa sổ nọ ở tầng hai, có ai đã đem treo lên tự hồi nào, một lá cờ màu trắng. Toán tuần tiễu do lão chỉ huy phái đi đã quay về báo cáo là kẻ đã treo lá cờ quái ác ấy lại không ai khác hơn là một lão mang tật loạn sắc. Một cuộc điều tra liền được mở.

Mặt trời mỗi lúc một lên cao. Lão gác cửa quen với tôi, lúc ấy, lại thấy xuất hiện từ trong một cánh cửa ngách. Tôi « suýt » một tiếng khẽ đề gọi lão. Lão bước lại, nét mặt nghiêm nghị pha lẫn vẻ âu lo. Tôi đã toan nhờ lão chạy lên phòng tôi lấy hộ tôi cái gối, bởi lẽ cái cánh cửa tủ gỗ bạch đào đã bắt đầu làm khở tôi thật sự, nhưng đến lúc chót tôi kịp nhớ lại là rất có thể lão chỉ huy sẽ nhìn vụ ấy bằng một đôi mắt không mấy gì ưa. Thành thử rút lại, tôi chỉ xin lão gác cửa cho tôi biết cảm tưởng của riêng lão đối với tất cả những việc đang diễn ra.

Cầu thận, lão đáp :

— Hay. Hay lắm !

Rồi ngừng một phút, lão tiếp :

— Nhưng đến lúc xong việc ai mới sẽ là người đứng ra thu dọn những thứ luộm, thuộm, bừa bãi ở đây ?

Lúc ấy, một chiếc xe chở đầy rau đang tiến lại gần, sắp sửa rẽ ra khu chợ, ở trung tâm thành phố. Tôi trông thấy lão chỉ huy đến nói gì với gã đánh xe mất mấy phút và gã nọ, không do dự, lập tức lia lịa gạt đầu. Một lát sau, những sọt khoai tây, xà lách, củ cải được khiên đến tăng cường cho cái mô chường ngại khiến nó cao lên thêm được được lối mấy gang tay.

Sắp đặt vị trí cho những sọt rau vừa xong thì từ đằng sau đồng than chúng tôi đã thấy xuất hiện một đám đông lỗ nhố gồm toàn những em nhỏ ở trường mẫu giáo với một cô chần trẻ đi đầu. Mỗi em nhỏ có mang theo hoặc một con búp bê, hoặc một con gấu bông, hoặc một con vịt gỗ. Tất cả đều đứng dàn thành hai hàng và nắm tay nhau thành từng cặp một. Cô chần trẻ đứng thẳng, giơ tay chào theo kiểu nhà binh, sau đó trình bày nguyện vọng ; trường mẫu giáo có ý định tiếp tay với chiến sĩ trong việc xua đuổi quân thù, bởi thế nhà trường xin mang lại mấy món đồ chơi, gọi là để đóng góp cho cái mô chường ngại được thêm phần kiên cố. Lão chỉ huy tiếp nhận bản kiến nghị của trường mẫu giáo, bước đến duyệt qua đám trẻ nhỏ và hỏi chúng đã có học đánh xáp lá cà bằng lưới lê bao giờ chưa. Rồi đó, phái đoàn mẫu giáo ra về trong trật tự, vừa đi vừa đánh nhịp gót chân. Mớ gấu bông và búp bê lập tức được đem tặng viện cho cánh bên phải của cái mô chường ngại.

Một cụ lính tầy lão thành, thuộc hạng đã phục vụ trong quân ngũ nhiều năm, lúc ấy vừa hung hăng vẩy vẩy bộ râu mép vừa bảo tôi :

— Chúng nó có giỏi thì cứ đến trêu vào.

Theo ý cụ lính, « chúng nó » ở đây tức thị là quân phản động.

Cụ lính lại tiếp :

— Chú hãy đứng lên, giúp tôi một tay để bê cái tủ đi nơi khác.

Cái tủ nặng lạ, nặng quá sức tưởng tượng. Lúc bê xong, cụ lính về một liều thuốc lá, đưa tôi. Nhưng tôi phải hoãn việc hút thuốc lá lại vì đúng vào lúc ấy bỗng có người mang đến cho chúng tôi hàng đồng tài liệu bấy lâu vẫn nằm mốc trong Thư khố và trong Viện Bảo tàng Lịch sử, rồi, ngay sau đó, tất cả những sách của Hội Hàn lâm Khoa học. Cạnh bên trái của cái mô chường ngại, nhờ vậy, có vẻ vững chắc như bức tường đồng. Quân thù, theo sự ước đoán của một số người, có thể sẽ xuất hiện bất thần, vào giữa lúc nào không biết.

Mười giờ chưa gõ, nhưng cái mô chường ngại của chúng tôi đã vươn cao không kém một ngôi nhà hai tầng. Cứ mỗi lúc lại có thêm một xe chở đầy vật liệu xây cất được rầm rầm đưa tới. Về phía đối diện với quân thù, chúng tôi đã dùng những tấm nệm của một bệnh viện gần bên đem chất lên nhau thành một đoạn bao lơn đẹp đẽ. Chỗ tôi nằm phục kích do đó, hóa ra có đủ tiện nghi, và tầm

mắt của tôi, cũng do đó được đưa xa thêm một tí, Lão chỉ huy tỏ vẻ rất bằng lòng. Trong phiên đi thị sát mặt trận lần sau lão dừng lại bên cạnh tôi, xem xét kỹ vị trí của tôi và bảo.

— Tốt lắm, và tôi có thể chắc chắn với chú là hiện giờ bọn phản động chúng đang sẵn sàng đề nả đạn vào đầu chú rồi đây.

Đề thay câu trả lời tôi vội vã hô to với giọng tràn trề tin tưởng

— Đả đảo!

Lão chỉ huy cũng hưởng ứng:

— Phải! Đả đảo!

Khiến tôi sung sướng nhận thấy giữa lão và tôi đã nảy sinh một mối tình chiến hữu đậm đà.

Sau đó lão chỉ huy bỏ đi lo mấy việc riêng, về phần tôi, tôi tự cảm thấy hằng say đến nỗi tôi vĩnh viễn gạt bỏ cái ý định nhục nhã đi tìm một cái gối. Tính kỹ lại những tấm nệm mà chúng tôi đã mượn của bệnh viện gần bên cũng không tệ lắm

Hình thù của cái mô chướng ngại mỗi lúc càng một đổi khác. Hiệp hội những Thương phế-binh đã gửi tặng chúng tôi một lô những chân tay giả. Được đặt vào giữa, và được chèn kỹ bằng những bao bột ngô ô chân tay giả ấy quả thật để lộ một vẻ hùng dũng lạ thường. Tôi nằm ngửa, bắt đầu mở mắt ngắm vòm trời xanh. Từ một lúc lâu tôi không biết trò chuyện với ai, vì cụ lính tẩy cùng với một số đồng những chiến hữu khác còn đang bận đi trưng dụng thêm một ít đồ dùng để ngủ. Về sau, đồng vật liệu tạp loại khả kính, nguyên nhân của mối khiếu hãnh mỗi lúc một tăng gia của chúng tôi, nhờ đó, đã được nâng cao thêm bằng cả một núi gồm toàn những chấn dạp và màn. Tuy nhiên, cái lô chiến cụ được tải đến cho khu vực tôi là một lô máy đánh chữ, và ở đây tôi cần phải thú nhận là lô máy đánh chữ ấy, thay vì xử sự như những người bạn đồng minh, đã ngang nhiên giẫm bừa lên chỗ tôi nằm, không thương hại gì đến cái thân phận hèn của tôi cả. Nhưng để tự an ủi tôi đã vin vào những nhu cầu chiến lược và tự giải thích cho chính tôi nghe về trường hợp ấy như sau: "Ta hãy giả tử là quân địch đang mở một cuộc tấn công để đánh úp cái tọa độ này. Chúng định ninh sẽ gặp sức kháng cự của đồng nệm và chấn. Nhưng, sai ời là sai, vào đến nơi chúng chỉ gặp toàn một lô máy đánh chữ. Đám tướng lãnh của quân địch như thế sẽ bị mất mặt không biết ngần nào, và rồi, do một hậu quả dây chuyền quân địch sẽ bị đánh bại bởi không còn manh giáp.

Theo những tin tức giờ chót thì bọn phản động nhất định sẽ xuất hiện vào đúng giữa trưa. Tôi không sốt ruột lắm, vì từ địa điểm hành quân của tôi (tưởng ai ai cũng nên nhớ là cái địa điểm hành quân ấy đã được đặt ở một chỗ cao nhất của chính cái mô chướng ngại) tầm mắt của tôi có thể phóng thẳng vào bên trong những gian buồng tọa lạc ở tầng ba. Trời lại nóng, nóng ghê gớm, thành thử các cửa sổ đều mở rộng. Trong mỗi gian buồng đã nghe như thiếu một cái gì chính vì thế mà ở gian buồng mười sáu, bên cạnh cái cửa sổ mở ra gần ống máng, có hai lão cụt tay đang nằm sấp dưới sàn gác để đánh cờ. Từ lâu

những giường tủ bàn ghế đều đã được mang đi xây cất cái mô chướng ngại. Một trong hai lão chơi cờ, nhất định phải là một mặt viên của quân phản động, đã thè lưỡi trêu tôi. Tôi báo cáo ngay với cụ lính, cụ lập tức phái một tiểu đội tuần thám và tiểu đội tuần thám đã giật lấy cái bàn cờ ném phăng lên tận đỉnh của cái mô chướng ngại. Tôi khoái trá vô kể vì lúc ấy, hai lão cụt tay, không còn gì để làm, đã bắt buộc xoay ra vô rudi, hoặc chơi trò « bị mắt bắt dê », hoặc trò câu đố.

Bây giờ tầm mắt của tôi mới lại càng được mở rộng làm sao ! Trước mặt tôi là một con đường chạy thẳng đến một công viên nhỏ có những chiếc ghế dài thật xinh. Chính nơi đó sẽ là địa điểm xuất phát của quân phản động. Bên trái tôi, bên phải tôi là những ống máng bên tro g có những mảnh ngói, những tảng bùn và cả một con chim sẽ chết. Xa hơn, là những mái nhà, những chiếc ống khói, những con quay, quay tròn trong gió, những cột ăng-ten, và thật xa hơn, là đỉnh tháp chuông nhà thờ. Nếu tôi quay nhìn lại đằng sau, ở bên kia đồng đồ vật tấp lại, tôi có thể mục kích cả một cảnh tượng cần cù : những công dân yêu nước kết hợp nhau thành từng hàng dài bắt tận đang hì hục khâu, dầy, vác, mang đến cho cái mô chướng ngại tất cả những thứ mà họ có thể mang đến ; Những đèn, những mảnh vụn của một vòng quay ngựa gỗ, những đồng sắt, những đồng giấy bia, những lọ đựng mứt, những cuộn ru-băng, những khung ảnh, những vải, những chiếc đĩa sành. Tim tôi tràn ngập hân hoan và lúc ấy tôi chỉ mong sao quân thù xuất hiện. Chúng xuất hiện và sẽ tan ra tro bụi khi chạm đến cái mô chướng ngại vô địch này của chúng tôi. Thú thật là riêng tôi, thỉnh thoảng tôi cũng băn khoăn nghi rằng quân thù biết đâu lại sẽ không xuất hiện. Nhưng cái ý nghi ấy tôi lại không dám nói to, vì tôi biết nếu nghe được chắc chắn các chiến hữu của tôi sẽ bảo tôi là đồ chủ bại. Cũng có thể là những mối ngờ vực ấy chỉ là hậu quả của cơn đói đang hành hạ tôi dai dẳng từ này đến giờ. Do đó tôi đã thử định tâm để nhớ lại xem chiếc bình sữa của tôi đang nằm ở đâu và cảm thấy vô cùng phấn khởi khi nghi rằng bộ óc hành quân siêu đẳng của lão chỉ huy đã đặt nó đúng vào cái chỗ mà nó có thể đảm nhận vai trò chiến sĩ của nó đến mức tối đa, nghĩa là đến giọt sữa cuối cùng.

Ngọn nắng xé và những tiếng động xa xa rì rầm không dứt đã làm cho tôi, kẻ đang trấn giữ một vị trí sát nách quân thù, thỉnh thoảng phải chợp mắt thiu thiu từng giấc ngắn. Rồi tôi mừng trọng lúc ấy là lúc đã đánh nhau xong, và chiếc bình sữa của tôi, với những chiến công oanh liệt, đang hiện ngang vươn lên giữa hàng quân để nhận lấy một tấm huy chương lấp lánh. Có những lúc tôi lại hình dung nó trong một khung cảnh khác : trên một bếp lửa với một vòng sữa trắng muốt, thơm phức đang sôi. Và tôi mở mắt, nghe đau ran trên tai, trên mũi. Tôi ngồi nhồm đậy, dinh ninh quân thù đã xuất hiện. Nhưng đó lại chỉ là hai lão cụt tay đang dùng ống thủy tinh xạ kích những hạt đậu khô vào tôi. Cụ lịch, tôi không trông thấy bóng cụ ta đâu cả, hơn nữa, tôi tự an ủi, nghi rằng những hạt đậu khô mà vì căm thù và ác ý bọn phản động đang phun tôi tấp vào người tôi kia, đã một phần nào giúp cho cái mô chướng ngại được cao thêm tí nữa.

Thật sự trong thâm tâm tôi, tôi vẫn mong sao quân thù xuất hiện, dù là vào lúc mười bảy giờ hoặc mười bảy giờ ba mươi. Đồng thời chúng tôi bỗng hiểu tại sao cái tủ lại nặng đến thế. Một ông lão đã chui vào đó, vì không muốn góp công vào việc xây cất cái mô chướng ngại. Để tự biện hộ ông ta bảo là trước đó đã từng tham dự ba trận đánh lớn và hiện đang đau chân.

Sau một ngày dài bị phơi trần dưới nắng tôi bắt đầu cảm thấy ngứa ngáy sốt. Từ phía sau tôi-lão già mang khẩu súng đi săn cũng đã bắt đầu gây sự với tất cả mọi người. Tôi nghe lão hét :

— Tôi không hiểu được. Các ngài đã hứa với tôi là tôi sẽ có dịp chết cho đại nghĩa. Dịp ấy ở đâu ? Các ngài thử nhìn lại giờ xem. Thật chẳng đúng đắn gì cả. Ai thử trả lời đi.

Tôi vênh tay chờ đợi. Cụ lính tây lúc ấy bèn giải thích.

— Chớ nóng, bác chớ nóng. Tại sao việc chi bác cũng muốn cho nó được cả trong cùng một lúc ? Bác hãy xem tôi. Tôi cũng là cựu chiến sĩ, thế nhưng... Và lại, không phải lỗi tự nơi tôi, mà là tự nơi quân địch.

— Tôi không biết, tôi không cần biết...

Trông lão bướng bỉnh không khác một đứa trẻ con. Lão chỉ huy bèn gọi.

— Chuyện gì thế ? Các chú không tin tôi ? tôi xin hứa danh dự với các chú là quân địch thế nào rồi sẽ phải thò cái mặt của chúng ra, nhất định phải thế.. nhất định... dù cho chính tôi tôi có đích thân thay chúng để tấn công các chú đi chẳng nữa. Chuồn bị ! Các chú chuồn bị ngay đi !

— Nếu thế thì được.

Riêng cụ lính tây thì cụ ta có vẻ mất cả tinh thần. Cụ bước lại gần tôi, giọng thiếu náo.

— Tôi đau đầu quá lắm. Chú có trông thấy lọ thuốc cảm nằm đâu, chỉ giúp. Tôi vỗ trán nhớ lại :

— Đâu như bên cạnh lô máy đánh chữ, dưới mấy cái thùng sắt trộn bê-tông.

Những sự đi đi lại lại ở phía sau cái mô chướng ngại hầu như đã chấm dứt hẳn. Chỉ thỉnh thoảng ôi mới lại trông thấy một vài người rụt rè đưa lại mấy món đã bị chúng tôi chôn lúc sáng, mấy bức tranh thủy mặc, mấy xác ướp khô, mấy viên lơ nhuộm quần áo... Tôi đậm ra khát nước.

Hoàng hôn đang dần dần đến. Thành phố sắp sửa chìm trong bóng tối. Nếu tôi nhớ không lầm thì tất cả những bóng đèn điện đều được mang đi củng cố một địa điểm quan trọng nằm ở chính giữa cái mô chướng ngại.

Trời tối hẳn. Tôi thận trọng bắt đầu một cuộc leo xuống bằng cách đưa tay và chân dò dẫm từng chỗ lồi hoặc lõm. Có một lúc tôi chạm mặt với cụ lính tây đang lục lọi bên cạnh mấy cái thùng sắt trộn bê-tông và lô máy đánh chữ. Tôi ảng lảng đi qua làm như không trông thấy gì. Tôi cũng gặp lão chỉ huy. Lão đang chọn một cái nón.

Tôi tìm kiếm như thế một lúc lâu. Vừa lặn ngụp, vừa bò, vừa nhảy. Có lúc

tôi phải chui vào tận bên trong của cái mô chướng ngại, len lỏi giữa những chất liệu đã dùng để xây cất nó. Lại có lúc, vừa di chuyển từ một vị trí chiến lược này sang một vị trí chiến lược khác, tôi đã phải mở to hết các giác quan để phân biệt đâu là chất sành đâu là chất nhựa, đâu là chất gai đâu là chất sợi, đâu là chất sắt đâu là chất đồng, tận dụng cả lưỡi, tận dụng cả bàn tay, tận dụng cả hai lỗ mũi. Tôi lướt qua hàng ngàn bề mặt, hàng ngàn hình thái, hàng ngàn mùi vị, cho đến lúc ánh sáng nhạt của vầng trăng non làm le lói trước mắt tôi màu men phơn phớt xanh của chiếc bình quen thuộc.

Tôi nhanh nhẹn vồ ngay lấy. Thoạt tiên, tôi nghe có một tiếng động nhỏ, từ một nơi nào đó ở bên trong cái mô chướng ngại phát ra, rồi thì là một tiếng rít kỳ lạ tiếp theo, tựa như tiếng của một khối cát không lồ đang từ trên cao đổ xuống.

Và tôi chỉ còn nhớ có mỗi một chi tiết sau đây : Với chiếc bình đựng sữa siết chặt trong tay tôi đã cắm cổ chạy đến muốn dứt hơi vào trong một con đường ngách. Phía sau tôi, cái mô chướng ngại đang đổ sập xuống rầm rầm.

NGUYỄN-MINH-HOÀNG (dịch)

SÁCH MỚI

Tạp chí Bách khoa đã nhận được những sách sau đây :

— **Hiện tượng Khrishnamurti** của Trúc Thiên do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 90 trang. Giá 45đ

— **Con đường** truyện dài của Nguyễn đình Toàn do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 210 trang. Giá 80đ

— **Đời nghệ - sĩ** nguyên tác "The moon and sixpence" của W.S. Maugham, bản dịch của Võ-viết-Chuân do Ca Dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 350 trang. Bản đặc biệt.

— **Dưới chân thành phố** tập thơ của Minh-Đường do Châu-Sa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 78 trang gồm 20 bài thơ. Giá 70 đ.

— **Thuyền giấy** tập thơ của Trần-

Huyền-Ân do Bách Khoa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 94 trang, gồm 30 bài thơ của nhà thơ trẻ rất quen thuộc với bạn đọc Bách Khoa — bản đặc biệt.

— **Phóng thích** tập thơ của Hoàng-Đình Huy-Quan do Văn-Học xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 112 trang, gồm trên 40 bài thơ thơ — Y-Uyên để bặt.

— **Bài tập Hình-học giải-tích** (tập 1) của A. Tétrel người dịch Long-Điền, nhà xuất bản Sinh-Viên ấn hành và người dịch gửi tặng. Sách khổ 20 x 25 in ronéo một mặt dày 250 trang dùng cho các chứng chỉ Toán Lý Hóa, Toán Lý và Lý Hóa Nhiên. Giá nhất định 200 đ.

Xin trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản trên đây.

Bình minh của thanh niên trí thức

Trên đây là đề tài cuộc nói chuyện có tên đầy đủ là : *Hiện tình xã hội Việt-Nam và buổi bình minh của thanh niên trí thức*, do hội Ái hữu cựu học sinh trường Bưởi / Chu-văn-An tổ chức tại thính-đường Trường Quốc-gia Âm-nhạc Saigon vào sáng Chủ nhật 19-11-1967.

Khai mạc buổi nói chuyện trước một số thính giả khá đông đảo, Ông Nguyễn Phúc Sa, hội trưởng Hội Ái-hữu, đã nhắc lại sự thành lập của trường Bưởi (1), của hội Ái Hữu, và giới thiệu diễn-giả : Ô. Đăng Gia Thoại, một cựu học sinh Trường / Bưởi, Chu Văn An, thuộc khóa 1954-59, hiện phục vụ tại cơ quan Xây-dựng nông thôn.

Mở đầu diễn giả phác họa hiện tình xã hội Việt Nam, nói tới tình trạng phân hóa trong mọi ngành và mọi thành phần của xã hội.

Chiến tranh lại mỗi ngày thêm khốc liệt ; sự có mặt của hơn nửa triệu quân đồng minh với các nhu cầu tiêu-thụ và dịch-vụ mọi loại, làm nảy sinh một lớp người sống sung túc nhờ giao dịch với khối người ngoại quốc và tạo ra một sự phân thính giả tạo tại các đô thị. Do đó phong trào chạy theo vật chất làm đảo lộn mọi giá trị cổ-truyền, lấn át mọi nếp sống truyền thống tốt đẹp.

Qua 2 kỳ bầu cử vào những tháng vừa qua người ta ghi nhận : sự hăng hái ra ứng cử của nhiều thanh niên trí thức và sự thất bại của các vị Đại-trí-thức. Kết quả này có thể làm người ta hoài nghi khả năng và thiện chí của lớp người cũ thất bại và của cả lớp người mới thành công và dường như giữa hai lớp người ấy có sự thiếu đồng nhất (non homogène. Sự thiếu đồng nhất đó có thực không và phải chăng buổi hoàng hôn của giới trí thức đã điềm ?

Đề trả lời câu hỏi trên đây, diễn-giả mời mọi người định nghĩa trí thức là gì ?

« Trước hết «trí thức» có phải là danh từ để chỉ một loại người chỉ cần mấy mảnh bằng như mấy lá bùa hộ mệnh để che đậy sự dốt nát của mình không ? Trí thức phải chăng là từ-ngữ để chỉ những người nói thạo vài thứ ngoại ngữ hoặc chỉ thuộc lòng như vẹt những điều mà nhà trường đã dạy bảo.»

« Một ông dược-sĩ từ ngày ra trường cho đến ngày chết chỉ phát minh được mỗi một điều là đem cho thuê bằng để mở tiệm buôn bán «Ấu dược» có xứng đáng là trí-thức không ?

Theo diễn-giả trí-thức là một lối sống sẵn sàng nhận lấy trách nhiệm, rủi ro của sự độc lập tinh thần ; trí thức cũng còn là « một thái độ lương thiện dám nhìn, dám nhận sự yếu kém của mình để học hỏi thêm... »

(1) Trường Bưởi / Chu văn An, trước đây là một trường Trung học công lập lớn ở Hà-nội, được thành lập từ đầu thế-kỷ này, đã mang nhiều tên trong thời kỳ Pháp thuộc tùy theo chiều hướng và chương trình, nhưng từ năm 1945, sau khi chính quyền Pháp bị hạ, thì cái tên Lycée du Protectorat được đổi thành trường Trung học Chu văn An với vị hiệu trưởng người Việt đầu tiên là cụ Nguyễn Gia Tường. Tuy nhiên, dân chúng, học sinh vẫn chỉ gọi tên là Trường Bưởi vì lẽ nhà trường được xây cất trên phần đất của làng Bưởi (làng Thụy Khê). Hội Ái hữu cựu học sinh trường Bưởi cũng được thành lập từ trên 30 năm nay.

Diễn-giả đã kích quan niệm thiếu sót và sai lầm đồng hóa tính cách trí thức với sự chấp hữu các văn bằng đại học, chỉ có giá trị đánh dấu sự hoàn tất của một học-trình. Diễn-giả lần lượt điếm qua các định nghĩa trí-thức từ trong từ điển đến quan-niệm của các cụ về kẻ « sĩ » khi xưa, quan niệm thông thư ng ngày nay, rồi kết luận rằng : trí-thức phải là « những hạng người có sáng kiến và có đầu óc hướng về tương lai, quên hẳn quyền lợi vị kỷ mà chỉ nghĩ tới sự tiến hóa chung của dân tộc, can đảm bỏ lễ lối sẵn có để đi tìm một đường đi mới thích hợp hơn, sẵn sàng học hỏi, phục thiện và đi dắt đại chúng theo con đường đó ».

Căn cứ theo định nghĩa trên đây, diễn-giả phân chia những người trí thức V.N. thành hai loại : Trí thức khoa bảng và Trí thức mới.

Tình trạng xã-hội V.N. có điểm đặc biệt là sự « mất tính cách ưu thắng của lớp trí thức khoa bảng và sự thành công của lớp trí thức mới, tượng trưng là lớp người trẻ trong quân đội, trên chính trường và trên mọi ngành hoạt động khác của xã-hội ».

Hai lớp người này chưa có sự đồng nhất, nhưng họ đều hấp thụ được những lý-tưởng cách mạng và dân chủ phát sinh tại Tây phương, đều nóng lòng muốn đem những lý-tưởng cao đẹp đã hấp thụ được để thực-hiện tại xứ sở. Với thời gian, sự bất-đồng-nhất giữa hai lớp người sẽ mất dần đi.

Sau cùng diễn-giả tin tưởng rằng « sự gia nhập mọi sinh hoạt của cộng đồng ngày càng tích cực của lớp trí thức trẻ sẽ làm cho tương lai xứ sở càng sáng dần lên » và như thế thì chính là buổi bình minh của thanh niên trí thức đã bắt đầu xuất hiện.

THỂ NHÂN

SÁCH BÁO MỚI

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch giả, tòa soạn và nhà xuất bản đã gửi tặng các sách báo sau đây :

Tiếng đồng nội, truyện dài của Trần Tuấn Kiệt, do Nguyễn Đình Vương xuất bản và gửi tặng. Sách dày 106 trang, tranh bìa của Duy Thanh. Giá 46đ.

Ngày lạ mặt truyện dài của Dương Nghiễm Mậu do Giao Điểm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 170 trang. Giá 90đ.

Cung đàn tập truyện của Dương Nghiễm Mậu do Văn Xá xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 136 trang gồm 6 truyện ngắn, in lần thứ hai giá 60đ.

Kinh cầu nguyện, tập truyện của Dương Nghiễm Mậu do Văn Xá xuất bản

và tác giả gửi tặng. Sách dày 126 trang, gồm 7 truyện ngắn. Giá 60đ.

Người giết người, tập truyện của Lý Hoàng Phong, do Văn Xá xuất bản và gửi tặng. Sách dày 124 trang, gồm 7 truyện ngắn.

Trên thiên đường ký ức, tập truyện của Nguyễn thị Hoàng do Hoàng Đông Phương xuất bản và tác giả gửi tặng Tác phẩm thứ 6 và tập truyện đầu của tác giả « Vòng tay học trò » dày 162 trang, bìa do Nghiêu Đề, gồm 7 truyện ngắn. Bản đặc biệt.

Chân dung tình yêu : truyện dài của Việt Chương do tác giả gửi tặng. Sách dày trên 160 trang. Giá 75đ.